ẤU-TRĨ-VIÊN

Ở nước ta ngày nay, ai là người có chút nhiệt - huyết đối với nòi giống, trông thấy cái hiện-tình xã-hội ta, sinh-kế ngày một eo hẹp, sự bần khốn ngày một dũ-tệ, mà chẳng lấy làm thảm-mục kinh - tâm. Thường đi qua các miền thôn-dã mà nghĩ cái nạn bần của dân nhà quê ta thật là trăm phần chua xót. Trong một làng những nhà có tư-bản, có ruộng đất, gọi là đủ bát ăn thật là hiếm quá. Phần nhiều là bần-dân, cả gia-tư, cả cơ - nghiệp, chỉ trơ trọi có một túp nhà gianh, vài manh chiếu rách, ẩm thấp lụp sụp, bần thỉu vô cùng. Quanh năm nghề sinh-nhai chỉ có mang hai bàn tay trắng đi làm thuê làm mướn cho người, nhưng ở nhà quê ta, công việc đồng áng, công sá rất ít-ỏi, sao cho đủ nuôi thân nuôi nhà. Gia-chi - dĩ làm ăn có vụ, những khi ngày ba tháng tám kiếm được việc làm để mong có cơm ăn thật là khó quá. Nên có độ nhiều nhà đã phải rút bớt ngày chỉ ăn có một bữa mà cũng không xong. Đến nỗi phải cầm con dợ cháu, tình cảnh trăm nỗi thảm-thương. Ôi ! cái nạn nghèo của dân nhà quê ta thật là một sự biến-nhiên, tưởng chả cần phải bày tỏ ra lắm ai cũng đã biết. Cứ nghe những người đã đi qua xứ Nam-kỳ về nói chuyện cũng biết xứ Bắc - kỳ ta nghèo khổ quá thật. Cái cảnh - tượng nhà quê xứ Nam thiệt là phồn-thịnh. đi đến đâu cũng thấy đồng ruộng tốt tươi, nhà ngói san sát, người lớn trẻ con, ăn mặc sạch sẽ, mặt mày nở nang rõ ra một xứ giàu. Thử về các mạn nhà quê ta xem, trông cái cảnh-tượng thật đáng nên buồn rầu, đi đến một quãng dài không trông thấy một chiếc nhà gạch, chỉ những nhà gianh vách nát tả tơi, người làm ăn lam-lũ, quần manh áo rách, ít thấy kẻ ăn mặc lành lặn sạch sẽ, ngoài đường trong ngõ, ỷ-oi những tiếng ăn mày kêu van, dân ta nghèo đến thế là cùng. Mà có phải dân ta là một dân lười biếng gì cho cam. Kể cái làm thì dễ không dân nước nào vất vả bằng dân ta. Lam-lũ cả ngày, đầu tắt mặt tối suốt tháng ấy sang tháng khác, mà vẫn phải nhăn nhó với cái ma bần.

Xét nguyên - nhân cái nạn bần đó cũng bởi nhiều lẽ. Ai không biết ở xứ Bắc-kỳ ta bây giờ, về mạn đồng bằng, dân ở đông đúc quá, người thì nhiều mà đất thì ít, số dân cứ càng ngày càng tăng mà sinh-kế trong xã-hội vẫn điêu-tệ như ngày nay, trách nào mà chả nghèo. Trong xã-hội ta bây giờ biết bao nhiêu là người dở cu-li dở khất- cái, khi có công việc gì làm thì còn kiếm được ngày rằm ba su để nuôi thân, nhỡ yếu đau què quặt, phải ngồi rồi lúc nào là thần đói đã ở đâu chỉ đường nẻo cho đi ăn mày ăn xin. Mà những kẻ khốn-cùng ấy thường bị như thế luôn, vì rằng họ thân-thể đã gày còm, đồ ăn uống bổ-dưỡng lại chả có, nên sức vóc ngày một hao mòn, dẫu có làm cũng không được việc, gia-chi-dĩ người lại năng tật bệnh thì tránh sao cho khỏi cái nạn nghèo. Đã thế họ ở trong dân làng lại phải ức hiếp, chịu nhiều nỗi thiệt thòi nữa. Trừ trong một số ít làng, những người đàn anh giàu có, biết nghĩ tới thân phận lũ đàn em nghèo đói mà cho nhờ vả thì còn khá. Còn ra biết bao nhiêu làng trông thấy cách ăn ở của những người tai mắt trong làng mà nghịch tai trướng mắt quá. Thôi thời bao nhiêu những phần lợi lộc trong làng, họ đều tranh lấy cả, ăn hà ăn hiếp những kẻ nghèo khó kém vế, nay bổ bán tiền này tiền nọ,

mai bắt phu làm việc kia việc khác, họ chỉ ngồi đấy mà ăn bớt ăn xén, hành-hạ lũ cùng-đinh đủ tình đủ tội. Khổ thay những dân nghèo khó, đã kiếm chả đủ ăn, lại phải đóng góp các khoản với làng với xóm, đã chịu ép một bề, cũng không được yên thân mà làm ăn. Ôi ! đã gọi là cùng-đinh ở chốn dân-gian ta thì khổ não khôn xiết kể, nghìn nỗi đắng cay không biết kêu vào ai được. Ấy đó cái nạn nghèo ở nước ta đã lan khắp hai kỳ Trung Bắc, các người có lương-tâm có nhiệt-huyết trông thấy thế ai là người chả động lòng thương xót mà mong tìm phương bổ-cứu.

Có kẻ bảo ở xứ ta bây giờ, trên miền trung-nguyên và thượng-du, còn nhiều đất bỏ hoang, sao dân nghèo đói ở đồng bằng không lên đấy mà khai khẩn cứ chịu khu-khu ở xó nhà khoanh tay mà nhịn đói ? Phải, nói thì dễ thật, song thử hỏi cái dân nghèo ta, người đã yếu như sên, lại không có nghị-lực, không có tư-bản, dễ thường cứ mang hai bàn tay trắng lên ở đó mà hoang-địa hóa thành thục-điền đó hẳn ? Nên cái phương-sách cứu bần tưởng dễ mà thật là khó. Vì khó thế, nên những kẻ đã lỡ sinh ra cái kiếp nghèo nàn thì cứ đành phải chịu khổ sở suốt đời, khó có cách thoát khỏi. Thành ra trong xã-hội ta bây giờ có riêng một hạng người cùng-vô-sở-xuất, yếu đuối như là ốm dở, hầu thành những người sống thừa vô-dụng, mà hạng người ấy lại là hạng người nhiều nhất, thì nghĩ có kinh tâm não ruột không chứ !

Ôi ! sự nghèo nàn của dân ta là một sự đã dĩ-nhiên, ai trông thấy chả thảm thương, song thảm thương nhất là lũ trẻ con nhà nghèo, dầu xanh đã tội tình gì mà đã phải chịu những nỗi cơ cực nghèo nàn. Những đứa trẻ mới rằm ba tháng cũng đã phải bỏ vạ bỏ vật nghĩ mà ái ngại thay ! Cả ngày cha mẹ phải đi làm xa nên vừa bảnh mắt dậy đã vội vàng vớ ít cơm ngô cơm khoai, nhà chệu-chạo mớm cho dày dạ con trẻ, rồi phó mặc cho đứa lớn ẵm bế nhau đi chơi lê chơi la, hay gửi một bà già lụ khụ nào giữ hộ. Còn những đứa lên hai lên ba cho đến lên năm lên sáu mới càng lêu lổng nữa. Ai là kẻ chăn dắt ? Ai là người dạy dỗ ? Suốt ngày ấy sang ngày khác, cha còn ở ngoài đồng, mẹ còn ở ngoài chợ, bôn-tẩu y thực còn chưa xong, lúc nào mà trông nom được con cái. Thành ra những đứa trẻ hoặc mới chập chững biết đi, âm ê học nói, hoặc đã lên năm lên sáu, đang là độ lớn, ăn chẳng được no, mặc không được ấm, mình mẩy nhem nhuốc, mặt mũi xanh xao, chơi bẩn nghịch thỉu, chửi nhau đánh nhau. Thậm chí có nhà cha mẹ phải đi vắng cả, không có ai trông nom, sợ con chơi nghịch, ngã xuống chuôm xuống ao, buộc con vào cột nhà hay để con vào trong hố ; kêu khóc cũng mặc, ỉả đái cũng thây, chẳng ai nhìn nhận đến, chờ cho đến khi cha mẹ về. Như thế thì thảm hại biết là chừng nào ! Ôi ! nghĩ đến cảnh trẻ bị đầy thân vào làm con nhà nghèo ở nhà quê ta thật đáng thương tâm não ruột. Mà nào có phải là dân nhà quê ta không yêu con đâu. Ai đẻ con ra mà chẳng thương xót, song chỉ chết vì nỗi nghèo, không hỏ con ở nhà chạy xuôi chạy ngược thì không có cái ăn. Để con phải bồ nheo bồ nhóc như thế cũng không đành tâm, song cũng không thể làm sao được. Thảm thay ! trẻ con ta thất-dưỡng ngay từ thuở lọt lòng mẹ, nuôi nấng đã liều lĩnh, vệ sinh lại chẳng có, trách nào mà đứa nào đứa ấy chẳng gầy còm yếu đuối, mang đủ bệnh nọ tật kia, phi ghẻ lở thì ho hen, phi ỏng bụng thì toét mắt, một năm chết vì sài nọ chứng kia biết bao nhiêu mà kể. Còn đứa nào sống được là may,

song gọi là có sống mà trông không ra hồn người, thiếu cả phần hồn lẫn phần xác, có lớn lên cũng không ra tư-cách con người, còn làm công trạng gì được. Ôi ! tương-lai một nước là ở lũ nhi-đồng, mà lũ nhi-đồng nước ta như thế thì còn mong nỗi gì !

Thân thể đứa trẻ con cũng ví như cái mầm cây. Muốn cho mầm lên được cao lớn, xanh ngọn nở cành, khai hoa kết quả thì ngay từ lúc mầm mới nhú lên phải chăm chỉ vun bón, nếu cứ bỏ vùi bỏ rập, bỏ liều bỏ lĩnh thì mầm tất phải cằn cọi không thể lớn lên được, còn mong gì có ngày khai hoa kết quả nữa. Trẻ con cũng vậy, muốn cho trẻ lớn lên có đủ sức lực mà chống chọi với đời thì ngay từ lúc bé phải chăm nom dưỡng-dục cho tử tế. Song dân nhà quê ta đã nghèo đói thế thì còn nuôi con làm sao cho tử tế được. Cho nên muốn bổ-cứu cho sự thất-dưỡng của lũ nhi-đồng chỉ có một cách lập ra các Ấu-trĩ-viên.

Ấu-trĩ-viên là cái vườn nuôi trẻ con. Ở các nước văn-minh bây giờ, người ta thường sửa sang một chỗ nuôi trẻ con rất sạch sẽ ở những nơi vườn rộng có cây cao, có bóng mát, có hoa cỏ cho trẻ con ngắm nghía, có đồ chơi cho trẻ con chơi đùa, có người trông nom cho trẻ con ăn uống, diễn dụ cho trẻ con hiểu những cái thông thường, dạy dỗ cho trẻ con biết yêu mến. Những nơi đó đều có một tiếng chung gọi là *Ấu-trĩ-viên*. Phàm trẻ con từ lúc đã biết chạy đi cho đến khi đi học được, cha mẹ thường đem gửi ở Ấu-trĩ-viên để tiện sự dưỡng-dục và được rảnh mà lo công việc làm ăn. Ấy ở các nước văn-minh, dân đã khôn, nước lại giàu, người ta còn lập ra Ấu-trĩ-viên để nuôi trẻ, huống chi là nước mình, dân nghèo khó cực nhiều, cha mẹ biết nuôi con cực ít, lại càng cần phải lập ra Ấu-trĩ-viên lắm.

Vậy ta cũng nên mô-phỏng cái cách thức của người Âu-châu mà dìu-dắt lũ con em lên con đường tiến-hóa, cớ chi cứ chịu ngu hèn mãi sao ? Vả cái cách thức ở ta làm bây giờ cũng không tốn mấy. Làng nào là không có chùa có quán, có đình có đền, ta nên lựa lấy một nơi thích-hợp để làm nơi bảo-dưỡng trẻ con, chỉ sắm thêm ít đồ dùng và ít đồ chơi cho trẻ là xong. Còn những người bảo-mẫu thì cũng không khó gì. Ở nhà quê ta, biết bao nhiêu là những các bà già, hoặc góa chồng đã lâu, hoặc con cái đã trưởng-thành, trong lòng vẫn chứa sẵn một mối nhân-từ, thường đi chùa này đền nọ, làm những việc phúc-đức. Ta nên nhân cái lòng từ-thiện của các bà ấy mà khuyên nhủ các bà để tâm đến lũ nhi-đồng thất-dưỡng kia, cũng là một việc làm phúc, mà có thực ích thực lợi hơn là khấn vái đền này, cúng cấp chùa kia. Như thế rồi lại bảo cho các bà ấy biết một vài phép vệ-sinh thông-thường và cái cách chăn nuôi trẻ con thì lo gì mà ta chả có những bà bảo-mẫu rất tốt, để quản-cố những Ấu-trĩ-viên cho được nên công. Phàm các người cùng-khổ trong làng dắt con cái lại gửi, giao cho các bà bảo-mẫu ấy trông nom, đói cho ăn, khát cho uống, giữ gìn cho chúng nó sạch sẽ, trông nom cho chúng nó chơi đùa, khi trẻ có đau mắt hay chốc mụn thì tìm phương điều-trị cho khỏi. Như thế trẻ con nhà nghèo cũng đều được hưởng sự bảo-dưỡng tử tế, khỏi phải cái cơ cực bồ nheo bồ nhóc như bây giờ, mà mong có ngày trưởng-dưỡng thành người, đủ tinh-thần lữ-lực mà mở mặt được với đời.

Phàm người ta thân - thể có khỏe mạnh thì trí-thức mới mở mang, trí thức có mở mang mới gánh nổi được công kia việc nọ. Cái phương-sách để cho thân-thể được khỏe mạnh là ăn ở theo phép vệ-sinh. Nên khoa vệ-sinh là một khoa học tối-cần, ai cũng phải

biết. Vậy mà dân nhà quê ta vẫn u mê chẳng biết vệ-sinh là cái gì, thậm-chí có kẻ cũng không nghe đến hai chữ vệ-sinh bao giờ nữa. Như thế thì mong dân mạnh làm sao được. Cho nên cần phải truyền-bá phép vệ-sinh về chốn nhà quê lắm. Song biết truyền-bá cách gì cho được. Có đặt những cuộc diễn-thuyết vệ-sinh ở các làng, sức dân đến nghe thì họ cũng đến cho tắc-trách, quan thầy thuốc có diễn dụ điều gì thì vâng vâng dạ dạ, tưởng chừng như về đến nhà thì đem ra thực-hành ngay. Kỳ thực tan cuộc diễn-thuyết thì các lời thầy thuốc nói cũng đi đâu mất cả, chứng nào vẫn giữ tật ấy, Vì từ xưa đến nay, những người nhà quê ta mang-nhiên không hiểu vệ-sinh là gì, ăn bẩn ở thỉu đã quen, có ốm đau đổ cho vận hạn, có chết chóc đổ cho số mệnh, cái tập-quán hư dở đã ăn sâu vào óc họ lâu lắm rồi, nay muốn cho họ đổi được cũng phải dần dần, không phải nhất-đán mà được ngay. Phải cho họ trông thấy hiển-nhiên công hiệu của phép vệ-sinh, may ra họ có chịu phục mà theo chăng. Khi Ấu-trĩ-viên mà thành-lập, những đứa trẻ con vào đấy được nuôi nấng tử tế, đồ ăn đồ mặc sạch sẽ tinh vi, từ cái chơi đùa cũng có người trông nom cho sạch sẽ, lúc nào cũng gần luôn với cái sạch như thế, lâu dần tập-dữ tính-thành, chẳng ai bảo nó nó cũng tự biết sạch sẽ, chẳng ai bắt nó nó cũng tự biết mến vệ-sinh. Không những chúng nó biết tự-vệ bản-thân chúng nó mà lại là cái gương tốt cho bà con họ mạc nó nữa. Các người nhà quê thuở nay vẫn giữ cái tật hư cho sự vệ-sinh, trông thấy chúng nó lúc bé được dưỡng-dục tử tế, sau lớn lại tập-nhiễm tính ăn ở sạch sẽ mà người được khỏe mạnh luôn, ít tật bệnh, tất phải cảm hóa mà bắt chước noi theo phép vệ-sinh. Lập Ấu-trĩ-viên ở các làng như thế thật là đem hạt giống vệ-sinh mà gieo rắc về chốn nhà quê, còn cách truyền-bá nào diệu cho bằng.

Trên kia đã nói tình hình những đứa trẻ thất-dưỡng, đói khát bẩn thỉu, bệnh tật gớm ghê, như thế thì giáo-dục của chúng nó còn nói gì được nữa. Ngạn ngữ có câu : « Dạy con từ thủa còn thơ », thật có như thế. Đứa trẻ con khi còn bé, cái óc còn non nớt, nếu không dạy bảo ngay để nhiễm phải những tập-quán xấu xa, lâu ngày in sâu vào trí-não, thì đến khi trưởng-thành dù có được cái giáo-dục hoàn-thiện đến đâu mà cái óc non nớt đã chứa đầy những cáu-cặn tự bao giờ cũng khó làm sao rửa cho sạch gột cho trong, để hòng tiếp-súc được những đức tính hay, lề thói tốt. Nên muốn cho sự học ở nhà trường có hiệu-quả tốt thì trước hết cái gia-đình giáo-dục phải cho chu-đáo đã. Mà gia-đình giáo-dục là phần nhiều thuộc về chức-vụ của người mẹ, ở nước ta tìm cho được người có đủ trí thức làm mẹ, trong bọn khuê-khổn hồ dễ đã được mấy người. Cái hoàn-cảnh trong gia-đình chỉ những gắt gỏng buồn rầu, những roi vọt cùng đấm tát, còn mong có giáo-dục tốt ở trong gia-đình sao được.

Muốn cho con trẻ được lĩnh-thụ cái giáo-dục tốt ngay từ thuở bé phải cho chúng nó xa những nơi khó chịu bởi cái nghèo sinh ra, mà để chúng nó vào một cái hoàn-cảnh êm đềm vui vẻ thì may ra mới có phần mong được. Như thế thì không gì bằng gửi chúng nó vào Ấu-trĩ-viên. Ở đấy đã có những người bảo-mẫu chọn trong những người đàn bà có lòng từ-thiện mà lại học tập thêm các khoa dạy trẻ, thay cha mẹ các nhà mà dùng các cách bảo-dưỡng đắc-nghi để vệ-dưỡng thân-thể, khai-đạo trí não, đào-luyện đức tính đứa nhi-đồng cho được thập phần hoàn bảo. Nên công cuộc Ấu-trĩ-viên mà thành lập, thật là bổ được cái

khuyết-điểm gia-đình giáo-dục mà là cái lò đúc nhân-tài nước ta mai sau này vậy.

Một đứa trẻ đã được hưởng cách chăn nuôi theo cách vệ-sinh ở Ấu-trĩ-viên, tất mai sau này thân thể sẽ được tráng-kiện, tinh thần sẽ được phát-đạt. Khi ấy dù xoay ra thực-nghiệp, làm thợ làm thuyền, đi buôn đi bán cũng có đủ sức lực mà sốc vác được những việc nặng nhọc, dù chuyên về đường học-vấn cũng có đủ trí tuệ mà ganh tài ganh trí, gây lên những sự nghiệp có ích cho nước, có lợi cho đời. Mà cùng chẳng nữa, chả làm được những việc to tát vĩ-đại, cũng là những người thợ khoẻ mạnh có ích, cũng là những người có học thức, hiểu lẽ nọ lẽ kia. Nếu lúc bé đã bị thất-dưỡng vô-giáo, gầy còm hom hem, u mê ám trướng thì khi trưởng - thành, có lớn mà không có khôn, có người mà không có sức, còn mong gì nữa.

Cứ như ở nước ta bây giờ, ai không xét kỹ thấy nhiều người không có việc làm, tưởng rằng xứ ta là một cái kho nhân-công vô-tận. có biết đâu rằng người không có việc làm thì nhiều thật, nhưng người làm được việc thì có mấy. Bởi cớ sao vậy? Chẳng phải là vì bọn dân nghèo nước mình phần nhiều thân-thể luy-nhược, chẳng tật nọ thì bệnh kia, sức lực bởi đó mà yếu đi, nghị-lực bởi đó mà mất hết, nên không thể làm được những công việc ra tuồng, có cố gắng lắm cũng chẳng được bao lâu.

Cái nhược-điểm của nhân - công nước mình thật đã nhiều lần chứng ra rõ rệt. Ngay như mấy năm trước đây, nhà nước có việc chinh - chiến, mộ lính và thợ sang Pháp, trong một trăm người của các làng tuyển ra ứng mộ, bị thải về vì không đủ sức lực biết bao nhiêu mà kể. Vậy mà xem các báo bên tây bình-phẩm về nhân-công các nước thì người mình chọn kỹ lưỡng như thế mà còn thua không khoẻ bằng người Tàu người Nhật, thế mới biết người mình yếu thật. Cho nên kể đầu người thì nước ta có nhiều người thật, nhưng kể đến cái nhân-công hữu-dụng thì thật là hiếm quá. Cái nguyên-nhân cũng bởi vì dân nhà quê ta nhiều người nghèo khổ quá, làm ăn vất vả mà kiếm vẫn không đủ nuôi miệng. Ăn uống đã không đủ bổ dưỡng, lại ở bẩn ở thỉu, tịnh-vô không có một chút vệ-sinh, nên người một ngày một yếu, sức lực một ngày một suy; trí não cũng một ngày một cần cọi. Bố mẹ đã thế, đẻ con ra lấy đâu được khoẻ mạnh thông minh, gia-chi-dĩ lại nuôi bậy nuôi bạ, đói khát tật bệnh, như thế mong trẻ con minh-mẫn đầy-đà sao được. Cha truyền con nối cái kiếp nghèo nàn hèn yếu, nhân-chủng vì đó mà một ngày một thêm suy nhược. Nhân-chủng đã suy nhược mà không sớm biết tìm phương bổ cứu thì chỉ có lần lần đào-thải cho đến kỳ tiêu-diệt mà thôi.

Ôi! dân là gốc của nước, lũ nhi-đồng ngày nay tức là dân của nước mai sau. Dân có khá thì nước mới khá, dân có giàu mạnh thì nước mới giàu mạnh. Cái tình cảnh thê-thảm của dân ta ngày nay, không phải là nhà-nước không lưu-tâm tới. Từ ngày nước Pháp nhận cái chức-trách bảo-hộ dân ta, vẫn tìm cách mở mang các nguồn lợi cho nước ta được giàu có thêm lên. Nào là những công cuộc dẫn-thủy nhập-điền, nhà nước tốn kể hàng triệu để khai sông đào ngòi cho nhà làm ruộng ta có nước cày cấy; nào là lập những đường hỏa xa cho sự giao-thông được thuận tiện; nào là lập các trường canh-nông kỹ-nghệ để dạy cho dân ta các khoa học thực-nghiệp. Thôi hãy kể qua mấy công việc to tát đó cũng đủ biết rằng Chính-phủ vẫn lưu tâm đến vấn-đề kinh-tế nước ta lắm. Cái phương-sách của Chính-phủ thi-hành

thật đã đắc-pháp. Cứ xem ngay như trong khoảng mươi năm nay, nước ta đã được hưởng cuộc thái-bình phong-túc hơn xưa biết bao nhiêu. Kể cái sinh-hoạt chung trong nước thật có tiến-bộ, số nhà giàu có thật đã tăng hơn trước, song số người nghèo khó vẫn hãy còn mà không phải là ít. Biết bao nhiêu kẻ sống ở cạnh cái giàu sang mà vẫn nghèo đói, sinh vào đời văn-minh mà vẫn còn u-mê ngu-độn, nghĩ đã cực chưa. Nhà nước dù nghĩ hết cách để chấn-hưng nền kinh-tế cho dân ta cũng chỉ có thể trù-tính được những công cuộc to tát có ảnh-hưởng đến sự sinh-hoạt chung tất cả các hạng người, không thể tính những việc nhỏ nhặt có lợi ích riêng cho một hạng người nào trong xã-hội. Cho nên các công cuộc của Chính-phủ trù tính cho dân ta dù đã hoàn bảo đến đâu chăng nữa, cái công của cá-nhân về việc công ích công lợi vẫn không là thừa mà có phần lại bổ khuyết được cho các phương-sách của Chính-phủ. Vì thế cho nên những người đã có cái hạnh-phúc được hưởng sự giàu sang, có tri thức đều có cái nghĩa-vụ đối với dân đối với nước. Cái nghĩa-vụ đó là gì ? Là những người có của thì phải xuất tiền ra cứu vớt lấy những dân nghèo khổ, những người có trí-thức phải mang cái học-thuật sở-đắc mà mở mang trí tuệ cho những kẻ ngu độn. Đó chính là cái nghĩa-vụ của bọn thượng-lưu trong nước ta bây giờ, ai là người có lương-tâm, có nhiệt-huyết biết lưu tâm đến vận-mệnh nước nhà mà dám coi là thường.

Nay hội Khai-trí-tiến-đức đứng lên tổ-chức công cuộc Ấu-trĩ-viên chính là để thực hành cái nghĩa-vụ đối với dân với nước và phù-trợ thêm vào sức của Chính-phủ để làm những việc ích lợi chung. Hội trên được Chính-phủ tin cậy, dưới được quốc-dân hâm-mộ, lại lấy hai chữ « công-ích » làm chủ nghĩa, các hội-viên đã hoan-nghênh cái mục-đích ấy mà vào hội rất đông, tất ai cũng vui lòng mà theo đuổi cái mục-đích cao-thượng ấy cho đến tận nơi. Bao nhiêu các bậc quan thân, hào phú, văn học, tri thức đều có đủ trong Hội kể có hàng nghìn, thật là gồm tất cả các hạng người có đủ tư-cách hành-động trong xã-hội thì lo gì Hội không đạt được cái mục-đích đó. Chỉ xin tất cả toàn-thể quốc-dân, ai là người có tri thức biết trọng nghĩa-vụ, khinh tư-lợi, kẻ giúp công người giúp của, mau mau tán-thành cho công cuộc Ấu-trĩ-viên là một công cuộc rất to tát của người An-Nam ta cổ-lai chưa từng thấy mà lại có ảnh-hưởng sâu xa đến nhân-quần xã-hội ta sau này vậy.

Cách tổ chức các Ấu-trĩ-viên

Nay ai cũng đã biết sự lập Ấu-trĩ-viên là khẩn-thiết không thể trì-hoãn được. Song vốn nước ta từ xưa đến nay chưa từng thấy một công cuộc như thế bao giờ, nay nghe nói đến việc lập Ấu-trĩ-viên còn lạ tai chưa hiểu, vậy xin giải qua cách tổ-chức Ấu-trĩ-viên ra đây để ai nấy đều biết. Về việc thiết-lập các Ấu-trĩ-viên đã có một bản qui-tắc riêng, xin cứ xem đó thì hiểu cách thức, vậy chỉ xin nói qua ra đây mà thôi.

Cái mục-đích tối-cận của Ấu-trĩ-viên là để lập một nơi tử tế chăn nuôi các trẻ con giúp cho các nhà nghèo vì sự làm ăn mà không trông nom con cái được. Các nhà nghèo khó cứ ban ngày mang con cái đến gửi ở Ấu trĩ-viên đã có những bà bảo-mẫu trông nom ăn uống tắm rửa sạch sẽ cho. Song Ấu-trĩ-viên chỉ nhận trẻ con từ năm biết đi rồi cho đến tuổi đi học được, nghĩa là từ năm lên ba cho đến năm lên bảy,

khi ấy trẻ con sức lực đã cứng cáp, trí não đã phát đạt, sẽ giao giả về các cha mẹ hoặc cho đi làm để giúp đỡ cha mẹ các việc nhẻ nhẹ, hoặc cho đi học đi hành. Nhưng cái mục-đích xa của Ấu-trĩ-viên là cốt để truyền-bá phép vệ-sinh về các thôn quê, cho các dân nhà quê trông thấy công hiệu của phép vệ-sinh mà bắt chước, và để ương những hạt giống vệ-sinh trong óc các con trẻ cho mai sau này dân nhà quê cũng biết mà ăn ở theo phép vệ-sinh. Cái mục-đích sâu xa nữa của Ấu-trĩ-viên là để bổ cứu cho cái nhược-điểm của nhân-công nước ta và để bồi bổ cho cái nhân-chủng ta một ngày một thêm mạnh mẽ.

Ấu-trĩ-viên là một công cuộc tư của hội Khai-trí-tiến-đức đứng lên thiết lập. — Ngày 15 tháng 8 tây, hội-đồng trị-sự hội Khai-trí-tiến-đức đã họp để bàn về sự lập các Ấu-trĩ-viên. Hôm đó lại có đặt tiệc mời quan Thống-sứ Bắc-kỳ và nhiều quan tây khác đến chứng-kiến cho. Hiện bản qui-tắc về công cuộc Ấu-trĩ-viên đã được hội-đồng trị-sự hội Khai-trí-tiến-đức ưng chuẩn rồi.

Cứ theo như bản qui-tắc ấy thì về công cuộc Ấu-trĩ-viên sẽ có một hội-đồng chủ-sự do hội-đồng trị-sự hội Khai-trí-tiến-đức bầu ra để bàn tính và chủ-trương các việc. Lại đặt một ông Tổng-quản-lý các Ấu-trĩ-viên cũng do hội-đồng trị-sự hội Khai-trí-tiến-đức cử ra để trông nom xem xét tất cả các Ấu-trĩ-viên sẽ lập ra và phải dưới quyền hội-đồng chủ-sự.

Phàm các hội-viên hội Khai-trí-tiến-đức ở các tỉnh trong xứ Bắc-kỳ đều có nghĩa-vụ phải đồng-tâm hiệp-lực để giúp vào những công cuộc của bản-hội lập ra được phát-đạt. Hội-đồng chủ-sự về việc Ấu-trĩ-viên sẽ cử một ông có chân hội Khai-trí-tiến-đức trong mỗi tỉnh — hiện nay tỉnh nào cũng có hội viên — để làm đại-biểu trong hàng tỉnh. Người đại-biểu ấy trước nhất là cốt để thay quyền tín-nhiệm về các Ấu-trĩ-viên mà giao thiệp với các quan Tây quan Nam trong hàng tỉnh, sau nữa là để khích-khuyến cho nhân dân bản-tỉnh giúp vào việc thiết-lập ra Ấu-trĩ-viên. Người đại-biểu đó sẽ đi các làng giảng giải cho thân-hào lý-dịch hiểu về sự công-ích ấy mà giúp sức tán-thành. Vì việc này là việc công-ích công-nghĩa, nên cũng không có bắt buộc các làng phải tuân theo mà lập ra Ấu-trĩ-viên. Hội chỉ định diễn-dụ cho nhân-dân ai nấy hiểu biết sự ích lợi nên làm, nếu làng nào không bằng lòng nghe thì Hội cũng không bắt ép làm chi. Song người đại-biểu cũng cố hết sức giảng giải, chỉ điều lợi hại cho dân được hiểu rõ. Nếu một người đại-biểu không đủ sức làm, thì người đại-biểu đó có thể thiết lập ra một hội-đồng-bản-tỉnh để cổ-động cho được nên công và để giao-thiệp với hội-đồng-chủ-sự. Khi giảng giải xem chừng trong làng có nhiều người tri-thức biết là việc hay nên làm thì người đại-biểu sẽ khuyên nên lập ra một hội-đồng riêng bản-hạt, lựa những người có học-thức có danh-vọng mà nhất là các người có chân hội Khai-trí-tiến-đức để trù liệu việc lập ra Ấu-trĩ-viên và trông nom khi đã lập thành rồi. Khi Ấu-trĩ-viên đã lập xong, hội-đồng riêng bản-hạt sẽ lựa lấy một người quản-lý trông nom về sự thu phát trong Ấu-trĩ-viên.

Về việc chọn nơi làm Ấu-trĩ-viên thì Hội sẽ định mượn các đình, chùa, đền, quán, vân vân, miễn là cao ráo sạch sẽ thì thôi. Hội sẽ mua thêm các đồ dùng như nồi niêu sanh chảo để thổi nấu, bát đĩa thìa đũa để ăn cơm, xây bể để đựng nước, sắm chậu để tắm rửa, mua đồ chơi cho trẻ con chơi

đùa, đồ thể-thao cho trẻ con tập-luyện, vân vân.

Về việc lựa những bà bảo - mẫu để trông nom con trẻ thì Hội sẽ định mời các bà có lòng từ-thiện ra giúp đỡ và có cấp lương mỗi tháng độ 9, 10 đồng. Song các bà ấy tuy có lòng làm phúc, nhưng còn chưa biết cách chăn nuôi trẻ con và chưa hiểu các phép vệ-sinh cùng phương-pháp điều - trị các tật bệnh xoàng. Nên Hội định lập ra ở gần Hà-nội một cái Ấu-trĩ-viên chính để làm mẫu và để luyện-tập cho các bà bảo-mẫu biết các phương - pháp đủ quản-cố được các Ấu-trĩ-viên.

Như thế là nơi dùng để làm các Ấu-trĩ-viên cùng người để trông nom các Ấu-trĩ-viên cũng có thể có đủ được rồi. Song còn tiền kinh-phí các khoản thì lấy ở đâu? Việc này là một việc công-ích mà lại là của tư-gia lập lên, không thể xin nhà-nước tăng thuế lên để lấy tiền được. Vậy về tiền kinh - phí để lập ra Ấu-trĩ-viên thì Hội định rằng thương-thuyết cùng các làng, để tùy tâm các làng lấy tiền công-quĩ ra một món là bao nhiêu đó để chi phí về việc Ấu-trĩ-viên, còn thiếu bao nhiêu, Hội sẽ cấp cho. Hội đã đứng lên thiết-lập ra công - cuộc này là một công-cuộc rất có ích cho nước thì Hội không lo gì thiếu tiền. Hội có thể xin nhà-nước trợ-cấp cho được, Hội có thể lấy tiền trong quĩ của Hội, Hội lại có thể đi quyên các nhà giàu, có hảo-tâm nhiệt-thành về việc nghĩa. Việc lập ra Ấu-trĩ-viên này là một việc làm phúc, nên Hội định rằng không lấy gì của các nhà nghèo dắt con cái lại gửi cả. Cơm nước thuốc thang, Hội đều cho không cả. Chỉ các nhà nào khá có bát ăn muốn đem con đến gửi thì Hội định rằng chỉ lấy đủ vốn thôi, nghĩa là đứa trẻ ăn hết bao nhiêu gạo thì chỉ lấy bấy nhiêu thôi, không ăn lời một xu nào cả, mà có thể góp ngay bằng gạo và góp từng ngày một, mỗi ngày một bát gạo chỉ hạn cũng được. Hội định dễ dãi như thế để sự làm phúc của Hội không phải một chút gì ngăn trở mà có thể lan ra khắp mọi nơi, cái ân - trạch dồi dào thấm thía đủ từ phía trong nước, đúc cho tròn quả phúc mai sau này vậy.

Hãy đại lược kể qua cái cách tổ-chức Ấu-trĩ-viên ra như thế, các độc-giả chư tôn muốn biết rõ xin đọc qua bản qui-tắc đã đăng ở tập kỷ-yếu của Hội số báo 62 kỳ trước.

(Bài trên này là lời bá-cáo của hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí-tiến-đức)

Kính-cáo các bạn đọc báo

Tôi mới ở Pháp về chuyến tàu « Angers » ngày 11 tháng 9 tây vừa rồi, và bắt đầu từ tháng này lại đứng chủ-trương báo Nam-Phong *như cũ. Trong sáu tháng tôi đi vắng, nhờ có các bạn giúp việc ở nhà hết sức duy-trì, vẫn được các Ngài một lòng quang-cố như khi tôi ở nhà, tôi lấy làm cảm ơn các Ngài lắm. Tôi đi Tây chuyến này xem xét cũng được nhiều điều ích-lợi, nhưng có một điều khiến cho tôi vui lòng hơn cả, là xét nghiệm ra cái mục-đích của tập* Nam-Phong *này thật là thích-thời và chánh-đáng ; vậy từ nay tôi xin ra công gắng sức mở-mang cho thành một tập báo xứng-đáng với cái lòng tín-dụng của các Ngài.*

Nay kính-khải

PHẠM QUỲNH

Y-HỌC KHẢO

Giống muỗi truyền bệnh « sốt rét »

(Le moustique, agent propagateur du paludisme)

Các tỉnh miền thượng-du, trung-du ở xứ ta hay phát chứng sốt rét mà ta quen gọi là bệnh « *ngã nước* » thì người tây đặt tên là « *sốt rét rừng* » (fièvre des bois) vì các nơi nào có rừng núi nhiều thì hay thấy có bệnh ấy. Sách thuốc Tàu gọi là « *lâm ngược* » 林瘧, cũng một lẽ ấy.

Ta gọi « ngã nước » là vì ta tưởng lầm ăn nước độc các miền ấy mà phát sốt. Nhưng không phải thế, chính tại một giống sinh-vật rất nhỏ ở trong huyết ta gọi là « huyết-trùng bệnh sốt rét » (hématozoaire du paludisme) làm cho ta phải sốt.

Tại sao mà « huyết-trùng » chiếm được cơ-thể ta? Là bởi một giống muỗi (anophèle) đốt người bị bệnh sốt rét, hút lấy máu có trùng độc, đến khi đốt ta lại truyền trùng ấy cho ta, thế là ta mắc bệnh.

Trùng độc từ khi vào mình con muỗi cho đến lúc chiếm được cơ-thể ta phải nhiều phen biến-cải Vậy trước khi bàn đến sự hành-vi của nó trong cơ-thể con muỗi và cơ-thể ta ra thế nào, tưởng hãy nên thuật qua ít lời về bệnh-trạng chứng sốt-rét và cách trị bệnh-đã, rồi ta sẽ lần lượt nói đến các cách dự-phòng cho khỏi mắc bệnh ấy, nào là cách trừ-khử nước tù - hãm, cách tiêu-diệt giống muỗi, nào là phép giữ mình cho muỗi khỏi đốt, lối uống « *kí ninh* » phòng-bị, vân vân...

I. — Bệnh-trạng

Bệnh « *sốt rét* » phát lên từng cơn một, chóng ra thì 2, 3 giờ, lâu lắm đến 9, 10 giờ. Hết cơn sốt tuy rằng mỏi mệt mà người bệnh cũng có thể gượng trở dậy đi lại làm-lụng được, chớ không phải nằm li-bì mê mệt cả ngày thâu đêm như trong bệnh « *sốt thương-hàn* » (fièvre typhoïde) hoặc mấy chứng sốt khác. Sốt rét phát mỗi ngày một cơn, hai ngày hoặc ba ngày một cơn, nên ta gọi « sốt cách nhật » là thế.

Lúc cơn sốt sắp lên thì trong mình bải-hoải khó chịu. Người thấy ngây-ngẩy rồi « *cơn rét* » (frisson) chợt ở đâu kéo đến làm cho người lạnh, run lên cầm-cập, hai hàm răng rung chuyển, đắp bao nhiêu chăn chiếu cũng không vừa. Độ một hai giờ thì « *cơn rét* » lui dần rồi tiếp luôn « *cơn nóng* » (chaleur). Nóng như nung như nấu, hàn-thử-biểu đo được đến 39, 40, 41 độ, có khi hơn nữa.

Lúc ấy thì muốn vứt hết chăn chiếu đi mà bao nhiêu người quạt cho tưởng cũng không mát chút nào. Sốt nóng trong 2, 3 giờ rồi « *mồ hôi* » (sueur) toát ra nhiều lắm, quần áo ướt đầm-đìa. Trong người từ bấy giờ thấy mát dần, rồi thấy dễ chịu tỉnh-tao hơn. Một cơn sốt như thế tính cả ba tuần : « *tuần rét* », « *tuần nóng* » và « *tuần mồ hôi* », ước 7, 8 giờ đồng hồ.

Bệnh này, người chóng xanh xao là vì độc-trùng làm hư mất nhiều huyết, nếu không trị ngay, tất sinh gầy còm, sinh phù bảng, dần phải chết.

Trị bệnh.— Trị bệnh « sốt rét » phi « *kí ninh* » (quinine) không có thuốc nào công-hiệu bằng. « Kí ninh » thuộc

loài thực-vật, lấy ở cây « canh-ki-na » (quinquina) ra.

Người Tây tìm được thuốc « *ki ninh* » đã khiến cho môn trị - bệnh được một hồi náo-động, thực đáng nên kỷ-niệm trong lịch-sử Y-khoa vậy.

Uống «*ki ninh*» không phải lúc nào cũng được. Đương cơn sốt uống không ích gì. Phải đợi hết cơn hoặc *5,6 giờ trước khi cơn sốt phát lên*, nghĩa là phải uống chặn lấy cơn sốt.

« *Ki ninh* » có thể bào-chế ra được nhiều thứ, như bột, viên, nước. Thuốc bột uống đến 1, 2 « gam » (gramme), thuốc viên thì 2, 3 viên hoặc 5, 6 viên tùy bệnh nặng nhẹ. Có người mệt lâu tì-vị sinh hư, uống « *ki ninh* » không chịu lại nôn ra mất ; có người bệnh nặng dẫu uống cũng không hiệu lắm, như vậy phải dùng đến thứ thuốc tiêm vào trong thịt cho thuốc dẫn chóng hơn và mạnh hơn.

Thuốc « *ki ninh* » dùng trị căn bệnh đã đành, nhưng thường khi phải mươi cơn sốt rồi thì thấy sắc người xanh-xao vì huyết đã hư. Như vậy, một « *ki ninh* » không đủ, tất phải ghé bổ. Bổ bằng gì ? Có nhiều thứ, như thuốc « *sắt* » (fer) như « *thạch-tín* » (arsenic) ; thuốc « *canh-ki-na* » cũng giúp cho ăn được ngon miệng, dễ tiêu chóng đói. Nhất là thuốc có ghé « sắt » giúp cho việc phụ-huyết rất mau.

Các xứ có bệnh « sốt rét ». — Bệnh « sốt rét » không những làm cho nhiều người bị-hại mà lại là một bệnh lan hầu khắp địa-cầu, không mấy xứ là thoát khỏi. Chỉ trừ mấy nơi lạnh lắm thì đỡ, còn dần dần từ ôn-đái đến nhiệt-đái lại càng lắm lắm. Nhất là mùa nóng nực, từ tháng sáu, bảy, đến một chạp bệnh phát nhiều ở các nơi thung-lũng gần bờ sông, hồ, ao, đầm.

Phía bắc châu Phi, phía nam châu Á, quần-đảo Ma-lê-di (Malaisie), phía bắc châu Nam-Mĩ và quần-đảo Ang-ti-ơ (antilles) là các nơi có « sốt rét » nặng lắm.

Ở châu Âu thì sốt-rét hay phát nhất tại phía nam nước Nga, cửa sông Đa-nuyt - bờ (Embouchure du Danube) nước Hi-lạp (Grèce), phía nam nước Ý, các đảo Si-xin (Sicile) Sạc - đe - nhơ (Sardaigne) và Cót-sơ (Corse), nước Y-pha - nho (Espague) và Bồ - đào-nha (Portugal).

Bên Pháp cũng có một vài hạt gián-hoặc còn sốt-rét nhưng cũng nhẹ, như phía bờ biển Mê-đi-te-ran-nê (Méditerrannée) hạt So-lo-nhờ (Sologne) v. v.

Thuộc-địa của Pháp các nơi này hay có : An-dê-ri (Algérie), Tuy-ni-di (Tunisie), Ma-rốc (Maroc), Ma-đa-gát-ca (Madagascar, Rê-uy-ni-ông (Réunion), Nguy-gian (Guyane), Goa-đờ-lúp-bờ (Guadeloupe) v. v. . . .

Đông-Pháp ta thì sốt-rét khắp 3 kỳ: Nam-kỳ còn khá, đến như Trung, Bắc-kỳ lại càng nặng lắm.

Như trên đã nói, nhất là các miền Thượng-du Trung-du xứ Bắc ta có nhiều rừng núi rậm-rạp, chứng « *lâm-ngược* » hình như muốn chiếm-cứ lấy các nơi ấy làm sào-huyệt để mà rình bắt những kẻ cố-cùng nghèo-đói phải lên đó mà kiếm miếng ăn. Xét biểu thống-kê thấy số người chết ở các vùng ấy quá nửa là vì bệnh « *sốt rét rừng* ». Cho nên thấy nhiều người có chí muốn dủ nhau lên sinh-nhai ở các vùng trên mà chỉ e nỗi « *ma thiêng nước độc* » tưởng cũng không phải quá đáng. Nếu vậy thì vấn-đề « *di dân* » lên các nơi sơn-lâm cùng-cốc đành là một vấn-đề hư-vô, một câu chuyện ảo-tưởng mà thôi ru?

Không, « *ma thiêng* » đã có « *thánh-dược* », « *nước độc* » có cách « *sát-trùng* ». Ta há chịu để cho cái « *bệnh quỉ* » kia hoành-hành một cõi để bỏ phao-phí mất bao nhiêu là lâm-sản địa-lợi của ta, khiến cho hai phần ba đồng-bào ta phải chịu khổ-rách áo-ôm,

khoanh tay mà chịu đói khát mãi sao?

Không, ta quyết đem thuốc tiên mà trừ bệnh quỉ. Thuốc-tiên ấy là gì? Tức là « *ki-ninh* » đã nói trên kia vậy.

II. — Trùng sốt-rét

Lẽ thường thì trong một bệnh nào có phát-minh được giống trùng bệnh ấy đã, biết tính-cách nó đã, nhiên-hậu mới nghĩ tìm lấy thuốc để trị nó được.

Nhưng bệnh « *sốt rét* » thì khác; ấy cũng là một sự ngẫu-nhiên mà tìm được thuốc « *ki-ninh* » lâu năm lắm rồi mới phát-minh được trùng bệnh.

Năm 1880 quan bác-sĩ nước Pháp là ông Laveran (1) đã tìm thấy « *vi-trùng sốt rét* ». Hồi bấy giờ ông đang sung chức Y-quan tại bệnh-viện thành Constantine (xứ Algérie). Nhân khi ông xét máu người bệnh sốt-rét, đem chiếu vào kính hiển-vi thì thấy trùng. Về sau người ta đem danh-hiệu ông mà đặt tên trùng, bèn gọi là « *Huyết-trùng Laveran* » (Hématozoaire de Laveran). Thực là vẻ-vang lắm thay!

« *Huyết trùng Laveran* » sinh-trưởng trong « *viên máu đỏ* » (globules rouges du sang). Lúc còn non nớt hay thay hình, khi co lại khi ruỗi ra, cử-động rất mau, thành « *hình ngọ ngoạy* » (corps amiboïde), dần dần lớn lên, chiếm đoạt hầu hết viên huyết thành « *hình tròn* » (corps sphérique). Rồi đó tách ra nhiều phía, kết « *hình hoa thị* » (corps en rosace).

Trong viên-huyết thấy đầy những trứng nho-nhỏ, tròn-tròn (mérozoïtes), viên-huyết vỡ tách ra thì những trứng nhỏ ấy lan khắp ra, lẫn vào nước huyết. Ấy chính lúc đó là cơn sốt phát lên, vì là chính lúc giống trùng sản-xuất nhiều mà tung-hoành trong máu ta. Rồi mỗi cái trứng nhỏ lại nở ra trùng, đi chiếm lấy một viên huyết còn nguyên lành mà gửi thân. Như thế là hết một tuần của trùng sinh nở, lại kế luôn tuần khác.

Có khi « huyết-trùng » kết thành « *hình bán-nguyệt* » (corps en croissant), như trong khi sốt nặng và nhất là ở các xứ nóng thì hay thấy.

Lại đem máu tươi người bệnh mà chiếu kính có khi còn thấy « huyết trùng » hình như mọc « *đuôi* » (corps flagellés) mà chuyển-động mau lắm, coi rất khoái-mục. Ấy cũng vì xem thấy những hình lạ ấy mà ngày tháng giêng năm 1889 quan giáo-sư Bouchard phải đem giới-thiệu « huyết-trùng » với hội khoa-học bác-sĩ (Académie des Sciences) một lần nữa để yêu-cầu hội Bác-sĩ công-nhận lấy « *Huyết-trùng Laveran* ».

Số là quan bác-sĩ Laveran tìm thấy « *Huyết-trùng sốt-rét* » đã từ mười năm về trước, tuy rằng đã rõ ràng xác-tạc lắm rồi, không còn phải ngờ-vực gì nữa, thế mà nhiều nhà bác-sĩ đồng thời vẫn còn phản-đối, cho nên quan giáo-sư Bouchard mới phải đăng-đàn ở giữa Học Bác-sĩ mà trình bày cái lý-thuyết ấy.

« *Huyết-trùng Laveran* » còn thay hình đổi dạng nhiều, nhưng đây chỉ lược-thuật cho biết qua công việc của nó ở trong viên huyết sản-xuất ra thế nào mà thôi. Hình-dạng và công việc

(1) Mới có điện-tín bên Pháp sang báo rằng quan bác-sĩ Laveran đã tạ-thế. Ngài mất đi không những là một sự đau-đớn cho nước Pháp mà thực là một cái thiệt to cho khoa-học-giới, một cái tang chung cho hoàn-hải vậy. Năm nay ngài hưởng thọ 77 tuổi; lúc sinh-thời ngài sung chức giáo-sư viện Khoa-học Pasteur ở Paris và có chân hội khoa-học bác-sĩ (Académie des Sciences) và học y-học bác-sĩ (Académie de médecine).

của « huyết-trùng » đã rõ, nay ta thử xét xem nó nhờ cách gì mà chiếm được cơ-thể ta ?

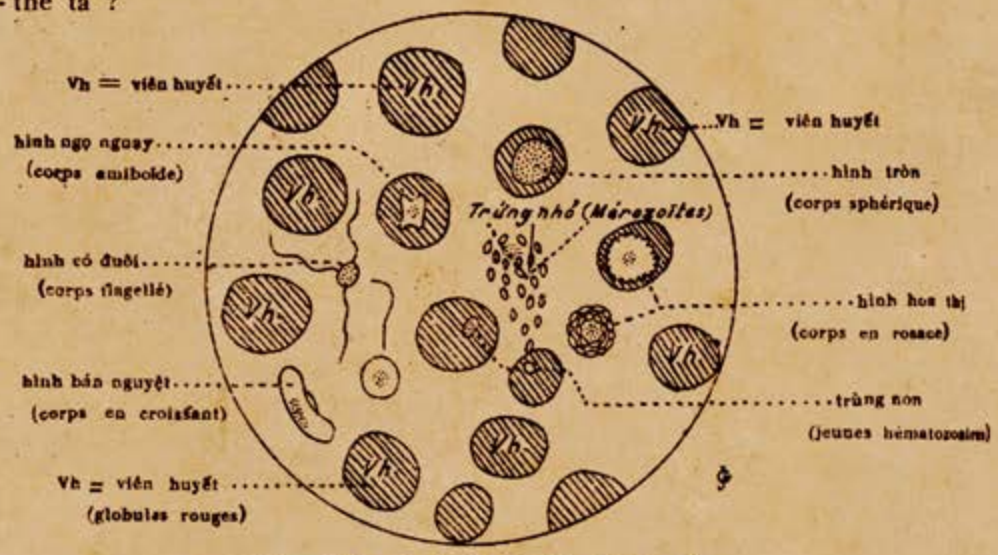

Những hình « huyết trùng » bệnh sốt-rét ngầm thấy ở trong máu người (chiếu kính hiển vi-tô 1200 lần).

Truyền trùng là tại muỗi

Năm 1895 ông bác-sĩ Ronald Ross là y-phó nước Anh đã thí-nghiệm tại Ấn-độ được cách muỗi truyền « trùng sốt rét » cho loài chim [1].

Kế đến ông giáo-sư Grassi thí-nghiệm vào người. Vẫn biết rằng muỗi có thể truyền « trùng sốt rét » cho người được; nhưng muỗi có nhiều giống loài. Ông tìm thì biết rằng chỉ riêng có giống muỗi cái loài « *anophèle* » (xem tranh vẽ sau đây) là có thể truyền trùng được mà thôi.

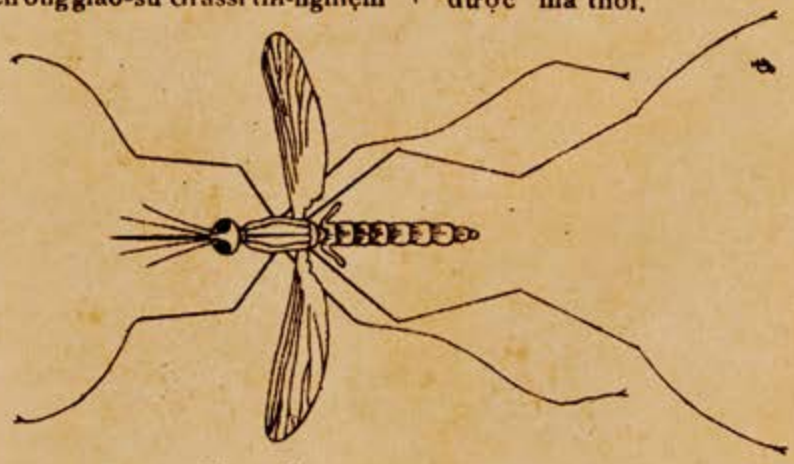

Giống muỗi « anophèle » truyền bệnh sốt-rét.

Từ năm 1896 ông đã sưu-tập được nhiều giống muỗi ở các hạt nước Ý thì ông xét thấy hễ hạt nào có bệnh sốt rét là tất có muỗi « *anophèle* » mà hễ càng có nhiều muỗi ấy thì người bị sốt rét lại càng nhiều. Ông bèn bắt muỗi « *anophèle* » ở một hạt có bệnh « sốt rét » đem đến một nơi không có bệnh ấy ở thành Rome rồi ông thả nó vào một phòng riêng trong bệnh-viện có hai người ngủ [2].

(1) Người ta đã xét biết rằng bệnh loài chim hơi tương-tự như bệnh loài người ; nên ông hãy thí-nghiệm cho giống chim trước.

(2) Hai người này đã ưng-thuận, chịu để cho ông thí-nghiệm như thế.

cách 12 ngày nữa, thì thấy một người trong hai người ấy phát cơn sốt rét.

Trước người ta cứ tưởng rằng muỗi mà sản-xuất ở nước tù-hãm các đầm ao thì tất hút lấy trùng sốt rét ở đó mà di truyền cho người. Nhưng không phải, ông Grassi đến các hạt nào nhiều bệnh sốt rét rồi vớt lấy ở đầm ao những bọ gậy (larves d'anophèles) đem về nuôi tại phòng thí-nghiệm của ông. Khi bọ gậy ấy nở ra thành muỗi, cho đốt những người lành (người chưa bị bệnh sốt rét) nhưng không thấy phát sốt. Ấy thế mà đem những muỗi ấy cho đốt người đã bị bệnh sốt rồi lại cho đốt người lành thì quả thấy phát sốt.

Nói tóm lại thì loài muỗi «*anophèle*» truyền được trùng sốt rét là vì nó đã đốt người có bệnh, hút lấy máu có trùng độc của người ấy, khi đi đốt người khác thì lại truyền trùng độc sang cho người ta.

Cách biến-cải của loài trùng ấy trong cơ-thể con muỗi đại-khái như thế này :

Muỗi hút máu người có lẫn trùng độc rồi nuốt vào vị-tạng (dạ dầy), vào đó con trùng đực gặp trùng cái giao-kết lại thành một giống mới gọi là « Zygote », con « Zygote » bám sát lấy dạ dầy muỗi kết-thành cái bao, bao ấy lớn dần lên, ở trong sinh-sản được nhiều trùng non, ước mười ngày bao vỡ tung ra thế là trong mình con muỗi đầy những « *trùng non* » (sporozoïte). Quả tim con muỗi hút những trùng non ấy dẫn vào các bao nước dãi (glandes salivaires). Khi muỗi đốt người thì nhả nước dãi có lẫn « *trùng non* » đi vào trong huyết người ta. Mỗi con « *trùng non* » bèn đi chiếm lấy một viên huyết đỏ, thế là kết-thành con « *huyết-trùng* » vậy. Bấy giờ « *huyết-trùng* » ở trong máu người lại sản-xuất thành nhiều « *huyết-trùng* » khác như đã nói ở trên.

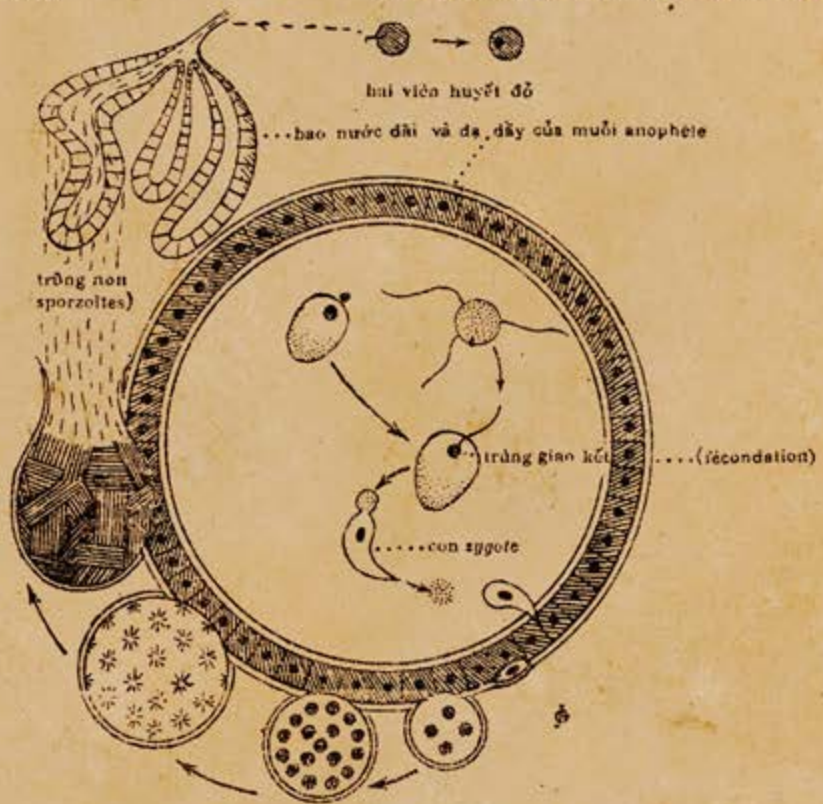

Cách biến-cải của « huyết trùng » trong cơ thể con muỗi.

Xem vậy biết « *Huyết trùng Laveran* » có hai thời-kỳ sản-xuất : một là nó hành-động trong máu người thì làm thành bệnh sốt rét; hai là nó hành-động trong thân con muỗi thì lại truyền bệnh cho người khác.

Ta sở-dĩ biết được vậy là nhờ ở cái tài phát-minh đặc-sắc của mấy bậc vĩ-nhân đã nói trên kia, như quan bác-sĩ Laveran (người Pháp), quan y-phó Ross (người Anh) với quan giáo-sư Grassi (người Ý).

Kế đến ông giáo-sư Manson (1) nghĩ phương làm cho cái « *lý-thuyết giải về loài muỗi anophèle* » được hiển-minh hơn, ông bèn đem thực thành cái « *lý-thuyết* » ấy một cách thực là chu-đáo. Ông có người con trai không ra khỏi nước Anh bao giờ, ông bắt muỗi độc ở thành Rome đem về nước Anh cho nó đốt lệnh-lang thì cậu cũng bị sốt-rét. Lấy máu đem chiếu kính xem thì quả thấy có độc-trùng nhiều lắm. Dĩ-chí cái bệnh-trạng của cậu lại hệt như bệnh-trạng của người bị sốt mà trước đã cho muỗi ấy đốt để hút lấy trùng.

Về sau, tại một Bệnh-viện thành Nủi-óc (New York) cũng đem thí nghiệm làm vậy thì cũng thấy công-hiệu như thế.

Ở xứ ta các mạn ngược có nhiều giống muỗi ấy. Nó ưa ở các nơi nước tù hãm mà không bay cao được. Cho nên ở cao như các đồi núi quang-đãng thoáng gió thì đỡ muỗi. Dân cư các miền thung lũng bờ biển, bờ sông, ao đầm, đồng lầy hay mắc sốt-rét là tại muỗi ưa ở các nơi đó. Các nơi rừng rậm, nhiều cây-cối cũng vậy.

Nên chi vài mươi năm về trước ai nghe nói đến phải đi làm-ăn buôn bán xa như xứ Lạng, thành Tuyên (sông Ngâu), chợ Mới (Bắc-kạn), sông Bờ (Hoà-bình) Yên-bái, Lao-kay, v.v., cũng phải ghê mình rởn ốc. Là tại các vùng ấy nhiều rừng rậm, lắm ruộng lầy sinh nhiều muỗi độc khiến cho nhiều người bị hại về bệnh sốt rét, có đi mà không về. Hoặc-giả có về chăng nữa thì trong mười người phải đến tám, chín người mặt bủng da vàng, bụng bảng người nề, ốm lay ốm lứt cũng chẳng sống lâu được.

Mỗi khi lên cơn sốt, phát mê nói sảng, ta đổ cho « *ma thiêng nước độc* » là lẽ thế.

Thậm - chí cả đến phong - dao mà cũng có câu :

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em

Lại xem như mấy năm trước đặt đường xe lửa Lao-kay, những phu ta làm khúc đường từ Yên-bái trở lên thực là nguy-nan lắm. Người bị hại về bệnh sốt rét rất nhiều, làm cho dân nhà quê ta đã qua một hồi khủng-hoảng.

Một câu phong-dao trên kia, kế đến một hồi khủng-hoảng nọ đủ khiến cho ta phải nản chí ngã lòng mà không muốn cất mình đi làm ăn xa nữa!

Ngày nay thì khác. Nào mở mang đường-xá, phát rẫy núi rừng, nào lấp bỏ đồng lầy, khơi đào ngòi sông; toàn là những diệu-kế có thể giúp cho vấn-đề « *vệ-sinh phòng-dự* » (prophylaxie) được một phần lớn mà có ảnh-hưởng cho việc giao-thông nhiều. Cho nên việc giao - thông mà càng dễ-dàng tiến-bộ bao nhiêu thì hình như cái nạn tật bệnh càng thoái-bộ bấy nhiêu.

Vì vậy người Tây mới nói « *Văn-minh càng tiến sốt-rét càng lùi* ».

---

(1) Ông là một nhà y-sĩ đại tài ở nước Anh mà lại chính là thầy học của ông Ronald Ross.

Thực thế, xét xem cái số dân Trung-châu ngày nay đã chịu lên các miền trên mà buôn bán, khai-khẩn làm ăn, đông hơn xưa nhiều thì đủ rõ vậy.

III. Đề-phòng bệnh sốt-rét

Bệnh sốt-rét làm hại ta tức là quân cừu-địch của ta, đối với quân cừu-địch, ta phải liệu cách đề-phòng, nghĩa là ta phải thi các phương-sách mà ngăn ngừa cho quân thù không xâm-phạm đến mình ta được.

Cái chương-trình các phương-sách ấy đại-đề cũng tương-tự như các chiến-lược của nhà binh vậy. Cho nên có cách đề-phòng theo « *thế công* » (prophylaxie offensive), cũng lại có cách đề-phòng theo « *thế thủ* » (prophylaxie défensive).

Theo « *thế công* » thì ta tìm cách trừ-khử các nơi muỗi đẻ, tiêu-diệt giống bọ-gậy, giết các giống muỗi [illegible]h, v.v.

Theo « *thế thủ* » thì giữ mình không cho muỗi đốt, giữ nhà ở không cho muỗi tới lui, làm nhà xa nơi sản muỗi, uống thuốc ki-ninh phòng xa, v.v...

A. — *Đề-phòng theo thế công*

1° *Trừ-khử các nơi muỗi đẻ.*—Giống muỗi cần phải có những nơi nước tù hãm như đầm, ao, vũng, rãnh, cống v.v... để đẻ trứng và cho trứng nở ra. Hễ ta trừ hết được những nơi ấy tất là bớt được nhiều muỗi. Trừ các nơi ẩm thấp ấy thì đất được khô ráo, ta lại đem lợi-dụng mà trồng dọt hoa mầu được nữa.

Các cách tổ-chức để làm cho khô-ráo được những quãng đất ẩm-thấp mà rộng-lớn mênh-mông thì phải đến tay nhà kỹ-sư chuyên-nghiệp mới trù-liệu được.

Đây chỉ nên kể qua những công-việc nên làm như : đắp-đê đào kênh, xẻ ngòi cho thoát nước, lấp các nơi có nước tù-hãm, hút nước bằng máy (1) v. v. . . .

Những công-việc nói đây khó lòng thực-hành được ở các xứ thuộc về nhiệt-đới, vì các xứ ấy, có những cánh đồng lầy mênh-mông rộng kể hàng trăm nghìn mẫu. Thường người ta phải dành theo lối đỡ tốn hơn mà tìm cách trừ bỏ những nơi nước tù hãm gần nhà ở. Ta đã nghiệm biết rằng giống muỗi « *anophèle* » không bay xa chỗ nó sinh nở được, chỉ đến một cây-lô-mét là cùng. Như thế thì rất dễ, ta chỉ cần trông nom chỗ khu nhà ở (một làng hoặc một xóm) (2) trong vòng chu-vi một cây-lô-mét là đủ.

Trong vòng chu-vi ấy hễ có vũng, hố hoặc ao giếng bỏ hoang thì ta lấp đi hoặc tìm cách cho nước lưu-thoát

(1) Đó là một chương-trình vĩ-đại, muốn đem thực-hành được phải tốn nhiều công, phí nhiều của, phi Chánh-phủ đảm-nhiệm lấy không xong. Ta không dám bì với các nước văn-minh Âu-Mĩ mà mong ở các tư-gia được, vì nước ta ngày nay còn hiếm người có hằng-tâm lắm. Phỏng ai đã nghiễm-nhiên dám bỏ của ra hàng nghìn hàng vạn mà làm những việc không lời cho mình bao giờ ? Gián-hoặc có người cũng lo làm việc công-đức, nhưng lại hiểu lầm : nào tô tượng, đúc chuông, xây chùa, lập miếu, cũng là làm những việc không đâu, phi cầu danh tắc vụ lợi, mà vẫn không ra khỏi vòng hiếu-thắng ! Như thế phỏng có bổ ích gì cho đồng-bào chăng ?

(2) Ngày nay các làng đã lục-tục cải-lương và tỉnh giảm việc ăn uống hoang-phí, tất để dành được tiền công-quĩ dùng làm việc có ích như lập học-đường, xây nhà hộ-sản, mở mang đường xá, v. v. Mong rằng các quan địa-phương có trách-nhiệm khai-hóa cho dân cùng các hào-mục trong thôn-xã cũng hiểu tình-thế mà ghi cái vấn-đề vệ-sinh này vào chương-trình thực-hành các việc công-ích thì may lắm.

được. Chum vại vỡ, mảnh chai, mảnh nồi, hộp sắt tây (hộp bơ, hộp sữa) vân vân, toàn là những thứ tiện cho muỗi đến mà sinh nở. Lắm nhà hàng-rào ken bằng nứa vạc nhọn, ấy trong những đầu khúc nứa nước mưa cũng đọng lại được ; vậy ta nên bổ đôi cây nứa mà ken hàng rào thì hơn.

Chung quanh nhà ở muốn cho được khô ráo thì chỉ bằng trồng thông giồng tre. Tre ở nhà quê ta đâu cũng có, không cần phải bàn, nhưng cốt một điều là không nên trồng gần nhà ở quá. Vì cây cối um-tùm rậm-rạp lắm chỉ tiện chỗ cho muỗi trú-ẩn mà thôi.

Trong chương-trình các việc nên làm, có nói đến khoản « đắp đê » ; mới nghe hẳn phải lạ tai. Ừ, mà đắp đê để phòng thủy-lạo, chứ đắp đê có mật-thiết gì đến bệnh sốt-rét ?

Số là đê thấp nước tràn, đã không lưu thoát đi được, ắt phải tù hãm lại mà khiến cho giống muỗi sản xuất ra trùng-trùng điệp - điệp. Nên chi bàn đến lẽ đắp đê là thế vậy (1).

2° *Tiêu-diệt con quăng.* — Cách giản-dị hơn cả là cứ nơi nào có nước tù hãm mà không lấp được thì nên tưới dầu hỏa. Con quăng tức là giống bọ-gậy cũng như các giống sinh-vật khác cần phải hô-hấp mới sống được. Thỉnh-thoảng lại phải nổi lên mặt nước mà hút không-khí, khi lên gặp dầu-hỏa ngấm vào làm bị mất các lỗ hô-hấp thế là chết ngạt. Tưới dầu hỏa nên cứ một thước vuông nước là một thìa là (độ 15 cmc) không nên để dầu dồn lại một chỗ, lấy một miếng vải dấp dẫm dầu, đem trà trên mặt nước để dầu lan ra cho đều. Hoặc dùng thứ ống thụt hay thứ bình tưới nước (để tưới vườn) mà tưới dầu cũng tiện. Dầu hoả bốc hơi chóng lắm, độ mười lăm ngày nên tưới lại một lần. Tưới dầu không ngại gì cho giống cá vì cá đã hô hấp bằng dưỡng-khí lẫn ở trong nước rồi. Ta hoà dầu hoả lẫn với « hắc ín » (goudron ou coaltar) cũng đỡ bốc hơi.

Lại còn nhiều chất hoá-học có thể dùng mà trừ bọ-gậy được, nhưng không tiện, vì giá nó đắt hoặc có nguy hiểm.

Các vùng nhà quê ta bất-đắc-dĩ mà không lấp được đầm, ao (đây nói về ao nhỏ ít nước) thường thấy nuôi cá cũng là cách lợi, nhưng nên chọn giống cá chép cá sắt và cá vược mà thả vì mấy giống ấy ưa ăn bọ-gậy lắm.

Mấy năm trước ta nhiều người đua nhau chơi « cá vàng » cũng là một cách tiêu - khiển có ích cho vệ - sinh, là vì thường thấy lũ trẻ ngày ngày vác vợt xách thùng đi các nhà có bể có ao mà xin hớt lấy bọ gậy đem bán để nuôi cá vàng. Nhưng

(1) Viết đến mấy dòng này thuật-giả lại hồi-tưởng đến cái nạn thủy-lạo mấy năm trước đã làm cho quốc-dân một hồi nghị-luận phân-vân, kể bàn cách này, người mưu nọ, tốn hại biết bao giấy mực (xem Nam-Phong và Trung-Bắc mấy năm trước) mà chưa giải-quyết xong cái vấn-đề lý-tài tối-quan-trọng cho cả một dân-tộc ta. Thậm-chí lại có mấy ông dám bàn xin Chánh-phủ « *bạt-đê* » để trừ cái « *ngụy nhất-thời ngập lụt* ». Thuật-giả không am-tường về khoa « Thủy-học, » có đâu dám lạm bàn, nhưng chỉ xin đứng về « *phương-diện vệ-sinh* » mà nói, thì thực không có cái lương-tâm mà biểu đồng-tình với các ông được. Sao vậy ? Các ông không nghĩ đến cái cảnh-tượng sau khi «*bạt đê*» rồi thì cả một vùng trung-châu xứ Bắc-kỳ sẽ trở nên một cái «*vũng lớn*» quanh năm chứa nước. Nước ứ lại không lối tiêu-thoát thì tha hồ cho giống muỗi hoành-hành. Bệnh sốt rét tung-hoành trên chốn son-lâm đã khốc-hại lắm thay, nếu lại ruốc nó đi khắp cõi nữa thì cái tai-biến biết đến đâu mà kể. Thực là một tội to với nòi giống vậy ! Các ông nghĩ sao ?

thế chả phải một cách giết con quăng rất hiệu là gì? Nhiều ông thích chơi cảnh trong nhà như núi giả, bể con, thường hay chứa nước, là chỗ muỗi đẻ rất nhiều. Nhưng nếu trong bể lại có thả « cá vàng » tưởng cũng vô-hại.

Nói tóm lại, tiêu-diệt « con cung-quăng » chỉ có hai cách giản-tiện mà đỡ tốn là tưới dầu và thả cá.

3° *Diệt - vong giống muỗi lớn.* — Cách này khó hơn là cách tiêu-diệt con bọ quăng.

Những chất hóa-học (1) có thể dùng để trừ giống muỗi lớn như « Á-lưu-toan » (2), hơi « Cách-lỗ-nhĩ » (3), thuốc viên « Tiêu-thạch » (4) và « lưu-hoàng » (5) v. v. Duy có chất hiệu hơn là « Á-lưu-toan » tức là « lưu-hoàng » đem đốt cho bốc hơi lên thì muỗi phải ngạt, nhưng phải một nỗi mùi nó nặng lắm khó ngửi,, đã đốt thì nhà phải bỏ không ít lâu cho hả mới ở được.

Đốt lưu-hoàng có thứ máy Cờ-lê-tôn (appareil Clayton) tiện lắm, nhưng chỉ các bệnh-viện lớn và các tàu thủy to mới có máy ấy vì lại tiện dùng mà trừ giống chuột được nữa. Nhất là trừ muỗi ở các cống lớn dùng máy Cờ-lê-tôn càng tiện. Các nhà tư ta (6) không có máy ấy thì nên đem lưu-hoàng đốt, đóng kín cửa phòng lại độ một hai giờ là đủ rồi mở toang cửa ra cho hả hơi.

Nhà tư ta lại còn dùng được thứ « *bột bi-rét* » (poudre de pyrèthre), đem đốt lên thì muỗi phải say mà rơi xuống đất, ta phải quét ngay muỗi mà đốt đi, sợ để lâu muỗi hả hơi thuốc tỉnh ra lại sống.

Còn mấy chất nữa như thuốc *fidibus*, như *aldéide formique* cũng trị được muỗi, nhưng dùng không tiện cho ta vì diệu-vợi mà khó mua được.

Mấy giống vật ưa bắt muỗi như chim yến, rắn thằn-lằn, dơi và mối đều là vật được việc cho ta thì ta không nên làm hại nó.

Quạt máy với quạt kéo chỉ tiện cho các nhà ở thành-thị mà thôi, tuy vậy chỉ làm bạt được muỗi trong giây phút chứ không trừ được nó cho tuyệt.

Có thứ hộp dùng làm bẫy muỗi vừa tiện mà không tốn mấy. Hộp làm bằng gỗ sơn đen, hình vuông, mỗi chiều độ 20 phân tây. Một mặt để miếng kính làm cửa kéo ra kéo vào được. Ban ngày muỗi ưa trú vào các nơi tối trong nhà; đem để hộp đen vào các nơi ấy, miếng kính làm cửa thì kéo rộng ra. Sáng ngày mở cửa cho rộng để ánh sáng chiếu vào trong nhà, muỗi chói phải tìm nơi tối mà ẩn. Thấy hộp tối đen thì bay vào đó mà tránh sáng. Liệu chừng khi hộp có nhiều muỗi ẩn thì sẽ ấn miếng kính ghịt vào đốt muỗi ở trong hộp. Ta bỏ vào trong hộp một ít bông dấp đẫm dầu săng (benzine) muỗi bị mùi hắc thì tê

---

(1) Mấy tiếng về hóa-học này là theo bản dịch của Tàu, có phần không được đúng lắm. Đợi đến ngày nước ta có các nhà chuyên-nghiệp hóa-học phủ-chính lại, nay ta hãy tạm dùng vậy.

(2) Á-lưu-Toán = acide sulfureux (亞 硫 酸)

(3) Hơi Cách-lỗ-nhĩ = les vapeurs du chlore (格 魯 爾)

(4-5) Thuốc viên Tiêu-thạch và lưu-hoàng = les pastilles de nitre et de soufre (硝 石 硫 磺)

(6) Đây là nói những nhà làm thành từng phòng một có cửa đóng kín; nhà gianh ta thời không tiện dùng.

tái như mê rơi cả xuống, ta mở hộp chút ra mà đốt.

Người Nhật dùng thứ hương đốt lên thơm hắc, muỗi phải tránh xa hoặc bay lên cao đậu trên tường hoặc mái nhà. Hương ấy hình như cũng có « *bột bi-rét* » (đã nói ở trên) lẫn vào.

Người Nam ta trừ muỗi thì hay dùng vợt làm bằng vải sô hoặc hun lá xoan, lá gai, lá dạy.

Có người nói làm mấy cách sau này có thể khiến cho muỗi phải tránh xa; nếu tiện dịp tưởng cũng nên thí-nghiệm: Một là lấy máu con ba-ba phiết vào giấy bản mà đốt. Hai là lấy mai con ba-ba và « *dạ-minh-sa* » (1), hai vị tán nhỏ, như bột chộn lẫn rồi đem đốt. Ba là dấm thanh tầm với bèo cái một đêm, để chỗ rợp đến khô đem đốt. Lại có người nói: Lấy xương con cá mạn (cá thờn bơn chăng?) đốt thì muỗi tan ra nước hết, thực là chuyện quá ư hoang-đường.

B. — *Đề phòng theo thế-thủ*

1° *Giữ mình cho muỗi khỏi đốt.* — Ở các xứ lắm muỗi, lúc đi làm việc bên ngoài nhất là các nơi đào đất phá hoang người ta thường phải đeo mạng che mặt (như mấy bà dầm) đeo bao tay, mà chân đi giầy cao cổ hoặc đi ủng; lúc về nhà nghỉ lại phải dùng màn, may bằng thứ vải sô ta khi hấp hơi, nếu được thứ mạng tây (tulle grec) lỗ rộng độ hơn một li tây (1 m.m 1/2) thì thoáng hơi hơn; màn phải cho rộng để lúc nằm lăn-lộn không đụng đến thân màn, vì khi ngủ mà vô ý chân tay sát với màn, muỗi cũng đốt được. Màn chớ may cao quá, e khi muỗi lọt vào khó đập được nó; phải thừa dài cho đủ mà giắt xuống dưới chiếu. Có người may đinh màn bằng vải sô cho thoáng hơi nhưng không tiện vì lắm bụi vào người, may bằng chúc bâu thì hơn. Màn may có cửa muỗi hay lọt vào dễ lắm; may theo lối màn ở các nhà thương thì hơn, bốn bề đều kín, lúc ra vào thì lật một phía lên cũng tiện.

Khi đi xa phải ngủ ngoài cũng nên dự phòng đem màn theo; không phải lo việc mắc màn bằng lao, chỉ bốn góc đinh bốn cái dải hoặc buộc bốn cái dây, cheo đâu cũng tiện.

2° *Giữ nhà ở cho muỗi khỏi vào.* — Màn chỉ giữ cho ta được lúc đi nghỉ mà thôi; những lúc làm lụng trong nhà, lúc ăn uống, chơi bời khách khứa cùng là đọc sách chẳng lẽ cũng dùng màn được, vậy thì có cách gì mà giữ cho thấu muỗi được không? Cách chăng vải sắt là tiện hơn cả. Các cửa sổ cùng cửa ra vào ta nên chăng thứ vải sắt như vẫn làm lồng-bàn làm chạn ăn (garde manger) mà mỗi lỗ cách nhau độ hơn một li tây là đủ (1 m.m 1/2) Ở cửa sổ ta làm lấy hai cái khung gỗ căng vải sắt, cái khung trên thì đóng ghịt liền vào cửa sổ, còn cái khung dưới thì có thể nâng lên kéo xuống được để lấy chỗ tiện đóng và mở cửa chớp. (xem hình vẽ) còn cửa ra vào thì ta cũng đóng một cái khung lớn mở ra đóng lại như cửa thường, cốt cho ghịt thì thôi.

Nhà ở mà căng được vải sắt như thế lại tiện được một điều là có thể giảm không nằm màn được, vì lắm khi nóng nực nằm màn cũng bức bối khó chịu thực.

Ở Italie, Corse, Algérie là mấy xứ lắm muỗi, hạt nào người ta đã quen dùng vải sắt căng cửa thì hạt ấy xem ra bớt sốt rét hơn mấy vùng khác.

3° *Nhà ở xa nơi sản muỗi.* — Xứ nào nhiều sốt rét thì nhà ở nên đắp nền cho cao, hoặc làm nhà gác được

(1) *Dạ-minh-sa* (tức là mắt muỗi lấy ở cứt con dơi).

càng hay, hoặc trên các gò, đống, đồi, núi cao mà thoảng gió vì trên đã nói muỗi không ưa bay ngược lên được. Nhất là nên xa các nơi ẩm thấp có nước tù hãm bí-tắc lại là nơi sản muỗi nhiều lắm.

Tường nhà nên quét vôi trắng để muỗi khỏi đậu, trong nhà lại nên giữ không nên để có nhiều xó xỉnh tối om vì muỗi ưa ẩn các nơi tối tăm lắm.

4° *Uống kí-ninh phòng xa.* — Theo được cả các cách đã thuật trên này cũng khó lắm, nếu muốn cẩn-thận hơn thì nên uống kí-ninh phòng trước, nghĩa là thường thường dẫu không sốt cũng cứ uống phòng xa. Sao vậy?

Vì uống kí-ninh để trong cơ-thể lúc nào cũng có thuốc sẵn, nhỡ gặp phải giống muỗi độc có đốt cũng không can gì cả, vì trùng-độc vào huyết ta gặp phải thuốc thì kị, không thể sản xuất ra nhiều mà sinh bệnh sốt được. Có ba cách uống kí-ninh phòng trước: Một là cứ ngày nào cũng uống 1 viên (0,25 centigrammes); hai là cứ ba ngày uống 2 viên (0,50 centigrammes); ba là cứ năm sáu bảy ngày uống 3 hoặc 4 viên (0,75 centigrammes hoặc 1 gramme). Đây là nói người lớn, còn trẻ con thì phải tùy tuổi mà uống từ nửa viên tới hai viên.

Uống ít quá thì cơ-thể không đủ chống với vi-trùng mà nhiều quá thì có hại cho tì-vị, sinh ra khó tiêu, đầy bụng, nôn mửa, chóng mặt, ù tai, v.v. Vậy cứ khoảng bốn năm ngày lại uống hai viên thì vừa, mà nên uống vào gần bữa ăn, uống dói thuốc làm cho ruột nôn nao khó chịu lắm. Thuốc uống vào trong mình ta ước 36 giờ hoặc 48 giờ là ngấm hết. Nếu ta đợi lâu mới uống sợ rằng cơ-thể ta không sẵn thuốc mà ngăn ngừa, mà dự-phòng nọc độc thì bệnh tất phát lên.

IV. Chánh-phủ Bảo-hộ đối với dân ta trong việc trị bệnh sốt-rét

Cái chính-sách quảng-đại của Chánh-phủ đương ban-bố cho quốc-dân ta trong vòng mấy năm nay về đường tinh-thần với đường vật-chất mà ta đã từng thấy một vài phần kết-quả tốt-tươi thực không thể khiến cho ta không nức lòng hởi dạ được. Trong cái chương-trình vĩ-đại mà Chính-phủ đang thi-hành để dìu dắt bọn ta lên con đường hạnh-phúc ấy, thì có mục « *Y-tế* » là một vấn-đề rất quan-trọng, vì có ảnh-hưởng đến sinh-mệnh, đến nòi-giống cả một dân-tộc hơn mười lăm triệu đồng-bào ta vậy. Vì thế mà Chính-phủ hằng lưu-tâm đến vấn-đề ấy luôn: hết lập bệnh-viện (1) này thì

(1) Bệnh viện = Nhà thương (Hôpital, Infirmerie). Hiện nay, ngoài hai thành phố lớn như Hà-nội với Hải-phòng đã đành, hầu hết các tỉnh ở Bắc-kỳ không còn sót mấy tỉnh là thiếu nhà thương. Có tỉnh vì địa-thế lớn mà lập đến 2, 3 nhà thương vừa lớn vừa nhỏ. Như ở Phú-thọ có tới ba: một ở tỉnh-lị, một ở đồn Đại-lý Hưng-hóa và một ở đồn Việt-trì; lại như ở Lao-kay cũng có tới ba: một ở tỉnh-lị, một ở Phong-thọ, một ở Pa-kha, v.v.... Nhà thương lớn ra có thể dung-nạp được đến 150, 200 giường nằm, nhỏ thì từ 20 đến 50 giường. Ấy là nói người đau nặng hoặc mắc cố-tật cần phải điều-dưỡng tại nhà-thương (Hospitalisations), còn số người đến buổi sáng thăm bệnh thường (consultations) và xin thuốc đem về nhà thì nhiều lắm. Nhà thương một tỉnh-lị lớn (như Thái-bình, Nam-định) thường một buổi sáng phát thuốc cho tới 2, 3 trăm người, ngày phiên chợ tỉnh, lại càng đông lắm. Còn nhà thương nhỏ như Phủ-lý, Bắc-kạn, Phú-thọ, phát cho đến hơn trăm người, mà ngày chợ phiên có khi gấp hai gấp ba nữa.

xây nhà hộ-sản (1) khác ; nào nhà thương chữa mắt (2) để cứu kẻ mù loà, nào phúc-đường, dục-anh (3) để nuôi người tàn-tật ; mở trại tế-trường (4) cứu chữa cho kẻ bệnh-phong, đặt «bộ vệ-sinh» (5) phát thuốc cho người đau yếu.

Toàn là những công-trình lớn lao, có chi mà không có nhập, tiền tổn phí thực là lắm lắm. Cái công-đức đã rõ rệt phân-minh, trình bày ra tai mắt mọi người, bút nào tả cho hay, văn nào khen cho đáng ?

Đã vậy mà số bệnh-nhân vẫn mỗi ngày một lắm, bệnh-viện tuy nhiều mà không đủ tiếp người đau. Trong số bệnh-nhân chữa tại nhà thương các tỉnh (nhất là các vùng thượng trung du) một phần lớn là bị chứng sốt-rét mà số người bị hại về bệnh ấy cũng không phải là phần ít.

Những nhà có trách độ-thế, cứu-nhân xem đó không khỏi nóng lòng sốt ruột mà ngao ngán bồi hồi, lo cho cái chồi-Hồng mầm-Lạc, cái nòi giống Việt-Nam nhà ta sau này, không thể

---

(1) *Nhà hộ-sản* = Nhà đẻ (Maternités). Nhà hộ-sản ở các tỉnh-lị thường hợp với bệnh-viện làm một cho tiện việc thuốc men ; nhưng các hạt trong mấy tỉnh lớn (như Hà-đông, Nam-định) cũng lục-tục lập dần. Mong rằng rồi ra các tỉnh lập tại mỗi phủ huyện lớn một nhà hộ-sản thì mới đủ giúp cho việc sản dưỡng trong một tỉnh được. Các nhà hộ-sản ấy lại kiêm cả việc phát thuốc cho mấy bệnh thường như : Sốt rét, đau bụng, đau sản, lở ghẻ nhọt mụn, xảy da, sát thịt, đau mắt xoàng v.v. Nếu số sinh-viên tốt-nghiệp tràng thuốc chưa đủ bổ đi các nơi ấy, thì hãy tạm đặt những thày Y-tá (Infirmier) sành nghề cũng được.

(2) *Nhà thương chữa mắt* (Clinique ophtalmologique) lập tại Hà-thành từ mấy năm nay, cái kết-quả thế nào quốc-dân ta đã rõ không phải bàn vào đây. Còn « *Bộ luân-chuyển đi chữa mắt* » các hạt (Brigade mobile ophtalmologique) thì đã đặt ở mấy tỉnh như Thái-bình, Hà-đông. Bộ ấy có một ông thày thuốc ta quản-trị và có nhiều thày Y-tá giúp việc. Cứ luân chuyển ở mỗi hạt 3, 4 tháng lại đi hạt khác, không những là chuyên trị mấy chứng đau mắt hạt, và nhất là việc kiểm lỏng-cặm (là một khổ tật làm cho biết bao nhiêu người trong nước phải mù lòa) mà lại còn xem bệnh phát thuốc và chủng-đậu cho nhân-dân nữa.

(3) *Phúc-đường* và *dục-anh-đường* (Asile des vieillards, des aveugles et des Incurables — Asiles des orphelins) là mấy viện nguyên của bên giáo lập ra đã lâu năm, có các bà-phước trông-nom, chủ nuôi người già-yếu, mù-lòa tàn-tật và trẻ con côi. Nhà của bà phước Antoine lập tại đường Sinh-từ (Hà-nội) mà các báo-chương đã cổ-động ngày năm ngoái đó, tức là một nhà phúc-đường vậy. Mấy tỉnh to như Nam-định, Thái-bình, Sơn-tây v. v. đều có nhà phúc-đường ; mấy năm nay Chánh-phủ có trợ-cấp cho các viện ấy và đã nhận lấy trách kiểm-đốc.

(4) *Trại tế-trường* (Léproseries) tức là trại phong hoặc trại-hủi để nuôi và chữa cho những người mắc bệnh phong. Hiện ở Bắc-kỳ đã lập được năm trại : là trại tế-trường (Hà-đông), trại Vân-môn (Thái-bình), trại Liêu-xá (Hải-dương), trại Qua-cam (Bắc-ninh) và trại Hương-phong (Phú-thọ). Hiện 5 trại ấy dung-nạp đến ba ngàn người mắc cái khổ-chứng ấy. Mỗi tháng một người, bất-luận lớn bé được Chánh-phủ phát cho ba đồng bạc để ăn và được ruộng trong trại mà cày cấy thêm.

(5) *Bộ vệ-sinh* (Service mobile d'essai d'hygiène rurale et de prophylaxie antipalustre) là mấy bộ luân chuyển đi các nơi thôn-ổ để thí-nghiệm vệ-sinh và việc trừ bệnh sốt-rét, đã lập ra tại phủ Hà-trung tỉnh Thanh-hóa (Trung-kỳ) mà xem ra đã được nhiều việc ích lợi. Bộ ấy nay mai sẽ đặt tại Bắc-kỳ ta (theo mấy đạo chu-trì ngày 26 Juillet 1921, 20 Août 1921 và 6 Juillet 1922 của quan Toàn-quyền Long và Baudoin.

không ngày một cần cỗi khẳng khiu được.

Vì vậy, Chánh-phủ ưng theo tờ báo-cáo của y-viện mà quyết ra tay gỡ nạn. Rồi đây sẽ thiết-lập tại các vùng nhà quê ta mấy đạo vệ-sinh, mục-đích không phải là chỉ phát thuốc chữa bệnh cho dân mà thôi, lại còn kê-cứu, điều-tra về các căn-bệnh ở nơi thôn-ổ, đem thi-nghiệm các lối rồi tập cho người dân lấy thói quen vệ-sinh ngõ hầu mới hi-vọng cái bệnh hoạn một ngày một giảm đi được. Khi người dân thấy có kết-quả hay mà không phải tốn tiền, thì bấy giờ tự-nhiên cứ thế mà theo, lâu ngày ắt nhiễm thói vệ-sinh. Thói quen đã ăn sâu vào óc tủy thì tự khắc không phải bắt buộc cũng làm. Thực là một lối « *vệ-sinh giáo-dục* » rất khéo vậy.

Hiện trong Trung-kỳ tại hạt Bỉm-sơn tỉnh Thanh-hóa và tại Bình-định có đặt các đạo vệ-sinh, xem đã được nhiều kết-quả đáng mừng.

Mong rằng chẳng bao lâu nữa, Chánh-phủ đem thi-hành cái chương-trình vệ-sinh ấy cho dân ngoài Bắc ta, bấy giờ ta nên thề bụng quan trên mà hoan-nghênh « bộ vệ-sinh » một cách nhiệt-thành đích-đáng.

Các người đàn anh hào-mục không những là chỉ nên gia tâm giúp đỡ Chính-phủ một tay, làm việc công-đức cho tròn quả-phúc, mà lại còn nên tự mình làm gương nghe theo lời giảng-thuyết mà diễn-dụ lại cho nhân-dân biết cái lợi-ích vệ-sinh là thế nào. Chớ nên mê hoặc, tự-phụ mà nệ lấy câu: « *Tiền-nhân ta không biết vệ-sinh cũng chẳng can gì* », rồi đó tỏ lộ một cái thái-độ lãnh-đạm hoặc là xuẩn-động hãn-trở công việc của bộ vệ-sinh thì thực là một tội lớn với đồng-bang vậy.

Đọc mấy đạo chu-tri của hai quan Toàn-quyền Long và Baudoin về việc dự-phòng bệnh sốt-rét, và việc lập bộ vệ-sinh thực cảm cái trí cao-thượng, tấm lòng nhân-từ của hai vị thượng-hiến đại-biểu cho nước Pháp là một nước biết trọng nhân-đạo, giàu lòng bác-ái, chỉ mong thi-ân cho lũ em còn non dại là dân Việt ta này.

Sau sẽ dịch mấy đạo công-văn nói trên này ra quốc-ngữ.

Đỗ Uông

Cách-ngôn

Yêu con trẻ mà không dạy cho nó biết cách vệ-sinh, hiểu đường đạo-lý, thời dẫu để cho nó gia-tài điền-sản đến hàng nghìn hàng vạn, cũng chẳng qua chỉ làm cái đồ giúp sự dâm-tà cho chúng nó mà thôi; cho rằng đọc sách đến nghìn vạn quyển, hạ-bút thao-thao bất-tuyệt, cũng chỉ giúp cho nó làm cái trò khua múa dối trá mà thôi. Người thức-giả phải nên lưu-tâm về việc giáo-dục cho con trẻ mới được.

Trình Hán-Thư bút-ký

. . .

Trẻ con đương lúc trí-thức nó mới phôi-thai, hễ thấy những giống sinh-vật như sâu bọ cây cỏ, thời nên bảo nó chớ làm hại để dưỡng cái lòng nhân; thấy đấng tôn-trưởng thời nên bảo nó phải cung-kính để cho nó biết lễ phép; dạy nó vâng dạ đứng đắn, ăn nói không được cẩu-thả, để dưỡng cái lòng tín; hễ sai ra thì lấy lời nghiêm-chính dẫn-dụ bảo cho nó nghe, không phải dùng roi vọt đánh đập chi lắm, để đến nỗi thương cái lòng nhẫn.

Sử-điển Nguyên-thể tập

Cuộc đi quan-phong làng Thượng-cát

Hiệu Khải-định, năm nhâm-tuất, ngày mồng mười tháng sáu An-Nam, (tức 10 Août 1922) là ngày dân Thượng-cát khánh-thành trường công-nghệ, và đón quan trên về cắm hướng trường Pháp-Việt.

Cách mấy hôm trước, tôi có kính tiếp được giấy dân Thượng-cát đính ngày mồng chín mời về quan-phong; kính xét như trong giấy, thời có tình trân-trọng và có ý ân-cần lắm lắm.

Chao ôi! hai chữ quan-phong có phải là chữ nhỏ đâu, mà là chữ dễ xứng-đáng được đâu; ngày xưa ở Á-châu ta cái tay đi quan-phong mà khảo-sát được cho xác-đáng, nghị-luận được cho tinh-vi, thì nhất là ông Ngô Quí-Trát ở cuối đời Xuân-thu; cuối đời Xuân-thu bấy giờ đã thuộc về cái đời văn-minh thác-tạp, xã-hội biến-thiên; trong học-thuật-giới thì chia ra có vương bá hai đường, trong chính-trị-giới thì biệt ra có công tư hai ngả, trong tư-tưởng-giới thì Trang Lão phái lập-dị với Nho-tôn, trong âm-nhạc-giới thì Trịnh-thanh chen vào với Nhã-nhạc; những người có thâm-thức mà chủ-ý về sự quan-phong đời bấy giờ, thì nào là phần bảo-tồn lấy lễ-pháp của tiên-vương mà gẫm về kỷ-vãng; nào là phần châm-chước lấy phong-trào của đương-đại mà liệu về tương-lai; dù khen dù chê, dù nhặt dù bỏ, cốt là cầm lấy hai mối văn, chất, để mà xe người vào đến cõi bân-bân; duyệt-thế như vậy, mới xứng-đáng là duyệt-thế; quan-phong như vậy, mới xứng-đáng là quan-phong.

Tôi đây là kẻ bất-tài, sinh ra cái buổi đông-tây hợp-quĩ, tân-cựu giao-thời này, thật là có cái cơ-hội may-mắn như ông Ngô, mà không có cái ý-tưởng sâu-xa như ông Ngô; thật là có cái cảnh-ngộ thú-vị như ông Ngô, mà không có cái học-vấn rộng-rãi như ông Ngô; nay nói đến hai chữ quan-phong, thật là có phần hổ-thẹn với cổ-nhân nhiều lắm.

Song, tôi hằng xin giải ra có vài mối đi quan-phong, để những người có tâm với xã-hội trong bạn đồng-ý ta cùng xét như sau này.

Một là nhà chính-trị đi quan-phong. Đại-phàm những nhà chính-trị đi quan-phong, trước nhất là nên hiểu cái trình-độ cho dân, và cái tính-tình cho dân; ngày nay cái chính-thể văn-minh và cái tập-tục hủ-bại, những người hữu-thức, ai nấy đều đã biết sẵn cả rồi; duy những điều quan-hệ về đường sinh-hoạt cho dân, đối với dân văn-minh thì chỉ việc thuận lẽ mà thực-hành; nhưng mà đối với dân bán-khai, thì có điều nên tuần-tự cũng có điều nên cưỡng-bách mới có thể thực-hành được; song cốt nhất là nên lợi-dụng cái phương-châm dẫn-đạo và cái chủ-nghĩa thuyết-minh; ông quan không nên trách dân là ngu, bảo dân mà dân chửa nghe ra, là ông quan chửa hết lòng bảo dân; cũng như ông thầy không nên trách học-trò là tối, dạy học-trò mà học-trò chửa hiểu là ông thầy chửa biết cách dạy học-trò; đến như tính-tình trong dân-gian, thời lại thuộc về phong-khí, thuộc về tập-thượng, có dân bề ngoài hình như văn-vật, mà bề trong lại có ý điêu-ngoan; cũng có dân bề ngoài hình như thống-nhất, mà bề trong lại có ý chuyên-chế; cũng có dân bề ngoài hình như giản-đan, mà bề trong lại có ý tinh-mẫn; cũng có dân bề ngoài hình như phác-

dã, mà bề trong lại có ý thiện-lương ; vậy những nhà chính-trị đi quan-phong, cốt nhất là nên xét lấy những cái ẩn-tình cho dân, đến khi trỏ bảo cho dân để thi-hành những điều kia lệ nọ, lại cốt nhất là nên dự-phòng những cái lưu-tệ cho dân ; chứ không nên ở thời-đại duy - tân, mà những mất mọi ý tồn-cổ ; ở thời-đại văn-minh hoạt-động mà sót mất mọi nghĩa tôn-quân thân-thượng, kính-lão trọng-hiền.

Hai là nhà văn-học đi quan-phong. Những nhà văn - học đi quan-phong, thời cái trách-nhiệm lại càng quan-trọng lắm ; bởi vì những nhà văn-hào xưa nay đã có học-thuật, đã có tư-tưởng. tức là con người làm tai mắt cho quốc-dân ; quốc-dân thường nhờ cái thế-lực văn-chương của mình để mà cổ-xúy cho quốc-dân những điều thiện-tâm, tán-trợ cho quốc-dân những điều thiện, cử, và công-phá cho quốc-dân những điều ác-quả, trừ-khử cho quốc-dân những điều ác-nhân ; cái trách-nhiệm của nhà văn-học quan-trọng bao nhiêu, thì cái văn-chương ngôn-luận của nhà văn-học lại càng nên chiền-miên và thiết-thực bấy nhiêu ; vậy trong khi chú-ý đi quan-phong, trước hết nên đồng-tất lấy mầu kim-cổ, chúc-chiếu lấy vẻ cựu-tân ; rồi xét đến dân đó thường nhờ cậy cái sản-nghiệp gì làm sinh-mệnh ; dân đó nên lợi-dụng cái phương-pháp gì làm cơ-quan ; dân đó tiến-hóa vì sao mà nhanh, vì sao mà chậm ; dân đó khuynh-hướng về bề nào, đã đúng vào con đường chính-đáng cho chưa, hay hoặc còn sai lầm ; song cốt nhất là phải xét ra lấy hai mối hình-thức và tinh-thần, để mà xét xem cái nội-dung dân ấy thế nào ; chớ không nên tóm lấy một hai điều phấn-sức ở bề ngoài, như mở được cái hội kỷ-niệm to, lập được cái bi-đình đẹp, vân vân, mà đã vội khen, thì cũng là con người vô-thức ; vậy những người thức-giả đi quan-phong, xét lấy những điều thiết-yếu, bàn lấy mọi nghĩa lớn lao đã vậy ; đến mọi điều nhỏ nhặt, mọi nghĩa xa xôi, thì cũng không nên cho là xa xôi mà không xét, cho là nhỏ nhặt mà không bàn ; nghĩa là câu văn tả ra về tình-trạng trong xã-hội, về tâm-lý cuộc cải-lương, là câu văn thiết-thực, không phải là câu văn còn thuộc về thủy-nguyệt kính-hoa, là câu văn đồng-tình đồng-ái đồng-lạc đồng-ưu, không phải là câu văn du-hí ; nghị-luận dân nọ lại mong ảnh-hưởng cho dân kia ; khen chê dân này, lại để khuyến-trừng cho dân khác ; nếu chỉ quệch-quạc lấy giăm ba trang đuềnh-đoàng, ngâm-nga lấy một vài khúc tơi bời, để tắc-trách cho sự quan-phong, thì cũng là vô-vị và vô-ích vậy.

Tôi với dân Thượng-cát nguyên là khách đồng - châu, mà những ông hương-thân ở dân Thượng-cát với tôi lại nguyên có tình cố-cựu ; bắt đầu tự tháng giêng năm ngoái, tôi đã nghe dân Thượng-cát ở đại-hà, tổ-chức về cuộc cải-lương mọi việc, hiện đã tiếp-tục thi-hành, tôi thực đã lấy làm cảm-tình lắm lắm ; duy tôi chửa được dịp nào có thì giờ rộng-rãi, mà tôi lên chúc mừng qui-hương, và tôi đi xem xét dân - phong được ; đến mồng mười tháng sáu năm nay, nhân có dịp khánh-thành trường công-nghệ và đón quan trên về cắm hướng trường Pháp-Việt, qui-hương mới có giấy đưa về mời lên quan-phong, tôi thực lấy làm cảm-khích và vui vẻ vô-cùng ; tôi mới tự Hà-nội bước lên xe, duyên dải Nhị-hà, đến bốn giờ chiều hôm mồng chín thẳng tới Quân-thần-châu.

Chao ôi ! phiến đất Quân-thần-châu có phải là phiến đất tầm-thường nhỏ-nhặt, khiến cho người kinh-qua lưu-lãm có thể dễ mà quên nhẵng được đâu ; phiến đất Quân-thần-châu là một phiến đất trứ - danh ở trong lịch-sử nước Nam ta khi xưa, mà hiện nay dân Thượng-cát dân Hạ-cát hai dân

phồn-tụ ở đó, lạc-nghiệp an-cư ở đó.

Xét trong lịch-sử nước Nam ta, về hồi đệ-thất thế-kỷ, cách nay đã ngoài nghìn năm, hồi ấy có họ Triệu họ Lý chia quyền xẻ đất phân-trị nước Nam ta. Họ Triệu thì định-đô ở Long-biên-phủ, (nay Hà-nội), họ Lý thì thác-túc ở Ô-diên-thành, (nay Thượng-mỗ Hạ-mỗ) mà chỉ-hoạch phiến đất Quân-thần-châu này làm quốc-giới; phiến đất Quân-thần-châu này về hồi ấy, thật là phiến đất có quan-hệ, cũng như phiến đất Hồng-câu ở trong lịch-sử Chi-na về hồi Hán Sở chiến-tranh vậy.

Xét ra ông Triệu Quang-Phục thì cô-đan một cánh quân ở Dạ-trạch, mà đuổi được Lương-tặc hơn hai mươi vạn về đất Chi-na; ông Lý Phật-Tử thì lẩn-lút ở trong động Đào-lang, mà khôi-phục được Lý-thống hơn hai mươi-năm ở giữa miền Nam-thổ; ông Triệu là người tận-trung với dân-tộc, ông Lý là người tận-trung với Lý-triều, hai ông đều hết cái bổn-phận của mình, đối với non sông, đều không hổ thẹn chi cả; tuy trung-gian có xảy ra mọi việc hôn-nhân hiềm-khích, dâu rể khấu-thù, nhưng cũng là sự cạnh-tranh về cuộc chính-trị đấy thôi, chớ Nam-quốc sơn-hà vẫn y-nhiên là Nam-đế cư, kẻ luận sử cũng không nên khắc-trách cổ-nhân chi lắm (hai mươi năm nữa về sau, ông Lý bất-đắc-dĩ phải hàng Tùy, sự đó thì lại biệt-luận).

Đến bây giờ qua đến xứ tràng-châu này thấy ngọn lan hiu-hắt, bãi cát mênh-mông; trông về phía tây-bắc, thì non xô núi chạy, rõ-ràng Tản-viên và Tam-đảo hai ngọn núi ngất trời ở kia; trông về phía đông-nam, thì đất chuyển trời quay, tưởng như là vịnh bể Nam-minh tiếp liền đâu đó; mà con sông Nhị-hà lai-láng rộng dài, vạch ngang ngay ở trước mặt, ngày ngày đêm đêm, nước chảy như ngựa chạy, như rồng cuốn, như voi xô; rõ thật « Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi « 黃河之水天上來，奔流到海不復回。» Tưởng đến mấu kim-tích, nghĩ đến cuộc hải-tang, buồn cho ai, yêu-mến cho ai, mà ngao-ngán cho ai đó nhỉ!

Tôi qua đây, thích đương về buổi tà-dương, trông thấy các sắc mây trắng, đỏ, xanh, vàng, ánh xuống dưới nước, tưởng như là hiệu cờ Dạ-trạch, lốt áo Ô-diên, còn tưng-bừng ở trước mắt; lại thích đương về mùa hạ-qui, giang-thủy thịnh-trường, nghe tiếng sóng tự Bạch-hạc Lao-kay dồn xuống, réo lên ầm-ầm, tưởng như là binh đội Đâu-mâu, quân-thanh Long-trảo, còn rộn-rịp ở bên tai.

Huống chi, cảnh bãi này lại đối-ngạn với đất Mê-linh (1), đồng cương-vực với đền Hiệu-úy (2), lại khiến cho người ta cùng nhớ đến các vị long-xà, các vai lân-phượng, đã từng vẻ-vang ở trên lục-địa, rực-rỡ ở trên vũ-đài, từ thủo người Nam ta mới ra đời, nước Nam ta chửa dựng nước vậy.

Chao ôi! giang-sơn ấy, anh-hùn ấy, hào-kiệt ấy, trăm năm nghìn năm bao giờ đã mất; trăm năm nghìn năm ai nỡ đã quên.

Tôi nhân mượn câu thơ của ông Lý Thái-Bạch khi kinh-qua Dĩ-kiều hoài cảm ông Trương Tử-Phòng khi xưa mà đọc lên rằng: « *Ngã lai Dĩ-kiều thượng, hoài cổ khâm anh phong, thân tức thiên nhân khứ, tiêu điều Tử Tử không.* » 我來圮橋上。懷古欽英風。嘆息此人去。蕭條徐泗空。»

(1) Đô bà Trưng, nay phủ Yên-lãng.

(2) Đền ông Lý Ông-Trọng nay làng Thụy-phương.

Tôi lại liền dịch ra quốc-âm rằng :

Ai về thăm đất Dĩ-kiều,
Nhớ không những thói anh-hào thủo [xưa ?
Than ôi! bóng hạc mây mờ,
Vắng tanh Từ Tử bây giờ hỏi ai!

Khi đó, sóng thì cuồn cuộn, gió thì ào ào, chắc đâu là người hào-kiệt ở muôn thu, cái khối tinh-anh đã tán, mà kẻ anh-hùng ở chín suối, không có lòng hiển-hiện cho xem.

Tôi dịch xong bốn câu thơ ấy, tôi trầm-ngâm nghĩ-ngợi hồi lâu; rồi tôi cứ theo dải trường-đê, thung-dung tản-bộ mà đi; hồn tôi bấy giờ hiện còn đương ngẩn ngẩn ngơ ngơ ; chợt ngảnh lại, thì đã thấy có ba chữ « *Hoài-Cát-dân* 懷葛民 » to-tát nghiêm-trang, mực đen vôi trắng, yết lên trên khung đại-môn liền ngay ở phía tả mặt đê ; xem ra cái khung đại-môn này thế-thế và qui-mô, thì vẫn y-nhiên là chế-cổ, mà nét đắp nét vẽ và có năm ba nét chữ thuộc về số-hiệu, thì lại trang-điểm lấy mầu kim ; coi ra thì đã có phần hợp vào với tâm-lý quốc-hồn, và đúng vào với chính-tắc cải-lương đó rồi ; quan-giả đến đây, mới là đệ-nhị-lộ nhập-giai-cảnh, mà thực đã lấy làm xứng ý lắm thay ; nhân nghĩ-đề một câu tiểu-liên rằng : « *Địa thị tràng-châu phân thượng hạ* 地是長洲分上下。 *Dân năng thiện chính hợp tây đông* 民能善政合西東。 » để làm cái then-chốt cho sự kỷ-du này.

Nhân lại xét về ba chữ *Hoài-Cát-dân*, một là nghĩa dân đời Vô-hoài, dân đời Cát-thiên, là nói dân ở về thời-đại thuần-cổ, được hưởng cái hạnh-phúc thăng-bình ; và là ý muốn đem cái chủ-nghĩa hòa-bình đạo-đức, chiến thắng cái chủ-nghĩa thế-lực cạnh-tranh ; mà hiện nay dân Thượng-cát này, lại ở về thuộc hạt phủ Hoài-đức, nghĩa ấy thì lại là bất-dịch, và có ý tự-nhiên; khen thay cái người nghĩ ra ba chữ *Hoài-Cát-dân* này, cũng đã tinh khéo lắm thay! mà cái ý-nghĩa chữ Nho thì thật là lại có cái thú-vị vô-cùng lắm thay !

Qua khung đại-môn, xuống dốc đê, thẳng đường thản-lộ, rồi rẽ sang bên hữu, vào xem công-nghệ-học-trường.

Tôi hãy nhớ mấy năm trước tôi từng có qua chơi đây, thì chốn này nguyên là có một tòa cổ-miếu để cúng tiên-nông, trước cửa miếu thì có một cái cổ-quán, trơ-vơ ở giữa phiến đất, thồng lộng và mốc rêu ; xung quanh thì cây cỏ mọc rườm, và vũng rãnh ê-trệ ; phàm đi du-lãm, thương-tâm gì bằng thương-tàm tòa miếu cổ, ngại mục gì bằng ngại-mục phiến đất hoang.

Ý chừng, xuân thu nhị-kỳ hội tư-văn trong làng cứ đệ-niên đem lễ-vật ra cúng tế một tuần, rồi về nhà đang-cai xơi rượu, người nhiều tuổi ngồi trên, người ít tuổi ngồi dưới, xơi rượu xong, vào khoảng mặt-trời đã tà-tà, thì cùng chiều-lệ ra về ; cho nên cổ-thi có câu rằng : « *Tang thác ảnh tà xuân-xã tán* 桑柘影斜春社散。 *gia-gia phù đắc tây-ông qui* 家家扶得醉翁歸 » ấy là quang-cảnh đó ; còn như nơi văn-chỉ hay hoặc nơi cổ-miếu, chính là nơi kỷ-niệm tiên-thánh tiên-hiền, thì quanh năm cũng không ai là kẻ đoái người hoài chi đến ; trong xứ Bắc-kỳ ta, những làng chửa cải-lương, đại-loại có cái phong nguyên-lai như thế cả.

Tôi nói thế, không phải là tôi có ý chê-bai cổ-phong đâu ; bởi vì nước ta mấy năm về trước văn-minh còn thuộc về văn-minh bán-khai, phong-khí còn thuộc về phong-khí cận-cổ ; cho nên phàm sự mới có nhân mà chửa có quả, mới có lễ mà chửa có nghĩa, mới có chất mà chửa có hồn, chẳng qua chửa biết khuếch-sung

cho hết cái lương-tâm, thực-hành cho hết cái mục-đích đó mà thôi; chớ xét ra, còn có tình thân-thích, còn có ý tồ-tiên, còn có lễ trưởng-ấu trật-tự hẳn-hoi; còn hơn cái phong duy-tân dở mùa, đưa nhau vào ca-lâu tửu-quán, làm bữa tiệc cho cực sang; nay ông này chủ-tịch, mai ông khác biên « bông »; cũng là nghĩa trả nợ ăn trả nợ chơi đấy thôi, không mục-đích gì cả, mà xa-xỉ biết là dường nào; vậy thời cải-lương cái phong nguyên-lai thủ-cựu ấy dễ, mà cải-lương cái phong duy-tân dở mùa ấy khó; bởi vì cái phong nguyên-lai thủ-cựu kia, trừ những người điền-phu dã-lão không kể chi, còn thời ai ai cũng biết là hủ-bại cả rồi; cái phong duy-tân dở mùa nọ, tự các ông ấy đã nhận mình là văn-minh cả rồi, mà tự người ngoài xem ra thì những người thiển-thức cũng lại tưởng các ông ấy đã là văn-minh cả đó; cho nên trong khi tôi đi du-lãm, tôi kinh-qua những làng chửa cải-lương, tôi thấy những nơi cổ-đình cổ-miếu hoang-vu, cổ-phong phác-dã tôi không dám đem lòng khinh-bỉ, tôi lại có ý mừng rằng nơi này là cái gốc tiến-hóa đây, là cái nền cải-lương đây.

Tức ngay như chỗ trường công-nghệ của qui-hương đây mà bàn; xưa kia thế nào tôi đã kể ra như trên; ngày nay thế nào, tôi cũng xin thuật lại cho rõ.

Cái trường công-nghệ này, chẳng qua là nhân cái miếu cũ mà tu-lý cho cao-đại lên, nhân cái quán cũ mà tu-bổ cho hoàn-toàn lại; và nhân cái đất cũ mà phá cây lại trồng cây cho sạch-sẽ, dẫy cỏ lại cấy cỏ cho khang-trang; trung-cung thì vẫn y-nhiên là nơi kỷ-niệm tiên-hiền, tiền-thất và ngoại-đường thì sảng-nhiên là một sở chấn-hưng công-nghệ; xem ra có chiều sảng-khoát, mà vẫn có vẻ tôn-nghiêm; vì qui-hương đây xếp đặt được khéo-khôn, cho nên cái trường này thành-tựu được mau-mắn vậy.

Việc công-nghệ thì ủy cho một người siêng-năng tinh-mẫn, quản-lý về những sự kén người xếp việc, và mọi khoản vật-liệu chi-dùng; còn mọi người giáo-sư thì chuyên về sự dạy bảo học-trò cho tấn-tới mà thôi; tuy rằng nhất-sơ tiểu-thí, nhưng xem ra cũng có qui-tắc hẳn-hoi; hiện nay mới có nghề thêu, và nghề « đen »; các ông hương-thân lại có nói chuyện với tôi rằng: Nay mai lại định khuếch-sung thêm nghề làm da, và nghề làm mũ các nghề nữa vân vân.

Ngạn-ngôn có câu rằng: « *Rừng-rậm bề bề không bằng nghề trong tay.* » Qui-hương đây bắt đầu cải-lương, đã trước nhất tinh ngay về đường công-nghệ, thực là thiết-cận với sự-tình trong xã-hội lắm thay!

Trường công-nghệ thì tiếp liền ngay ở nơi đại-đình; trước đình có một cái hồ, ước độ ba bốn mẫu; hỏi ra thì năm xưa nếu hồ-giá đấu-trưng, mỗi năm khéo lắm chỉ được vài mươi đồng bạc mà thôi; đến năm nay dân cho đấu-trưng, có thể mỗi năm trị giá được vài trăm đồng bạc; bởi vì năm xưa dân câu-nệ về chủ-nghĩa thần-quyền, bảo rằng hồ này là cái hồ đình, cá hồ này là cá thờ; đệ-niên dân chỉ dùng mấy con cá to làm gỏi để tế đức thượng-đẳng mà thôi, cho nên không ai tính gì lợi hại cả; gia-dĩ bèo Nhật-bản nó lan ra gần khắp mặt hồ; nếu dùng sức một nhà, dọn sạch bèo đi, rồi mới thả cá, thì cũng không còn gì là lợi nữa, nên cái giá đấu-trưng nó rẻ như vậy; từ năm ngoái cải-lương đến giờ, dân đã phá hẳn cái chủ-nghĩa câu-nệ ấy đi, biết cái lợi trồng sen là cái lợi lớn, đồng-dân mới hết sức vớt bèo Nhật-bản đi cho sạch sẽ, để làm chỗ cấy sen, hiện đã hai mùa trông thấy đại-lợi rồi, nên cái giá đấu-trưng nó đắt một lên mười là phải.

Này, sự trồng sen há những là lợi đâu, lại là phong-cảnh nữa; khi tối

trông trăng, khiến người lại nhớ đến cô thần-nữ ở Lạc-phố; khi ngày đón gió, khiến người lại nhớ đến người triết-học ở Liêm-khê.

Giữa hồ lại có một cái gò xinh-xắn nổi lên; các ông hương-thân nói với tôi rằng: Dành lại nơi đó, để mai sau lập một cái bi-đình.» Nếu như vậy, thì phong-cảnh lại càng xinh lắm.

Đình thì thờ vị Quách tướng-quân, tương truyền ngài khi xưa có giúp hai bà Trưng đuổi giặc Tô về đất Hán; cứ như vậy, thì thật là vị thần có giá-trị, xứng đáng cho sự kỷ-niệm và nghĩa hinh-hương; nếp đình thì thật là nếp đình cổ, mà to tát và cao rộng lạ thường; khen thay có bốn cái cột hoa-biểu ở trước sân đình, khôi-kỳ đĩnh-đặc, rõ ràng có nét cổ-văn-minh.

Phàm muốn biết cái nghị-lực của tiên-dân ta ngày xưa, trừ trong sử sách ra không kể, còn thời những nơi đình của miếu-vũ ở các làng, cũng có lắm nơi coi ra đã có cái khí-tượng vĩ-đại, cái lực-lượng văn-minh, đủ khiến cho người ta trong khi quan-niệm mà phảng-phất có quốc-hồn; cho nên phàm làng nào tu-lý đến đình-vũ, có thể sáng-lập được tân-chế, thì nên biệt-lập ra một nếp đình mới, hay hoặc một nếp đình phụ, đến như tòa đình cổ tòa miếu cổ dù có phải tu-bổ chăng nữa, cũng nên tuân y chế cổ mà sửa sang, chớ không nên dụng-tâm tăng tổn; một nét chạm cổ, một nét vẽ cổ, cũng nên quí báu; một viên ngói cổ, một viên gạch cổ, cũng nên giữ gìn; trước là để hoàn-toàn lấy cái nghị-lực cho cổ-nhân, sau là để hi-vọng lấy đường tiến-bộ cho lai-giả; đó là một sự quan-hệ với quốc-hồn, không nên lơ nhãng vậy.

Ngày đã chiều, mới vào nhà ông hội-trưởng dàm-đạo nghỉ-ngơi; hay đâu, các ông hương-thân đã có túc-tâm, kết-thái trương-đăng, bày ra một tiệc ca-vũ thù-tạc, trước là để long-trọng khách-lễ, sau là để hòa-lạc dân-tình; tôi mới thảo ra chín khổ hát nói, gọi là mấy lời quê-kệch, để chúc mừng qui-hương.

Bài hát thảo rằng:

Năm Nhâm-tuất mùa hè tháng sáu,
Xe quan-phong dừng bánh cõi Quân-[thần;
Mầu cổ kim bát-ngát cảnh xa gần,
Về tân cựu cũng đua chen phần giáo-hóa.
Địa thị tràng-châu phân thượng hạ,
Dân năng thiện-chính hợp tây đông.
Tay làng nho ra tổ-chức cuộc hội-đồng,
Mau-mắn nhỉ mới một năm mà báo-[chính!
Trường công-nghệ đã nhất-sơ tề-chỉnh.
Quán đồ-thư mong thứ-đệ thực-hành.
Hiện đương tìm phương-hướng văn-[minh,
Đường giáo-dục sẽ phong-hành lôi-lệ.
Khó là thế, dễ là thế, thủ-đoạn làng nho là thế thế, tấm nhiệt-thành ai để khuyên ai. Ấy ai coi đó mà coi, nghìn năm bãi rộng sông dài như xưa. Văn-minh tới cuộc bây giờ!

Kẻ xem đi, người xét lại, chủ khách đều ngôn-hoan; rồi chút lâu trong bọn ca-nhi sáu bảy người, có một người thung dung tựu-tịch, hát ngay được bài hát mới ấy lên, tròn vành rõ chữ, không sai đồ chút nào; rõ thật: Oanh-thanh yến-ngữ, xếp lấy vần thiện-chính tràng-châu; liễu-sắc hoa-dung, rạng lấy vẻ cổ kim tân cựu. Nhận ra thì có đào đó tức là có đào cải-lương ở bến Ngạc-giang, mà bài hát này tức là bài hát cải-lương mừng dân Thượng-cát; sự đó tuy là sự ngẫu-nhiên, song cũng có thú-vị ít nhiều ở trong hội cải-lương này vậy.

Truyện có câu rằng: « Nghề chơi cũng lắm công-phu », công phu không

phải những là tập lấy mấy ngón chầu cho xinh, học lấy mấy câu chuyện cho đậm-đà cho khôn khéo mà thôi đâu : là trước hết phải tu lấy thân, tề lấy gia, cải-lương lấy xã-hội, làm cái gốc cho hòa-bình, làm cái nền cho lạc-lợi để mà chơi ; chơi lấy phong-lưu, chơi lấy thái-bình, chơi lấy hòa-lạc, chơi lấy văn-minh, sẽ nên chơi ; chớ mà chơi cho liều chán hoa chê, cho lăn lóc đá cho mê mần đời, chơi lấy diệt-chủng, chơi lấy hủ-bại, thì chớ nên chơi ; xét cho kỹ ra, nghề làm nghề ăn nghề học nên cải-lương, mà nghề chơi cũng nên cải-lương vậy.

Đến sớm ngày mồng mười, lại tự trong xóm đào-lý phương-viên bước ra qua Hoài-Cát đại-môn, vòng lên mặt đê, đi xem phiến đất định cắm trường học ; sắp sửa tới nơi, nhác trông thì đã thấy mấy chữ : « *Pháp-Việt học-tràng-môn* » đề yết rành rành ; xem ra cái cổng này trang-nghiêm khoát-đạt, có phần lại hơn Hoài-Cát đại-môn ; trường học tuy rằng chửa khởi-công, nhưng tôi đã chắc rằng mai kia sẽ có cái trường học xứng đáng với cái cổng này vậy.

Xét ra phiến đất này nguyên là chỗ nền thần miếu cũ, lâu ngày hiện đã đổ nát ; xung quanh thì mấp-mô cao thấp, dở gò dở vũng, dở vườn dở ao, trong năm nay dân Thượng-cát hết sức kinh-doanh, đào cây phá cỏ, dọn sành đổ đất, những bạc đồ đất kể đã kinh-phí hết vài ba trăm ; khiến cho một vùng chu-vi năm sáu sào đất kia, đã có mầu sáng-suả, đã có thế phẳng - phiu ; nếu dân Thượng-cát đối với sự giáo-dục không có nhiệt-thành, sao được như vậy.

Lại xét đến phong-cảnh chỗ trường-học này, ba mặt nước một mặt đê ; so với phong-cảnh Bạch-lộc-đồng khi xưa, tuy rằng không có chiều núi mọc xanh um mà diễu nóc, nhưng mà cũng có cảnh nước đi róc-rách mà quanh thềm ; huống chi, cồ-độ với tràng - đê liền ngay ở trước mặt : đương buổi thanh-xuân, phấp-phới có mầu dương-liễu ; sang mùa bạch-lộ, thấp-thoáng có bóng kiêm-hà ; mai kia trường học đến ngày thành- lập, chắc là giúp cho bề lạc - thú ở nơi danh-giáo được phần nhiều.

Chếch về phía tây-nam, lại kề gần ngay một cái giếng, tuy kém mầu sơn-tĩnh, nhưng cũng được vẻ toàn-thanh ; mà cái giếng ấy hiện đã sửa-sang xây-đắp cẩn-thận kỹ-càng, thực đã hợp về cách vệ-sinh lắm.

Còn đến như phương-hướng trường học đông tây nam bắc lập-định thế nào, đợi đã có quan trên về chỉ-hoạch.

Đến tám giờ sáng hôm ấy, quan Công-sứ Delamarre đại-nhân, quan Tổng-đốc Hoàng đại-nhân, và quan Lục-lộ các quan, xe về đến tận nơi, xét đi xét lại kỹ-càng, mới chuẩn-định cho rằng cứ đông bắc mà lập hướng, để thích-hợp cho bề quang-cảnh và cách vệ-sinh ; các quan lại thăm qua đến trường công-nghệ, xét qua đến sở hội-đồng, khen cho dân mọi việc cải-lương, bảo cho dân mọi điều công-ích.

Cái sự cắm hướng trường - học này, cứ lấy sơ-tâm mà luận ra, thì các quan đại - hiến chẳng qua bảo dân vẽ lấy một bức địa-đồ, đệ lên trình-duyệt ; rồi phái một viên lục-lộ hay là một viên tri-phủ về xét lại kỹ-càng, tự vào đấy, đệ lên trình-chuẩn là đủ ; thế mà các quan đại-hiến xa-giá thân-lâm về đến tận nơi, chỉ hoạch cặn kẽ, soi xét rõ ràng ; thế biết rằng quan Công-sứ quan Tổng-đốc hết sức và vui lòng về việc cải-lương cho dân, biết là dường nào !

Duy, tôi lại có một điều chúc mừng cho dân Thượng-cát về nay mai nữa, là một điều hiện nay dân Thượng-cát đã nhiệt-tâm dự-trù về việc thiết-lập Ấu-trĩ-viên.

Nguyên-lai, trong vài ba tháng nay, cái vấn-đề Ấu-trĩ-viên, thực là do quan pháp-chánh Marty đại-nhân sẵn lòng từ-ái xướng nghị lên ; mà những điều ngôn-luận, và những khúc vịnh-ca lại là quan Marty ủy cho tôi cái chức-trách đó để mà cổ-động cho quốc-dân. Xét trong mấy tháng nay, quốc-dân ta đối với vấn-đề Ấu-trĩ-viên, đều đã nhận-chân được cái chủ-nghĩa từ-ái, mà cộng-biểu đồng-tình ; duy tôi lại lo rằng phàm sự biết hẳn là phải mười mươi đó, mà vẫn có ý du-dì quan-vọng, chưa dám quả-quyết thực-hành, đó là cái căn-tính của dân bán-khai ; song tôi lại chắc rằng quốc-dân ta tiêm-nhiễm về văn-minh giáo-hóa đã được nhiều, tưởng cũng đã vượt được qua khỏi cái trình-độ bán-khai kia rồi ; mà nghe được thiện-ngôn, thấy được thiện-sự, thì vui vẻ thực-hành, như nước chảy thuận dòng, không ai ngăn trở được vậy.

Ngày hôm trước tôi đã nghe một vài ông hương-thân nói chuyện với tôi rằng : « Dân chúng tôi tháng trước được xem trong tạp-chí *Nam-Phong*, ngôn-luận về việc Ấu-trĩ-viên, khúc-chiết rõ ràng, thực là thích-hợp với tâm-lý và thiết-đáng với cảm-tình dân chúng tôi lắm ; chúng tôi hiện đương dự-trù chi-khoản, để mong thực-hành về việc Ấu-trĩ-viên ». Tôi mới nghe, tôi đã lấy làm kính-trọng cái lương-tâm dân Thượng-cát phát-hiện được sớm sủa lắm thay ! Song tôi chỉ tán-trợ thêm mấy lời, mà tôi để bụng ngưỡng thầm cho dân Thượng-cát mà thôi.

Đến ngày hôm sau, quan Công-sứ quan Tổng-đốc hai quan đại-hiến về đình, các ông hương-hội đại-biểu đồng-dân, diện-trình với hai quan đại-hiến, xin thiết-lập Ấu-trĩ-viên ; tôi mới biết rằng các ông trong qui-hương đây, là có ý nhiệt-thành, có lòng quả-quyết, không có cái thói du-dì quan-vọng chút nào, nếu dân nào cũng được như dân Thượng-cát này, thời trình-độ dân nước ta ngày nay, thực đã vượt được qua khỏi cái rào bán-khai kia, mà thẳng tới lên đường văn-minh vậy ; mai kia cái hiệu-quả Ấu-trĩ-viên của dân Thượng-cát thế nào, tôi cũng chưa dám chắc ; nhưng tôi chỉ chắc rằng dân Thương-cát đã có nhiệt-tâm, đã có thành-ý như vậy, thì cuộc Ấu-trĩ-viên của dân Thượng-cát thành-tựu hẳn được sớm sủa, mà danh-dự dân Thượng-cát mai sau sẽ được vẻ vang.

Nhân lại xét về cái lịch-sử Quân-thần-châu ; cái thời-kỳ thuộc về tiền-cổ, tôi đã kể ra như trên ; cái thời-kỳ thuộc về cận-kim, thì nguyên-lai là một phiến công-thổ dài và rộng của dân Thượng-cát ở về thuộc-hạt phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông, tuy có trải qua mấy cuộc tang-thương, khi thì thành bến, khi thì thành bãi, nhưng cái địa-lợi vẫn y-nhiên là một xứ phì-nhiêu.

Xét ra dân Thượng-cát không phải là dân lớn, nhưng cũng không phải là dân nhỏ, dân-số tự đáo-tuế trở lên, ước độ năm sáu trăm người ; nghề-nghiệp của dân Thượng-cát xưa nay, xét ra rặt những nghề-nghiệp nhỏ-mọn lần hồi, không có nghề gì là đại-tôn mà gửi được sinh-mệnh ; mà đồng-điền thì lại ít-ỏi, tính cả dân-cư chỉ ước độ hơn vài trăm mẫu, trong làng người nào tư-điền có độ mười mẫu trở lên, đã là nhà cực giàu ; xét ra cánh bãi Quân-thần-châu thực là cái đại-lợi của dân Thượng-cát, mà sinh-mệnh dân Thượng-cát thực là gửi về một cánh bãi Quân-thần-châu.

Dân Thượng-cát từ khi chửa cải-lương về trước, thực đã từng trải qua cái rào hủ-bại, khiến cho phiến đất Quân-thần-châu, chỉ có danh

mà không có thực, chỉ có hình có ảnh mà không có hồn ; tự khi dân cải-lương đến giờ, trong cuộc kinh-lý, và sự tuần phòng đã tiềm tiệm đủ cái qui-tắc chấn-hưng cho sản-nghiệp, gìn giữ được gian-phi ; hỏi ra cái giá đấu-trưng, hiện đã đắt một lên mười ; cái phần địa-lợi, hiện đã thêm ba lên bảy ; từ nay trở đi, cái sinh-mệnh của dân Thượng-cát, may ra cũng được vững-vàng, không đến nỗi khó khăn như trước nữa.

Ngày nay ghé mắt đông - cao, tới-tấp những người phụ-lỗi ; lắng tai nam-mạch, véo-von là ả thái-tang ; đương lúc Âu-phong Á-vũ này mà nghe có tiếng ca-cù kích-nhưỡng, thực cũng đáng vui thay !

Vậy cái lịch-sử Quân-thần-châu này, cũng nên chia làm ba thời-kỳ : xưa kia là cái thời-kỳ hào-kiệt, cái lịch-sử vẻ-vang ; trung-gian là cái thời-kỳ hủ-bại, cái lịch-sử hoang - vu ; tự ngày cải-lương đến giờ, đã bắt đầu vào cái thời-kỳ văn-minh, cái lịch-sử hoan-lạc vậy.

Nhân lại xét qua về cái vấn-đề công-điền công-thổ của các làng ; những làng công-điền công-thổ có ít ỏi, chỉ có năm ba mươi mẫu mà thôi, vả lại linh-tinh ở các xứ đồng, không kể ; còn như những làng hoặc có cánh đồng rộng, hoặc có cánh bãi to, ước được vài bốn trăm mẫu trở lên ; cứ lấy chính lý mà xét ra, thì công-điền công-thổ để quân-cấp cho dân-đinh là rất phải.

Duy, cái phương-pháp quân-cấp đó, cũng có hai đường :

Một là chiếu khẩu-phần trong dân-số, mà xan xẻ ruộng đất ra để quân-cấp cho dân-đinh, khiến cho dân-đinh trong làng, cày cấy lấy mà ăn, dành dụm lại mà nộp sưu nộp thuế ; mới nghe thì hình như đã tiện, song xét ra thì lại có cái bất - tiện ở trong đó ; chẳng những bất-tiện mà thôi, lại có cái lưu-tệ thực khó vãn-hồi ; bởi vì việc làm ruộng, phải những người chuyên về nghề canh-nông, và hơi có sức-lực dấn-vốn ít nhiều, mới đủ cái tư-cách làm ruộng ; những người cùng - vô-sở-xuất kia, nhất-sinh chỉ biết có nghề làm thuê làm mướn ; nếu được năm ba sào một mẫu của dân quân-cấp cho, thì chẳng qua nhờ cậy người khác lấy buồi trâu buồi bò, cày cấy qua-loa ; vả lại vật-liệu tài-bồi không có, được thế nào hay thế mà thôi ; lại còn cái phong lười-biếng nữa, đem khẩu-phần của mình bán giả bán non cho người khác, không được mấy đồng tiền, mà đồng tiền thì tiêu ngoém hết đi, đến kỳ sưu thuế, lại trơ thân ra, thực là một sự khó-khăn cho kẻ làm việc làng vậy ; gia-dĩ những người có nghề-nghiệp có buôn-bán đi vắng quanh năm, ruộng dân quân-cấp cho ít nhiều đó, lại cho là của bồng đó thôi ; chẳng qua giao cho những người họ-hàng nghèo-ngặt hay hoặc những kẻ tôi-tớ ở nhà, làm được thế nào thì làm, cũng không hỏi kỹ chi đến ; cho nên đất một ngày một xấu mãi đi ; thậm-chí có chỗ làm không xiết, thì lại bỏ rườm ; khiến cho miếng đất công-điền công-thổ của công-dân, thực không có giá-trị gì cả ; lại còn cái tệ quân-phân-bất-tề nữa, bởi vì đất thì có chỗ xấu chỗ tốt, phần thì có phần kém phần hơn, không thể nào chia cho đều được ; bấy giờ mới sinh ra cái tệ thiên-tư, tuy có gắp phiếu, gọi là thị - công, nhưng cũng không tránh sao cho khỏi cái tệ-tình ấy được, khiến cho dân-tình, đàn-em đối với đàn-anh vẫn có phần phu-khoả.

Chi bằng, đồng-dân công-cộng tóm lấy toàn-số, đệ-niên gần đến kỳ sưu-thuế, đồng dân hội họp tại đình, chia công-điền công-thổ ra làm mấy thành rồi cân nhắc lấy thành xấu thành tốt, thành kém thành hơn, mà đấu-giá bán trung ;

thời những người có chí-thú làm ăn ở trong làng, người ta có thể nhờ cậy vào công-điền công-thổ đó, để làm thực-nghiệp; người ta mới đua nhau bỏ tiền ra thuê; người nào sức không đủ thuê cả một thành, thì người ta chung nhau lại, rồi xan xẻ cho nhau, đồng-tâm đồng-lực, mua trâu bò về mà cày bừa cho kỹ, đem dấn vốn ra mà tài-bồi cho tốt; như vậy thì đất một ngày một tốt mãi ra, cái giá bán trưng một ngày một đắt mãi lên, mà phiến đất công-điền công-thổ của công-dân mới có giá-trị; cái tiền dân bán thuê được đó, hễ giới-kỳ sưu-thuế, trước hết là dân phải đem ra quân-cấp cho dân-đinh, để hoàn-toàn cho dân-đinh về cái nghĩa-vụ đối-phó với quốc-gia; vừa đủ thì thôi, hễ còn thừa, thì dân sẽ lấy ra để lo toan về mọi sự công-ích, chẳng là công tư vẹn cả hai bề đó ru?

Hai cái phương-pháp xử-trí về việc công-điền công-thổ đó, đều là nghĩa quân-cấp cho dân-đinh, một đường quân-cấp cho dân-đinh bằng ruộng, thì có cái lưu-tệ như thế nọ; một đường quân-cấp cho dân-đinh bằng tiền, thì có cái tiện-lợi như thế kia; nay tôi xin lược kể ra đây, để những nhà lưu-ý về cái vấn-đề công-điền công-thổ cho dân, cùng xem và cùng xét vậy.

Nay lại xét ra, những làng chửa cải-lương không kể chi; những làng đã cải-lương rồi, nếu không biết giữ-gìn, thì sẽ có mấy điều ẩn-tệ; cái ẩn-tệ ấy, thực nên biết trước, mà cũng nên tránh trước, xin kể ra như sau.

Một là cái tệ phù-đồng: bởi vì những người thượng-lưu ở trong làng quen thói cao-thượng vô-vi, để cho những bọn trung-lưu ra làm tộc-biểu; bọn ấy chỉ biết cái ích riêng, chửa biết cái ích chung; chỉ biết cái lợi nhỏ chửa biết cái lợi lớn; nhất-dán hương-chính ở trong tay, cái phong phù-đồng những-lạm xưa kia, chưa chắc đã đổi đi được.

Hai là cái tệ bất-hòa trong: làng tuy rằng có cải-lương, hội-đồng tuy rằng có thiết-lập đó; nhưng mà họ nọ vẫn có ý chống nhau với họ kia, đàn em vưỡn có ý bất-bình với đàn anh; khiến cho chính-sự rắc-rối, dễ sinh ra kiện-cáo lôi-thôi; những người đứng-dắn ở trong làng, sinh ra lòng chán-ngán, không ai muốn ra sửa-soạn việc làng, vì thế.

Ba là cái tệ không đủ tư-cách làm việc làng: đại-để những làng ít người có học-vấn, tuy có thiết-lập hội-đồng nhưng cũng không hiểu thế nào là hội-đồng, tuy có nói đến nghĩa-vụ, nhưng cũng không hiểu thế nào là nghĩa-vụ, tuy có nói đến công-ích, nhưng cũng không hiểu thế nào là công-ích.

Bốn là cái tệ chuyên-chế: đại-để những làng có một vài tay phú-cường văn-học có thế-lực xưa nay, gặp cái thời-đại văn-minh, lại lợi-dụng ngay được cái phong-trào cải-cách; trong khi tổ-chức việc hội-đồng, bao nhiêu những chức trọng-yếu ở trong làng, như chức lý-trưởng, nghị-trưởng, thủ-quĩ, thư-ký, vân vân, thì khuôn-xếp cả về trong đảng-phái mình, còn những người tộc-biểu khác, thì chẳng qua là những người xu-viêm phụ-thế, tùy-tòng bị-vị đấy thôi; kể ra thì công việc trong làng cũng mau-mắn và ông-chuốt đấy thật; nhưng mà, người ấy hễ thành-tâm về việc cải-lương, thì công người ấy rất to; nếu người ấy giả-danh về việc cải-lương, thì tội người ấy lại rất lớn.

Xét cái nội-tình trong qui-hương đây, những điều ẩn-tệ kể như kia, may ra có thể tránh khỏi được cả; cho nên bắt đầu tự tháng giêng năm ngoái đến giờ, cuộc hội-đồng mới tổ-

chức được hơn một năm, mà mọi sự cải-lương đã dần dần trông thấy hiệu-quả ; tôi chắc rằng quí-lương đây còn có hi-vọng về phần nhiều, đủ khiến cho người ta quan-phong mà sinh lòng yêu mến vậy.

Song, quốc-dân ta đối với dân Thượng-cát, lại nên có một cái cảm-tình chung nữa ; xưa kia về hồi Thiệu-trị sơ-niên, dân Thượng-cát đã có một nhà Hán-học đại-gia xuất-hiện là cụ Trần tiến-sĩ (1), cụ đã từng cầm quyền giáo-dục ở xứ danh-đô, nổi tiếng là *sơn-đầu* ; từ đó về sau, văn-vật dân Thượng-cát, tuy không lấy gì làm thịnh lắm, nhưng dân-phong vẫn giữ được nền lễ-nghĩa liêm-sỉ, đân-đức vẫn giữ được nền hiếu-đễ từ-ái : về phần quốc-túy không nghe có xảy ra khuy khuyết nỗi gì ; cho đến ngày nay, gặp được cái phong-trào cải-lương này, khác nào sẵn tờ bạch-quyển đó mà pha mùi, sẵn khổ thực-điền đó mà gieo thóc ; cuộc cải-lương của dân Thượng-cát sở-dĩ mau mau được thành-hiệu như vậy, há là sự ngẫu-nhiên đâu !

Tùng-Vân đạo-nhân
NGUYỄN ĐÔN-PHỤC

VĂN-HỌC-SỬ NƯỚC TÀU (2)

VII

THIÊN THỨ IV

Thời-kỳ văn-học từ, lý hai phái đều thịnh.

Tổng-thuật. — Đời Tiền-Thanh thực là một thời-đại kết-thúc cả văn-học nước Tàu tự 4000 năm trở lại, phàm các văn-học đời tiền-cổ chưa có, đến đời Tiền-Thanh là đều thịnh đến cực điểm cả, là bởi nguyên-nhân như sau này.

1· Cái lý-do hưng-thịnh.

A. *Bởi cái thói sùng-thượng của các nhà văn-học.* — Tự Hoằng-trị thất-tử và Gia-tĩnh thất-tử chấn-hưng cổ-học; rồi tiếp đến họ Vương (Thủ-Nhân), họ Đường (Thuận-Chi), họ Qui (Hữu-Quang), họ Ngải (Nam-Anh), lại đề-xướng theo lối văn Đường, Tống ; Phục-xã, Cơ-xã (3) lại đề-xướng lối văn đời Hán đời Ngụy. Đến khi nhà Minh mất rồi, những nhà văn-học đại-gia lúc đầu đời Thanh, đều toàn là các bậc di-lão đời Minh còn lại, nên cái văn-phong triều Thanh bởi đó mà khai-phát mãi [illegible]

B· *Bởi tại triều-đình xướng-suất.* — Khi người Mãn-Thanh mới vào chiếm cứ Trung-quốc, những nhân-sĩ phía đông nam đều khởi-binh chống lại nhà Thanh ; hoặc là ẩn-tích chốn sơn-lâm mà không chịu phục nhà Thanh. Bởi vậy triều Khang-hi và triều Kiền-long mới sùng-thượng theo Tống-học, hoặc sùng-thượng theo Hán-học ; lại khai ra những khoa Bác-học, khoa Hồng-từ để cổ-vũ nhân-tài mà lung-lạc những người di-hiền dật-sĩ, bởi thế văn-học lại càng chấn-khởi mãi lên.

2· Cái lý-do văn-học từ, lý hai phái đều thịnh

A· *Bởi về ảnh-hưởng quốc-thế.* — Phàm những nước Hung-nô, Đột-quyết, Tiên-

(1) Cụ Trần Vĩ đỗ tiến-sĩ khoa Tân-sửu làm Đốc-học Hà-nội

(2) Dịch theo quyển *Trung-quốc văn-học-sử* của ông Vương Mộng-Tăng 王夢曾. Xem Nam-phong từ số 56.

(3) Phục-xã là tự Trương Phố xướng lập lên ; Cơ-xã là tự Trần Tử-Long xướng lập lên, là hai văn-xã đời Minh.

ti, Mông-cổ, các đời trước đều cho là ngoại dân-tộc ; đến đời Tiền-Thanh thời bên đông tự nước Cao-li, tây đến núi Thông-lĩnh ; bên bắc tự Tây-bá-lợi-á, nam đến Giao-chỉ ; các dân-tộc đều dung-hóa cả vào một lò, cái ảnh-hưởng ấy lan ra, nên văn-học cũng không phân-hạn khu-vực nào cả.

B. *Bởi quan-hệ về học-thuật.* — Tự đời Hán đến đời Đường sùng-thượng kinh-học, cho nên văn chỉ thượng-từ. Tự đời Tống đến đời Minh sùng-thượng lý-học, cho nên văn lại thượng-lý. Đời Tiền-Thanh thời đã thừa cái phong-khí các đời trước chuộng theo lý-học ; mà lại thừa cái học-thuật của các vị tiên-sinh là Hoàng Tôn-Hi, Cố Viêm-Võ ở về cuối đời Minh, nên lại chuộng kinh-học ; vì thế phái văn-học thượng-từ với phái thượng-lý đều thịnh cả lên.

Nay tóm cả đại-thế văn-học trong hơn 260 năm mà chia ra hai thời-kỳ lớn như sau này :

Thời-kỳ biến đổi thứ nhất. (Tự đầu đời Thanh đến năm Kiền-long)

Thời-kỳ tăng-tiến thứ hai. (Từ đời Kiền-long đến cuối đời Thanh).

CHƯƠNG THỨ X

Thời-kỳ biến-đổi

TIẾT THỨ 61

Các nhà cổ-văn hưng-thịnh. — Đầu đời Thanh các nhà cổ-văn trứ-danh nhất là Hầu Phương-Vực, Ngụy Hi, Uông Uyển ba nhà. Song Tuyết Uyển (Hầu Phương-Vực) khi trước còn thích lối văn Lục-triều, sau mới chuyên chú-ý theo học văn họ Hàn họ Âu, tiếc rằng tuổi ông không được thọ, nên văn-thể cũng chưa được thuần. Văn Nghiêu-Phong (Ngụy Hi) thời đã thuần-thúy, căn-bản gốc tự văn lục-kinh, và xuất nhập lối văn của ông Lư-Lăng, ông Chấn-Xuyên, song tài-khí còn kém, thuần thời thuần thật mà chưa được rộng. Băng Thúc (Uông-Uyển) thời tôn theo văn ông Lão-Tô, có ý hùng-kiệt nghiêm-lệ. Đồng-thời ấy có một người văn-sĩ là Thiệu Trường-Hành nghiên-cứu các lối văn kinh-sử mà cố sức theo lối văn đời Đường, có thể sánh cùng với Tuyết Uyển. Băng-Thúc cùng đứng chia ba chân vạc được. Còn những bậc di-dân đời Minh mà trứ-danh văn-học là Cố Viêm-Võ, Hoàng Tôn-Hi, Trần Hoằng-Tự, Bành Sĩ-Vọng, Vương Du-Đình. Các nhà sĩ-phu mà trứ-danh văn-học là Lý Quang-Địa, Phan Lỗi, Tôn Chi-Uất, Chu Hi-Tôn, Nghiêm Ngu-Thuần, Khương Thần-Anh. Nhưng tựu-trung chỉ có văn Hưng-Am là nung đúc được các thể văn mà gần giống như thể văn họ Âu họ Tăng; văn Tây-minh thời thanh-nhã tráng-kiện có cái di-ý thể văn người Bắc-Tống ; còn những thể văn người khác thời đều không hợp-cách cả. Nối sau đến Phương Bào, Lưu Đại-Khôi khởi lên, thời thể cổ-văn mới càng phát-minh thêm lên. Vọng-Khê thường cùng với Tây-minh bàn định cái phương-hướng sửa mình nói rằng : « Học hạnh phải nối theo sau ông Trình, ông Chu, văn-chương phải theo kịp lối văn họ Hàn, họ Âu ». Vì thế nên định ra phép làm văn rất nghiêm, đại-ước như sau này :

1° Không phải những văn giúp về đạo-đức giáo-hóa, có quan-hệ đến luân-thường thì không làm.

2° Phàm cất bút làm bài văn nào đều là phát-siển tinh-hoa sáu kinh.

3° Trong bài văn không nên làm lẫn những lời nói tầm-thường ; không đặt theo những câu hoa-mĩ như lối văn Tấn Ngụy Lục triều, những chữ nặng nề như những câu phú đời Hán và những câu tuấn-bạt như những giọng thi-ca ; không đặt những lời khinh-xảo như những sách sử Nam Bắc triều.

Từ đời nhà Thanh trở lại, văn thể thuần-chính không ai hơn Vọng-khê, văn Hải-phong thời tập cả sở-trường các lối văn Trang, Tả, Hàn, Liễu, Âu, Tô, nhưng lối văn ấy thời Vọng-Khê không thêm làm. Đồng-thời ấy có người đất Mân là Chu Sĩ-

Tú, trước cũng làm giống lối văn Hải-phong, về sau lại cùng theo lối văn Vọng-khê, cũng là một nhà đại-văn-gia đời ấy.

Tiết thứ 62

Các nhà văn biền-ngẫu đời Thanh. — Đầu đời Thanh, các nhà sử-học thời như Cố Viêm-Võ, kinh-học thời như Mao Kỳ-Linh, đều hay làm thể văn biền-lệ. Ngô Triệu-Khiên là một người chủ-minh trong đám Phục-xã, cũng sở-trường về thể văn biền-lệ. Nhưng không bằng thể biền-văn Trần Duy-Tung tài-lực lại có phần hùng-kiện hơn. Những người có thể tế-danh được thời như là : Ngô Ỷ, thứ hai đến Chương Tảo-Công. Văn Ngô Ỷ thời mô-phỏng văn Nghĩa-Sơn, mà lại có phần tú-dật hơn. Chương Tảo-Công thời học theo văn Tử Bộc-xạ, gần giống được như thể-cách văn đời Tống. Nhưng tựu-trung chỉ có văn Trần Duy-Tung là hơn cả thời ấy ; song khi còn thô mà từ còn phiền, thể văn vẫn còn chửa thuần vậy. Nối sau lại có Du Trĩ-Uy cũng tài về văn biền-lệ, văn rất tráng-lệ hùng-kiện, cũng theo kịp được như văn Yên-công, Hứa-công đời Đường. Viên Mai theo học văn TrĩUy, nhưng lại thành ra một lối văn khác, chỉ là khéo vận tài-khí làm nức tiếng một thời, trên từ quan công khanh, dưới đến kẻ buôn bán chốn thị-tỉnh đều trọng văn Viên Mai, song giọng văn cũng còn chửa bỏ hết được những tục-điệu ngụy-thể, nên người đời sau vẫn lấy làm chê. Đó là cái thông-bệnh các nhà văn biền-ngẫu tự đời Kiền long trở về trước.

Tiết thứ 63

Các nhà sử-học đời Thanh. — Các nhà sử-học đời Tiền-Thanh nhiều nhà kiệt-tác. Bộ chính-sử thời khởi-thủy làm tự năm Khang-hi thứ 17 đến năm Kiền-long thứ tư mới xong, trải hơn 60 năm mới tu-thành một bộ Minh-sử, thể-lệ tinh-mật, lời giản-ước mà sự tường đủ. Sử biên-niên thời có bộ Thông-giám-cương-mục ba quyển, và bộ Thông-giám-tập-lãm, đó đều là sai kẻ nho-thần biên-tập mà làm thành ra. Từ Kiền-Học lại cùng với Vạn Tư-Đồng, Diêm Nhược-Cừ, Hồ Vị có sửa lại sách tục Thông-giám của người đời Nguyên đời Minh mới làm dở dang mà làm thành ra bộ Thông-giám hậu-biên, thực là tinh-vi quảng-bác hơn trước, đó là những bộ sách sử đều theo thể-lệ tiền-triều mà làm ra. Đến như các sách kỷ-sự bản-mạt, thời đời Minh có Trần Bang Chiêm làm ra bộ Tống-sử kỷ-sự bản-mạt và bộ Nguyên-sử kỷ-sự bản-mạt. Đời Thanh thời có Cốc Ứng-Thái làm thành ra Bộ Minh-sử kỷ-sự bản-mạt. Sái Dục-Vinh lại sáng-lập tân-lệ làm ra 81 quyển Thông-giám bản-mạt kỷ-yếu, trong kỷ-sự bản-mạt lại có đủ chép cả lịch-sử các đời đế vương, hợp cả thể biên-niên và thể kỷ-sự dung-hòa lại làm ra một thể lịch-sử, đời tiền-cổ chửa từng có bao giờ. Cổ-sử thời có bộ Dịch-sử của Mã Túc, làm theo thể kỷ-sự bản-mạt ; bộ Thượng-sử của Lý Giai làm theo thể kỷ-truyện, dẫu là sách mới làm mà vẫn theo thể cũ. Sách Khảo-tín-lục của Thôi Thuật thời muốn xét lại cả tiền-án mà đính-chính lại các việc đời cổ, cũng là một thể sách đặc-sắc. Trước kia đời Tống ông Chu Hi có làm ra sách Y Lạc uyên-nguyên-lục ; đời Minh Phùng Tùng-Ngô lại có làm ra sách Nguyên-nho khảo-lược, sách văn-học-sử mới lạm-tràng ra từ đó. Đầu đời Thanh Hoàng Tôn-Hi có làm ra sách Minh-nho-học án, Tống-Nguyên học-án, thực là tinh-vi quảng-bác hơn sách họ Chu họ Phùng. Thời ấy lại có Tôn Kỳ-Phùng làm ra sách Lý-học tôn-truyền ; Vạn Tư Đồng làm ra sách Nho-lâm-tôn phái, đó đều kể cái nguyên-lưu truyền thụ của phái nhà Nho, trên từ đức Khổng phu-tử, dưới đến cuối đời Minh, rất là tinh-vi trác-tuyệt.

Tiết thứ 64

Các phái thi-gia đời nhà Thanh. — Đầu đời Thanh có Cố Viêm-Võ, Hoàng Tôn-Hi đều là nhà hay thơ, mà thơ họ Cố thì

trầm-hùng, thơ họ Hoàng thì uyển-lệ, đều đáng là nhà thi-gia kiệt-tác. Ở Giang-tả lại có ba nhà đại thi gia là Tiền Khiêm-Ích, Ngô Vĩ-Nghiệp, Cung Đỉnh-Tư, những thi-gia ấy đều bắt chước thơ họ Hà họ Lý, cũng là bậc hùng-tài thời ấy. Kế theo sau lại có tám nhà hải-nội đại thi-gia là : Tống Uyển, Thi Nhuận-Chương, Vương Sĩ-Lộc, Vương Sĩ-Trinh, Trình Khả-Tắc, Uông Uyển, Thẩm Thuyên, Tào Nhĩ-Kham, tựu-trung thời có họ Thi họ Tống và Sĩ Trinh là có thịnh-danh hơn cả. Đương khi Sĩ Trinh chưa nổi tiếng, thời Tống Uyển có tiếng là thơ hùng kiện lỗi-lạc, Thi Nhuận-Chương có tiếng là thơ ôn-nhu đôn-hậu. Nên thơ thời ấy ai cũng suy-tôn họ Thi ở phương Nam, họ Tống ở phương Bắc. Sĩ Trinh thời được thi-pháp của anh là Sĩ Lộc, chỉ chủ về thần-vận. Đồng thời ấy ở Sơn-đông có Điền Văn, ở Giang-tả có Tống Trác, ở Tích-giang có Bành Tôn-Duật, Chu Di-Tôn, đều nổi tiếng hay thơ, song không địch-thủ bằng Vương Sĩ-Trinh được. Duy có thơ Trúc Sá là có phong-cốt và có từ-hoa có thể sánh bằng được ; nên thời ấy hiệu là Tân-thành, Trường-thủy hai nhà đại thi-gia, sánh đôi đứng ở trên Nam Bắc thi-đàn hơn năm mươi năm, mà thịnh-danh nhất thì không ai bằng Nguyễn Đình. Những thi-gia trứ-danh thời ấy lại có Thân Hàm-Quang, Tôn Chi-Uất học theo lối Đỗ-thi ; Trần Duy-Tung học theo thơ họ Hàn họ Tô ; Thiệu Trường-Hành học theo thơ họ Tô, họ Đỗ ; Đỗ Chiếu học theo thơ họ Ôn họ Lý ; Thận Hành học theo thơ họ Tô họ Lục ; Chư Cầm học theo thơ họ Tô họ Hoàng. Lệ Ngạc học theo thơ họ Đào, Tạ, Vương, Mạnh, Vị, Liễu, mỗi người học theo một lối thơ, song chỉ có thơ Sơ Bạch là có khí-phách phong-vận, đủ nối theo Nguyễn Đình.

Tiết thứ 65

Các nhà ca-từ đời Thanh. — Tự Trần Hoàng-Môn đề-xướng lên lối ca-từ phong-nhã, nên nổi lên nhiều nhà tác-giả. Đầu đời Thanh thời có Cung Chi-Lộc, Lương Đường-Thôn nổi tiếng hay ca-từ, nhưng Mai Thôn thời kiệt-xuất hơn cả, giọng từ học theo Hoài-hải mà có thể cao bằng Đông-Pha. Nối theo sau lại có bảy nhà ca-từ là : Tống Trung-Dư, Tiền Phương-Tiêu, Cố Trinh-Quán, Vương Sĩ-Trinh, Tính Đức, Bành Tôn-Duật, Thẩm Phong-Viên, đều là tôn theo lối ca từ Bắc-Tống cả. Đồng đời ấy lại có ca-từ của Lý Văn có giọng bi-ai diễm-lệ ; Thẩm Khiêm, Trần Duy-Tung thời cũng theo được lối ca-từ đời Ngũ-đại và đời Bắc-Tống, ba nhà ca-từ này hợp với bảy nhà trước là mười nhà, văn ca-từ thời ấy như thế thực rất là thịnh ; thời ấy lại có Chu Di-Tôn trứ-danh về ca-từ. Phàm những bài từ của họ Chu họ Trần (Duy Tung) làm ra lưu-truyền khắp trong nước, nên trong khoảng năm Khang-hi, Kiền-long phàm các nhà ca-từ đều phải họ Chu họ Trần lung-lao cả. Song tài họ Chu thời nhiều mà không khỏi phiền-toái ; khí họ Trần thời thịnh mà không khỏi thô-suất, cho nên về mạt-lưu thành ra cái bệnh khinh-khiêu tiêm-xảo. Ca-từ của Lệ Ngạc thời hơn Xuân-sơn mà gần giống họ Chu ; ca-từ của Trịnh Nhiếp, Tưởng Sĩ-Thuyên thời gần giống như họ Trần. Còn đến như ca-từ của Thái Thương thời lại hơn cả Chu, Trần hai họ. Thời ấy lại còn ca-từ của Thời Tường cũng thê-thiết cảm-động ; ca-từ của Hán Thư cũng ý vị thâm hậu, đều là bậc danh-gia. Sử Thừa-Khiêm và Nhâm Tăng-Di thời không thêm bắt chước ca-từ đời Lưỡng-Tống, lại dung-hợp cả các lối ca-từ của các nhà mà làm ra.

Tiết thứ 66

Các nhà kịch-khúc đời Thanh. — Đời Minh từ năm Hoằng-trị trở về sau, thì văn đều chấn-khởi, nên kịch-khúc cũng xuất-hiện ra nhiều. Sở-trường về Bắc-khúc thời có Lý Không-Đồng, Vương Tuấn-Xuyên mọi người ; sở-trường về Nam-khúc thời có Chúc Doãn-Minh, Đường Đần, Trịnh Nhược-Dung mọi người ; lại

còn như Vương Kính-Phu làm ra khúc Đỗ-lăng-xuân-truyền-kỳ, thời lại càng tú-lệ hùng-khoái, thanh-giá không kém gì Quan Hán-Khanh, Mã Đông-Ly. Sau lại có Di-Hành, Ngọc Thiền-Sư, Mộc Lan, Hoàng Sùng-Hồ cũng tài giỏi về kịch-khúc' song chỉ có kịch-khúc của Di Hành làm ra là hay hơn cả. Thang Hiền-Tổ có làm ra kịch-khúc tả bốn giấc mộng Lâm-xuyên là : Hoàn-hồn ký, Lạn-kha ký, Hàm-đan mộng, Tử-xoa-ký ; song chỉ có Hoàn-hồn-ký là hay hơn cả. Lý Nhật-Hoa lại đổi Bắc-khúc Tây-xương làm Nam-khúc; Nguyễn Đại-Thành có làm ra khúc Yến-tử-tiên, đều nức tiếng thời ấy. Đầu đời Thanh thừa cái phong ấy nên khởi lên nhiều nhà tác-giả : Qui Trang có làm ra khúc Vạn-cổ-sầu truyền-kỳ; Lý Ngư có làm ra Liên-hương-bạn, Phong-tranh-ngộ và mươi khúc ; Khổng Thượng-Nhâm có làm ra những khúc : Đào-hoa-phiến, Tiểu-hốt-lôi truyền-kỳ ; kịch Đào-hoa-phiến thực là tả hệt cái bộ dạng người Nam-phương. Sau lại có Cố Thiên-Thạch làm ra kịch Nam-đào-hoa-phiến. Trong năm Khang-hi lại có Hồng Thăng làm ra các kịch khúc như là : Trường-sinh-điện, Thiên-nhai-lệ, Tứ-thuyền-quyển ; kịch Trường-sinh-điện thời rất là khoái-chá. Trong năm Kiền-long lại có Tưởng Sĩ-Thuyên làm ra Hương-tổ-lâu chín khúc, có ý-vị văn-chương, không như Lạp-ông chỉ làm những giọng phường-chèo, nên đời khen họ Tưởng cùng sánh với Hồng Phương-Tư, đều là tay cự-thủ trong nhà kịch-khúc vậy.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU dịch

VẤN-ĐỀ THỂ-DỤC

Từ thượng-cổ cho đến ngày nay, từ kẻ-chợ cho đến nhà quê, ai ai cũng thấy nói : « Trong người có khỏe mạnh thì mới muốn làm ăn mà mưu toan đường tấn-tới được », thế mà sao không làm cách gì cho người khỏe mạnh ? Thật là một điều khuyết-điểm cho sự sinh-hoạt của ta vậy. Muốn sinh-hoạt thì phải bán cái sức lao-động cho tạo-hóa mà kiếm ăn kiếm mặc. Một người yếu-đuối tất tạo-vật bạc-đãi mà cách sinh-nhai cũng không khỏi là không nghèo-nàn. Đại-loại như một người thợ làm với một người chủ nào thì chắc làm sao người chủ cũng phải tính xem sức người thợ làm được bao nhiêu công việc một ngày mà trả công. Trong sự giao-dịch người thợ với người chủ thì một kẻ có thể gọi là *kẻ bán sức khỏe* mà người kia là người *mua sức khỏe* vậy. Nếu người thợ sức khỏe không được điều-hòa, tất phải thoái-khứ mà kêu rằng : Kho sức khỏe của mình không đủ tiêu-pha (déséquilibre de son budget force). Còn như người chủ kia thì chỉ có thể kêu la kho tiền-nong của mình không đủ chi-dụng (déséquilibre de son budget finance). Rộng ra mà xét thì chẳng cứ là ai cũng bất-việt cái luật-định ấy. Ai cũng là thợ của tạo-vật đổi sức khỏe mà mưu sinh-kế, nhược bằng sức-khỏe không có thì tránh sao cho khỏi vỡ nợ.

Ta thường bảo thể-dục là vô-ích, mà ích đấy chớ đâu, hiển-nhiên ngay trước mắt, chẳng có thế thì làm sao thể-dục ở các nước liệt-cường như nước Pháp được thịnh-hành sầm-uất mà tai ta từng nghe mắt ta thường gián-tiếp thấy ! Phương-pháp thể-dục ở nước ta tuy đã truyền-bá, phổ-thông chưa được mấy, nhưng ở Ha-nội thì cái vẻ hưng-thịnh có thể treo giải nhất ở Đông-Pháp này. Cái

ánh sáng rực rỡ của thể-dục ở chốn Thăng-long ta tuy còn lắm nơi ở xa chưa thấu nhiệt-khí đến, song dần dần ít lâu tất cũng phải chịu ảnh-hưởng. Bởi vì thể-dục đối với ta là vấn-đề tối-tân, mà tư-tưởng của thể-dục cũng là mới mẻ. Tư-tưởng là gì? Chẳng qua là cái mãnh-lực (forces vives) lẫn với không-khí mà chúng ta thường hô-hấp rồi gió máy lan-toả ra mà rải-rắc khắp nơi đến tận chân trời góc bể. Tuy rằng mình muốn kiếm đường tìm lối mà lánh xa đến đâu thì xa, nhưng rồi sau mình cũng phải thấm-thiá, tiếp-xúc lấy những luồng gió vô-hình ấy, huống chi mình là người đương-thời (l'enfant de son siècle) rồi bất-giác mình cũng phải chịu cái ảnh-hưởng, nhưng tư-tưởng mới ấy; tôi nói thế là vì chưng nhiều người không những lãnh-đạm với thể-dục mà thôi, lại còn ác-cảm nữa kia. Nhưng những tư-tưởng nào thì tiếp-xúc còn có khi sợ sai-lệch cái chính-đạo luân-thường, chớ như tư-tưởng về thể-dục mà mình tiếp-xúc lấy thì quyết-nhiên là tư-tưởng hay nó dìu-dắt ta lên chốn bồng-lai cảnh-trí, bởi vì nó làm cho ta được mạnh mẽ mà đối-phó với tạo-vật một cách ra người, thân ta có đủ năng-lực mà sinh-tồn thì con cái ta mai sau này tức là một phần của ta mới khỏi gầy yếu xấu xa, mặt xanh bủng coi bộ người lảnh-khảnh như sên. Có khỏi như thế thì con mắt khách-quan mới khỏi cho là hèn yếu mọi rợ.

Trước khi chưa có quí chánh-phủ bảo-hộ đất Việt-Nam thì nào ai đã nói đến thể-dục? Khoảng độ mười năm đây cái tiếng thể dục đối với các nhà văn-nhược thật là phản-đối hẳn với cái phong-dạng thanh-cảnh nhã-nhặn. May làm sao báo tây báo ta hết sức cổ-động cho vấn-đề này phổ-cập, mà chánh-phủ cũng từng lưu-tâm chú-ý đến luôn, thì dưới con mắt những người thiển-kiến vẫn cho cái tướng học trò là cái mĩ-quan con nhà thi-lễ đã hầu như choàng con mắt ra tỉnh giấc mơ mà tiến-thủ dũng-vãng để đạt tới mục-đích. Khác nào như đàn chim vỡ bụng đã sắp đến kỳ bay-nhảy, rồi có thể một mai vẫy-vùng trên thế-lộ cạnh-tranh. Nay, nào là lớn-bé già-trẻ đã chịu công-nhận thể-dục làm cần-thiết, là bổ-ích, thậm-chí lắm người nhiệt-thành với thể-dục, thể-thao đến nỗi mê-man quên mỏi. Nhưng số ấy còn là phần rất ít. Mà cái lửa nhiệt-tâm của đồng-nhân công-chúng có lẽ chỉ cháy tờ mờ thế mãi thôi chăng? Ngán lắm thay! Duyên-cớ vì đâu? Phàm sự khởi đầu thì điều gì là điều không khó-khăn, mà hễ thấy khó-khăn thì hay nôn lòng nóng dạ ngay, chỉ biết đứng ngoài mà khen-chê, phẩm-bình hão những công-cuộc đã thành-tựu rồi, còn có hi-vọng gì là cao-thượng nữa? Nói ít mà làm nhiều mới là hay.

Cái lẽ như thế chẳng qua là tại lười biếng, là tại không có nghị lực kiên-tâm. Xem như nhiều học-sinh ở các trường, nhà trường có cưỡng-bách, bất-đắc-dĩ phải tập, tuy có tập mà cái ý-chí lại hay vờ-vẫn, hoặc lúc tập-tành, thời người lại cù-rù yểu-điệu, trái hẳn với cách thể-thao, rồi thành ra vô-hiệu, lại đâm ra chán-nản ngay. Ký-giả mục-kích thấy lắm trường nhờ chánh-phủ có cái thịnh-ý đem khoa thể-dục để dạy-bảo, thì các học-sinh lúc tập chẳng có một chút phấn-khởi gì cả, mặc cái quần rộng thùng-thình, dài như lễ-sinh, áo lướt-thướt đến gót chân, sắc mặt âu-sầu, chân tay lẳng-khẳng, cử-động mềm mại yểu-điệu như đàn-bà, coi tựa-hồ như tụi người ốm, mà quan thầy-thuốc sắp đến khám bệnh vậy.

Vậy nào có ốm đau đâu, mà người lừ-khừ như thế? Chẳng qua lười biếng là

hết! Chẳng qua không muốn lay động đến cái xác-thịt! Gớm thay cái ma lười biếng độc-địa nó làm cho bao nhiêu điều thất-vọng mà lại còn không biết ư? Than ôi! cũng vì nó mà bao nhiêu chí-khí của mình thầy đều trôi theo dòng nước biếc, vậy ta há lại không nên cố gắng lên ư? Ôi! thiếu-niên từ hồi mười hai tuổi đến hai mươi tuổi, chính đương hồi thiếu-niên cần phải siêng-năng thể-dục, bởi vì thiếu-niên hùng-tráng ví như đương mùa xuân, có phần hi-vọng cho nước nhà! (La jeunesse vaillante et le printemps, l'espoir du pays).

Cái thời buổi này là cái thời buổi vừa đấu-trí vừa đấu-lực, mà người trong nước không chăm về đường thể-dục, thì sao hay chiếm được vị ưu-thắng ở đời.

Ta phải nên sống trong cõi đời đầy-đủ, trí-lực hoàn-toàn, hoạt-động nhiên-hậu mới nói văn-minh được.

Thể dục! Còn vấn-đề gì hệ-trọng bằng? Phải thể-dục cho thành người đã, rồi muốn làm gì hãy làm, muốn học-hành, muốn nghề nghiệp gì mặc lòng, mà cái năng-lực sinh-tồn không đủ, thì quyết-nhiên không trưởng-thành được.

Tuy rằng lúc mới tập thể-dục thì có mệt-nhọc đôi chút, nhưng người được đỏ da thắm thịt, ăn được ngủ được, làm được nhiều việc, người tráng-kiện nhanh trai, rắn giỏi khỏe mạnh, đủ sức mà ganh-đua với đời, kháng-cự được với các giống vi-trùng, giống vi-trùng tức là thứ giặc rất hại không kém chi chiến-tranh (agents pathogèns); như thế có ngần ngại gì mà không luyện-tập. Cái ích-lợi của thể-dục nói ra khôn xiết, chỉ xin nhắc lại rằng thể-dục là cái động-lực cho trí-dục và đức-dục, vậy có câu rằng: Đời người là cái tư-bản mà sức khỏe dùng làm lờ lãi (la vie est un capital dont la santé sert les intérêts). Chúng ta há chẳng nên cần thể-dục để cho sức khỏe thêm ra ư?

CHU XƯỚC-DƯ

Cái hại tảo-hôn phải kíp đem trừ

Từ khi cái sóng văn-minh hùng-vĩ tự bên Âu Mĩ ba-cập đến các dân-tộc Đông-phương này, làm cho biến động cả nền sinh-hoạt trong một xã-hội, thời bây giờ phàm người nào đã có con mắt biết trông thấy những chỗ khuyết-điểm của dân-tộc mình cùng là những điều hoàn-toàn cao-thượng của các dân-tộc khác, cũng đều tỉnh-giác ra rằng: tổng-chi bởi tại cái lậu-tục tảo-hôn, mà dân mình phải chịu cái kết-quả hiềm nghèo như thế; như thế thời cái hại tảo-hôn phải kíp « nên trừ » là một lẽ thông-thường nói ra thật là dễ quá, mà tưởng nói mãi cũng không thành hiệu-quả gì. Vậy nay phải tìm những cái nguyên-cớ tảo-hôn ẩn-phục ở đâu mà kíp « đem trừ » cho xong mới được.

Song mà những cái nguyên-cớ ở đấy không phải là nói — hay là cũng không cần nói — những cái nguyên-cớ làm cho xã-hội tai hại bởi sự tảo-hôn, vì phàm người có học-thức có tâm-tư như các nhà đọc báo *Nam-Phong* này chắc là cũng đã hiểu thấu: Nào hại từ mỗi người mỗi nhà, cho đến cả quốc-gia xã-hội, hại cả mọi đường vật-chất tinh-thần; gồm cả các cái hại khác đều là « con đẻ » của cái ác-tập tảo-hôn này, tưởng nói ra có đến trăm trang cũng không xiết được.

Vậy thời những nguyên-cớ nói đây là thuộc về phương-diện nào vậy? Là

những nguyên-cớ nó bắt buộc dân-tộc mình phải tảo-hôn..... Có biết cái nguyên-cớ ấy thời cái ác-tập tảo-hôn này mới phá đi được, chớ cứ hô-hào thán-trách rằng là người mình hết thảy đều sinh cái sự gả chồng lấy vợ cho con cháu sớm, thời thật là một điều lầm to, một sự có lỗi đối với cả các cá-nhân, mà bàn đi nói lại có đến trăm năm cái tục tảo-hôn cũng không bỏ được.

Phải, xét cho kỹ ra mới biết được rằng trong quốc-dân ta mà sở-dĩ cứ phải gả chồng lấy vợ cho con cháu sớm là chẳng qua vì sự sinh-hoạt vì điều tập-quán chung nó cưỡng-bách một cách quá ngặt mà phải làm. Tựu-trung cũng bởi nhiều người ngu-dốt mà ra, thời đó cũng là cái lỗi ở xã-hội không tìm được cách mà truyền-bá giáo-dục cho đều.

Mà phản lại, thời dẫu trong óc mọi người đều sẵn có trí-khôn biết suy xét cái hại của tục tảo-hôn đi nữa, nhưng nếu xã-hội không biết tùy-thời cải-cách việc làm hằng ngày của hết thảy mọi người đối-phó với nhau, thời cũng không có công-hiệu gì cả.

Người ta chẳng qua chỉ là mấy bụi bị cái đồi-phong tệ-tục nó cuốn kéo đi mà thôi.... Cho nên hằng ngày không cứ những kẻ u-u mặc-mặc không biết nghĩa-lý gì, cho đến những người có học thức có trí khôn, có cái miệng kể được tai-hại tảo-hôn một cách rành-mạch tinh-tường, cũng vẫn bị cái điện-lực bao bọc quanh mình nó gò buộc phải tự lấy vợ sớm. Ôi! vẫn biết rằng vợng thì đua tranh bay bổng, hãy còn tài-sơ đức-bạc, của thiếu sức hèn, đã phải mang cái gánh nặng vợ con thời việc đời khó lòng cất nổi, mà cũng phải nhắm mắt theo đời thật cũng lấy làm khổ-tâm đấy!

Nhưng không thể nhảy ra ngoài phạm-vi gia-đình xã-hội mà đứng đơn-độc một thế-giới riêng.

Bởi cái lẽ ngôn, hành tương-phản như thế, nên ngày nay muốn trừ cái lậu-tục tảo-hôn thời phải đem cái phạm-vi sinh-hoạt cùng là tập-quán hằng ngày nó bắt buộc người ta cứ phải tảo-hôn mà chữa sửa đi mới được. Chớ nếu cứ kêu ca về cái hại tảo-hôn, thời bao nhiêu năm, bao nhiêu đời nữa cũng không sao trừ tiệt được; không những thế, lại cứ lấy cái trình-độ trong sự tiến-bộ mà xét ra, thời cũng sẽ theo cái trật-tự việc đời mỗi ngày một phức-tạp, thói tục mỗi ngày một phân-phiền mà cũng mỗi ngày một tảo-hôn hơn lên đó vậy.

Có người bảo: « Cái hại tảo-hôn rồi ra chẳng bao lâu nữa sẽ trừ sạch được, vì trong dân-luật sắp ban-bố, cũng đã hạn tuổi cho những kẻ hợp-hôn ». — Song phải biết luật-pháp dẫu rằng sáng-suốt đến đâu, cũng không thể thấu qua cái bức tường phong-tục được, và nói cho thực ra thời cũng có khi người ta bán mất luật-pháp.

Vậy thời quyết là phải tìm cách làm cho tiêu-diệt những cớ những lẽ nó phôi-thai ra sự tảo-hôn, nghĩa là về phạm-vi sinh-hoạt tập-tục hằng ngày vậy:

I. — Vì đàn ông lười biếng chân tay mà phải tảo-hôn

Trong chốn thôn-quê cái số người hôn-thú cập-thời, cũng là thái-vãn, thời phần nhiều ở hai hạng người lao-lực: thứ nhất là hạng học-trò, thứ hai là hạng làm ruộng (nghĩa là làm ruộng chăm chỉ quanh năm làm mướn làm thuê, chớ không phải những kẻ chỉ biết ngồi mà « ăn ruộng » vì không dư tiền sẵn của mà bỏ ra mua lấy vợ sớm; đến như học-trò lại còn vì một cớ nữa, là tuy chịu cái số-phận đào-thải bần-hàn, nhưng cũng phải giữ lấy lề lối, không lẽ lấy vợ về cho đi làm thuê làm mướn ư?

Trừ ra chỉ những hạng người lưng vốn có một vài mẫu ruộng trở lên là hay gả chồng lấy vợ cho con cháu sớm, bởi vì đã có tư-bản để mà lấy vợ cho con, rồi lại mua cho cái chiếu ngồi cao, rồi xoay ra ăn chơi kiếm chác, không thèm nhúng vào những việc chân lấm tay bùn, có bao mảnh ruộng con trâu là mau mau giao-phó cho bọn đào thơ liễu yếu, cũng là một điều lợi-dụng khỏi phải thuê mướn gia-nô.

Mong rằng chánh-sách cải - lương mau mau nhuần-thấm ra khắp cả các hương-thôn, thời cái ác-tập tảo - hôn cũng sẽ tiêu-tán đi dần vậy. Tuy vậy, mà cái sự buộc phải tảo-hôn thuộc về điều này cũng là một cớ còn nhỏ, thời dù sự tham-lạm trong chốn hương-thôn chưa tiểu-trừ hẳn được, cũng còn dùng nhiều cách khác mà trừ-khử được cái hại tảo-hôn đi.

II. — Vì có niềm-thù tranh-cạnh mà phải tảo-hôn

Trong chốn hương-thôn thường là gồm năm bảy họ, rồi họ nọ lại sinh xung-đột với họ kia, nên muốn giữ được của mà ăn, cũng không phải là một sự dễ. Bởi thế những kẻ bình-sinh chỉ mong an - thường thủ - phận, song vì không có vai-vế, nên dù không có sinh-sự với ai mà người ngoài cũng cứ lăm le từng miếng ; cho được giữ của mà ăn thời phải mau mau tìm vào chỗ nào có quyền có thế mà đồ tiền ra cầu-khẩn cho được vị thần hộ-mệnh, rồi sau mới thuộc vào mục-đích là vợ của con. Hoặc cũng có người mưu lấy cho con mình bằng đứa con của chính người xưa nay với mình vẫn thường hiềm-khích là chủ-đích để làm « contin » trong cái điều-ước hòa-bình vậy.

Nhưng mà từ nay nhờ được thiện-chính cải - lương, rồi cũng có ngày trong chốn hương-thôn bớt được cái phong-trào cạnh - tranh hiềm - khích thời cái hại tảo-hôn này cũng dần dần bớt đi được đấy. Vậy ta hết sức hi-vọng cho công-cuộc cải-lương chóng được người hay để mà phổ-cập, thời vừa đạt tới được nhiều mục-đích có lợi-ích cho quốc - dân ta, mà cái hại tảo-hôn cũng nhân thế mà tiêu-trừ được.

III. — Vì cần lấy của mà phải tảo-hôn

Buổi này là buổi giao-thời, đường sinh-kế của ta còn dương thuộc vào cái thế « giáp-hạt » rất eo-hẹp khó-khăn, cho nên làm được đồng tiền cho phải đạo tưởng cũng rất là hiếm người.

Những người theo việc công-thương đơn-độc cũng khó lòng mà chiếm-đoạt được lợi-quyền, nên phải thi-hành cái chương - trình tiện nhất là một bên thời mau mau đem con gả bán và một bên thời mong chóng được hưởng cái của hồi-môn ; song không phải hai bên đều được hưởng lợi, ắt là một bên đem sắc, đem danh hay là đem tuổi mà đổi lấy lợi cho một bên. Vì vậy mà ngán thay ! trong xã-hội ngày nay trừ cái hại trực-tiếp về tảo-hôn lại còn chịu hại gián-tiếp về cái bệnh dịch ly-dị và cái bệnh lao phong-hóa suy-đồi. Ôi ! cái con ma kim-tiền ghê-gớm kia, mi có cái yêu thuật gì mà bắt mất biết bao số mạnh, cám dỗ biết bao linh-hồn trong xã-hội này mà đưa vào ngục tối như vậy ? thật cổ-lai chưa thấy bao giờ mà mi ám-ảnh loài người mà nhất là cái xã-hội này đến thế đó !

Còn kẻ làm ruộng thời lâu nay cũng năng thua thiệt với sức thiên-nhiên, nên ai ai cũng biết nghĩ rằng : mươi lăm mẫu ruộng hao tổn biết bao mồ-hôi nước mắt một mùa cũng không bằng cái lợi tự-nhiên một tấm huyết-nhục, thời ai mà không mong mỏi cho chóng đến ngày kết-quả hôn-nhân ? thành ra chỉ là kết-duyên với con trâu

với mảnh đất chớ không cần tài-đức ái-tình gì; cho nên trong chốn thôn quê ngày nay cái phong-trào chê-chối nhau mỗi ngày một lan mãi ra; duy ta không thấy thời thường diễn ra trước mắt bên tai, là vì không dám ra trước pháp-đình, sợ rằng chính là một cuộc ly-hôn, mà lại hóa ra một kỳ « nghênh-hôn sinh-lễ » thứ hai đó.

Điều này thời trông vào chánh-sách cải-lương cũng không có ảnh-hưởng mấy; vì chỉ có thể thay đổi được cả cái cơ-quan hương-đảng, nghĩa là chỉ bớt được một sự nhiều miệng ăn uống vào cái cuộc hai kẻ kết-hôn, chớ đến cái bụng tham thâm-căn cố-đế ở trong lòng người thời không thuốc nào mà chữa khỏi được, cũng không luật nào trừng-trị đến cái quyền tự-do của người ta; vả dẫu có cũng không tài nào mà soi thấu vào trong cùng túi được. Vậy chỉ còn mong về đường thực-nghiệp mau thịnh-đạt và đường kinh-tế chóng khai-thông; nhưng hai đường ấy cũng trông vào học-đường sau khi đã đông-đúc, mà học-đường có được đông-đúc cũng lại trông vào đường lý-tài đường sinh-kế của quốc-dân có rộng-rãi thênh-thang thời mới nhiều bọn thiếu-niên đi học được. Vậy thời nay trước hết phải mau tìm cách làm cho mở mang phát-đại về đường sinh-kế và lý-tài, chớ ngôn-luận văn-chương cũng không chữa được lòng người tham-dục, mà mong trừ được cái hại tảo-hôn này.

IV. Vì tục cho lấy nhiều vợ mà sinh tảo-hôn

Cái ác-tập này cũng vì nghề ruộng nghề buôn trên kia đã nói là mục-đích cần người làm việc làm công, mà sau mới thuộc về sự làm vợ làm mẹ, vì thế phải lấy vợ trừ-bị sớm, thời sau mới đảm-đương nổi công việc nặng nề. Mà người đàn bà thời cái sức sinh-trưởng đã mau lại vì lao-động thai-sinh mà chóng cướp thời-gian, chẳng bao lâu đã đến ngày già cỗi; khiến cho đàn ông trông thấy cái cảnh lưng khòm má rúm đã toan rẻ rúng mà tấp tểnh những cô thiếu-nữ mĩ miều. Cho nên lắm kẻ đã nói ra miệng những điều rất là bội-bạc mà rất đáng thương tình rằng: « Tôi có ưng-ý nó đâu! nó có phải là vợ tôi đâu! nên bây giờ tôi cũng chỉ coi như một cái địa-vị vú-già mà thôi! từ giờ về sau tôi thuận lấy ai mới chính là vợ của tôi thật ». Cũng có kẻ thời không đến nỗi bội-bạc như thế, song cũng viện lấy cái câu tục-ngữ rất là khả-khinh khả-ố mà nói rằng: « Làm giai lấy năm bảy vợ, gái chính-chuyên chỉ có một chồng! » với lại « Sông bao nhiêu nước cũng vừa, giai bao nhiêu vợ cũng chưa bằng lòng! » để làm cái án-sát mà buộc chết đàn bà, rồi mà lợi-dụng cho thoả cái lòng vật-dục! Ôi! nếu cứ mỗi một người đàn ông lấy năm bảy vợ cũng chưa bằng lòng, thời có lẽ tạo-vật cứ lệ sinh ra mỗi người đàn ông lại phải sinh ra mội bọc đàn bà thời mới đủ cho đời tiêu-thụ?! Đây ta không kể đến những sự lấy nhiều vợ mà làm rối-loạn gia-đình, rồi cái hại có ảnh-hưởng cho xã hội; ta chỉ nói theo đề-mục là cái tệ-tục tảo-hôn mà thôi, thời xét ra cũng không phải cái lỗi ở tại đàn ông, vậy ta không trách từng người sinh tình bội-bạc, mà ta chỉ trách ở xã-hội để cho cái tục lấy nhiều vợ, thành thử nuôi cho người ta cái lòng bội-bạc vì còn có cái hi-vọng lấy người trẻ kia. Chớ vì nếu mỗi người chỉ được phép có một vợ, thời không dại gì mà lại tảo-hôn để cho cái hoa nó đổi sắc mất hương ngay vào lúc mình biết ngoạn-thưởng.

Nay cứ các lẽ đã kể trên này thì nếu muốn trừ tiệt được cái hại tảo-hôn cùng hết cả các cái hại khác, thời từ nay trong nước nên đặt luật cưỡng-

bách, hạn-chế mỗi người chỉ lấy một vợ mà thôi. Duy muốn cho được bảo-tồn cái tục cần phải có người nối dõi, thời xét ra kẻ nào gần đến cõi già mà thật là chưa con kế-tự nếu có lời xin mà trong nhà thuận-tình ký-kết thời cho phép lấy một vợ lẽ mà thôi.

Xét như thế tất là có người đã vội lo xa mà bảo : « Nếu vậy thời trong nước sẽ thừa vô-số đàn bà, vì cứ coi hiện hay nhiều kẻ lấy hai ba năm bảy vợ mà sao chả thấy người nào kêu rằng không vợ đấy thôi, sau nữa cái dật-số đàn bà kia nếu không có đàn ông thủ-dụng, thời chả hóa ra một hạng dâm-đãng mất ru ? »

Nói thế rất là lầm rồi; ừ, ta chẳng xét đâu xa, cứ coi như dân ta những nơi theo Thiên-chúa-giáo, mới chịu cái luật của giáo-hội mà đàn ông chỉ được phép lấy mỗi vợ thời sao giáo-dân không thấy thừa số đàn-bà ? — Điều đó mới thực là lạ ! Nhưng xét kỹ ra mới biết được rằng: đàn ông ở về giáo-dân ít khi tập-họp rượu chè thời cũng ít người sinh ra tật-bệnh yểu-chiết, với lại một người không lấy nhiều vợ thời tinh-lực không hao-tổn quá-đa mà tuổi già cũng không đến sớm. Phải, nếu cứ lấy lý đoán ra thời tạo-vật sinh ra người ta đã hạn-chế cái lòng hoan-lạc của từng đời người không được hơn kém nhau quá, như một người mà tham lấy nhiều thời cái số nhiều ấy chỉ được hưởng mỗi vợ lấy một đoạn đời, cộng lại chỉ bằng một người rồi hóa-công sẽ đòi trả lại ; trừ ra khi nào thuộc vào cái trường-hợp đặc-biệt như một là làm thiện, hai là làm ác mà được hưởng sự hoan-lạc dài ngắn khác đi mà thôi.

Sau hết nói xác-đáng ra thời trong nước ta dù lương dù giáo đều có dư số đàn bà, thời trừ cái tật đàn-ông thuốc-xái rượu chè mà sinh yểu-chiết, lại còn một cớ lớn nữa kể ra có lẽ bằng vấn-đề này, để đến kỳ sau có nhiều thời giờ ngu này sẽ xin bàn rõ, may ra có thể cứu lại được cái nỗi yểu chiết chăng ?

V. Vì nhiều tang-trở mà phải tảo-hôn

Có năng chịu khó để tai mà nghe những lời phụ-huynh bày tỏ về sự không thể đừng được mà phải kíp gả chồng lấy vợ cho con mới biết dân ta nhất là dân trong thôn-dã còn giữ được nhiều tục cũ thời cái phong-trào tảo-hôn lại rất thịnh-hành. Hễ khi nào thấy một vài người bàn bặc hay là có người khuyên giải về sự không nên tảo-hôn, thời nét mặt biến ra rầu-rầu mà trả lời một câu giống nhau cả rằng : « Nhờ trời nhờ phật hồi này trong họ hàng nội ngoại đều quang-quẻ cả nên phải mau mau lo việc phối ngẫu cho cháu, chớ nếu để gan, sau lở xảy ra tang chế chiến-miên thời sợ chúng nó lỡ thì, bấy giờ thời làm sao được ? » Ôi ! Nghe nói mà phục là lời nón phải, không thể cãi lại được một lời nào ; điều này xã-hội phải nên giải-quyết sao đây ?

Xét trong Chu-công-gia-lễ có kết một đoạn thuộc về tang-chế rằng . « kẻ chính-hôn và người chủ-hôn đều không có tang từ một năm trở lên mới được thành hôn — Tiểu chú = Lễ dạy : con trai con gái là chính-thân giá-thú với kẻ chủ-hôn dẫu có đại-công (là tang 9 tháng) tiểu-công (là tang 5 tháng) ti-ma (là tang 3 tháng) mà tuy chưa hết, song đã táng (1) rồi thời hôn-sự cũng được làm... đại-công mà chưa táng cũng không được làm chủ-hôn, phàm chủ-hôn là người rể xưng bằng ông, hoặc cha, hoặc anh và phàm là gia-trưởng như tôn-tử tự-hôn thời lấy

(1) Ngày xưa ta tin phong-thủy cũng như là Tàu, lệ thường người chết quàn trong ba tháng đợi khi nào tìm được cát-địa mới tống táng.

người trưởng trong họ làm chủ... » Nay cứ lấy cái số trung-bình trong tang-phục đã kể thời mỗi người trong một đời phải can-thiệp đến 30 cái tang từ một năm trở lên, vậy nếu kể từ tang ba tháng trở lên có khi hơn trăm tang còn là ít. Tuy bây giờ không còn cái lệ quàn-ma trong nhà ngoài bách-nhật, nhưng thường thường có muốn làm lễ thành-hôn cũng phải vị-tình mà để xa ra một hạn : tang ba tháng thời để ra ngoài một tháng, tang năm tháng cũng phải để ra ngoài hai ba tháng, mà tang chín tháng thì để ra ngoài ba bốn tháng... Cứ thế thời thử hỏi cả hai bên trai gái cùng người chủ-hôn trong một đời người chọn được mấy thời là vắng bẵn tang trở ? Than ôi ! mỗi một cuộc đời của hai người niên-thiếu mà hàng trăm cái chết ở ngoài vây bọc, chỉ chực cướp giật cơ-hội đi, thời trách sao không sợ mà đem tảo-hôn cho yên chớ ? Ngán thay ! không hiểu làm sao xưa kia đặt lắm tục lệ tần-phiền như vậy ? Tương-truyền rằng về triều Lê còn có cái tục : con trai đương cư tang cha mẹ mà trong cái kỳ-hạn ba năm nếu vô-phúc mà vợ tha-sinh thời phải tội rất nặng ; thời ấy có một ông quan đương cư-tang mà phải sang sứ bên Tàu, chẳng may linh-hồn lìa-xác ngay từ ở Tàu thành ra đời người không con kế-tự, bấy giờ vua mới cảm thương, nom thấy cái điều đại-khuyết-điểm mà thỉ-cấm cái ác-tục ấy cho dân. Khốn nạn thay ! cái hiếu kia chẳng qua là cái hiếu hư-văn, cái hiếu vô-lý mà phản thành làm cho một xã - hội biết bao nhiêu người mất tự-do trong sự sống, mà phạm vào cái tội nhất-đại-bất-hiếu là cái tội không con nối dõi về sau, lại có thể buộc vào cái tội bội bạc đối với xã-hội tương-lai nữa.

Ngày xưa định việc hôn-nhân quá-nghiệt như thế là lấy nghĩa rằng : đương thủa cư-tang là đương ở cái cảnh thương xót buồn rầu, thời không được vi-hành cái cuộc vui thú. Song cứ như trong Lễ-ký đã dạy thời sự hôn-nhân mà cho là một cuộc vui-thú thời là một điều lầm vì có câu rằng : « Những nhà có con gái gả chồng thời ba đêm không tắt đèn, là cảm thương cái sự lìa nhà mà đi ; những nhà có con trai lấy vợ thời ba ngày không cử-nhạc, là cảm thương về sự nối dõi tông-đường (1) » — Hai bên cùng có cái hình ảnh thảm-đạm u-sầu như vậy, là một bên thời hình dung như con mình phải chết, một bên thời tưởng-tượng đến cái ngày mình sẽ không con ; vậy thời sự hôn-thú không nên câu-nệ tục-lễ hạn-cấm cho lắm.

Sau hết còn một sự ở trong ý-chí người mình, là ai ai cũng muốn cho trông thấy con đàn cháu lũ, mà nhất là « tứ ngũ-đại đồng đường » thời lấy làm vinh quang hạnh-phúc quá, bởi thế thành ra ai ai cũng vội vàng gả chồng lấy vợ cho con cháu sớm lắm mới kịp được cái hi-vọng bình-sinh. Cái bụng ấy vẫn là rất tốt rất hay, nhưng mà nó tự-nhiên quá ; chắc là chẳng bao lâu người mình cũng trông thấy cái kết-quả của sự giáo-dục mới này, mà tỉnh-ngộ dần không cần phải gả chồng lấy vợ cho con sớm quá.

.·.

Trước khi cầm bút toan ra giải-thuyết cái vấn-đề này, ký - giả vẫn không hiểu cái cớ làm sao mà dân ta phàm sự hành - vi cái gì cũng có ý tương-phản nhau, nhất là cách xa lễ giáo biết bao nhiêu trùng. Hãy lược-cử một vài điều như thánh-nhân chế-lễ đã dạy cho rằng « Trai, ba mươi tuổi hãy cho lấy vợ, gái, hai mươi tuổi

(1) Giá nữ chi gia, tam dạ bất tức chúc, tư tương ly dã ; thú phụ chi gia, tam nhật bất cử nhạc tư tự thân dã.

sẽ gả chồng (là đều ở trong vòng từ 20 đến 30 tuổi tùy cảnh-ngộ khó giàu tùy học-thức thấp cao, chớ không buộc phải cứ đúng 20 với 30) » vậy mà làm trái ngay đi, đôi thì lên năm lên bảy, đôi thì lên chín lên mười, cũng là mười ba mười bốn mà phần nhiều thời vì tham việc mà vợ lớn hơn chồng nhiều. Lại như câu lễ dạy : — mà trên đã giải — « Nhà gái ba đêm không tắt đèn, nhà trai ba ngày không cử-nhạc, là đều hàm có cái ý buồn rầu, » vậy mà hát xướng linh-đình, ăn uống rộn-rịp, tiền bạc rúc-rích, lại trái hẳn cái câu lễ dạy « Giá thú bất luận tài » thật là quái lạ !

Trộm xét ra thời cái sự sở-học sở-hành tương-phản như thế, tổng-chi chỉ vì không chịu kinh-nghiệm quan-sát cái bài học lúc nào cũng hoạt-động ở trước mắt ta, tức là những sự sinh-hoạt hành-vi của xã-hội, xem rằng trong đó dở hay thiếu đủ thế nào, rồi đem những lý-thuyết đã trứ - sức ở trong sách của những người có óc thông-minh trong học - phái đã sáng-khởi ra mà bổ-khuyết vào hay canh-cải lại — tức như cái cách lập-pháp hành pháp của Âu - châu, toàn lấy những lý-thuyết của các nhà đại-tư-tưởng phát-minh ra mà tổ-chức vào pháp-luật mà thi hành — đây chỉ để những lý-thuyết nằm trong giấy nát mực đen, hễ khi đem đọc đem xem lại đi qua tai mắt một lần như mây bay gió thoảng rồi lại biến đi ; mà dẫu ít người có ký-ức thì cũng để ở trong óc, chớ đem làm ra quan-giác thời lại mắc cái đống thói quen của mọi người. Thậm-chí để cho người ngoài đã phê-bình cho một câu rất buồn cười mà rất đáng thẹn rằng : « Các anh chỉ biết cắp lấy sự học mà giấu vào trong túi thôi ! ».

TRẦN QUÁN-CHI

TIỂU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẬT - SỬ (1)

嶺南逸史

XIV

HỒI THỨ XV

Vì việc cấp, Mai-tiểu-thư đành cam tội. Không nhịn được, Lý-tiểu-hoàn phải khởi binh.

Nay không kể chi đến những nông nỗi Mai tiểu-thư đem Hoàng Hán vượt qua trùng-vi đi đến núi Gia-quế cầu-cứu chi nữa. Chỉ nhắc lại chuyện khi trước Lý công-chúa cho Phù Hùng đến dinh quan Đốc-phủ xin quân, phải Súc Nục đánh cho một trận ngất đi gần chết. Sau Đặng Bưu hiến kế bảo cho người đi nói phao rằng : giặc Thiên-mã sắp khởi binh, để Súc Nục nghe thấy tin ấy, sợ quân giặc Thiên-mã thì phải cầu đến mình. Khi ấy Lý công-chúa cũng phải nghe kế ấy giục Đặng Bưu cứ việc mà làm ; một đàng thời sai người đi đến tỉnh-thành để thám-thính tin tức. Được hơn một tháng thời thám-mã chạy về báo rằng : « Nay quả thấy trại Thiên-mã đã khởi binh xung sát xuống núi ; mà Súc Nục thời thân đem binh đến Triệu-khánh để nghênh-địch ». Lý công-chúa nghe tin ấy liền

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 48.

mời Đặng Bưu đến thương-nghị mà rằng :

— Nay trại Thiên-mã đã động binh, mà Súc Nục thì đem quân đi nghênh-địch ; ta muốn khởi hết quân trại ta, vòng ra đàng sau trận quân giặc, để cùng với quan-quân cùng giáp-công, thúc-phụ nghĩ sao ?

Đặng Bưu cười mà rằng :

— Quan-quân vốn là phường khiếp-nhược, gia-dĩ Súc Nục lại là anh vô-mưu, không biết sâu hào cao lũy cứ giữ cho bền, để rồi từ-đồ xuất-kỳ chế-thắng mới được ; nay vội đem quân đến Lụ-bộ đóng đồn ở chỗ đất tứ-xung, tôi chắc là không đầy mười ngày tất là bại-hoại. Nếu đại-quân đã vỡ, thì không còn ai có can-đảm gì cả, quân Thiên-mã tất là thừa-thắng tràng-khu, vào đến giáp tỉnh-thành, song tỉnh-thành cao sâu, đánh được không phải là dễ ; ta cứ đợi cho nó đánh thành mỏi sức, rồi ta điều-binh khiển-tướng, thừa khi nó tàn-tệ mà đánh, thời cái xỉ núi Ác kia có thể đánh một trận mà báo-thù được. Nếu như bây giờ đương lúc nhuệ-phong quân giặc còn đương mạnh, mà ta vội dem quân đến đánh, thời tổn-hại rất nhiều, tiểu-tướng nghĩ là chưa nên. Xin công-chúa hãy nhẫn-nại đợi ít ngày nữa mới phải.

Đặng Bưu nói rồi từ trở ra. Lý công-chúa nghĩ cũng chột dạ về sự lầm lỡ khi trước phải quân Thiên-mã đánh thua, nên cũng phải nghe lời Đặng Bưu. Song công-chúa hễ lúc nào nghĩ đến Phùng-Ngọc phải quân Thiên-mã làm cho chết thảm-hại, thời trong bụng lại thương đau, nước mắt ràn rụa, thấm ướt cả áo khăn. Một hôm mở hòm xét thấy những bài thơ đề vịnh của Phùng-Ngọc và cái tờ mạo-thư của Lưu Hạc-Linh, công-chúa lại mở ra đọc, thời tự-nhiên lại nức nở khóc thất thanh, thương xót vô chừng. Hai tên thị-tì là Xuân hoa, Thu nguyệt chạy đến khuyên giải trăm triều, công-chúa mới dựa gối nằm nghỉ. Trong lúc mơ màng chợt nghe tiếng địch véo von thê-thảm, sực tỉnh giấc nồng, trong bụng bâng khuâng vơ vẩn, ngồi trong phòng một mình, nghĩ vơ nghĩ vẩn, rồi chạy đến trước án, thấy một tờ giấy hoa-tiên, bèn cầm bút đề rằng :

Giở mảnh vân-tiên giọt lệ đầm,
Những rầu đa-bệnh nản sầu ngâm.
Véo von tiếng địch đâu bay tới,
Thêm ngán tình xưa nỗi xót thầm !

Công-chúa đề rồi, ngâm qua một lượt, lại càng buồn bã, vứt bút đứng dậy, dời bước ra ngoài lan-phòng rồi đi đến hiên sau để xem thử là ai thổi sáo. Khi đến trước hiên trông ra thì là hai tên tì-nữ : Xuân Hoa, Thu Nguyệt vì thấy công-chúa suốt ngày thương khóc, trong bụng vẫn thường áy-náy, vừa thấy công-chúa ngủ yên, hai tên tì-nữ bèn sẽ bước ra ngoài hiên, đứng dưới cây bích-đào giải-muộn, chợt thấy trước hiên treo cái ngọc-địch, Xuân Hoa bèn lấy xuống bảo Thu Nguyệt rằng ;

— Em thử hát lên mấy câu, để chị thổi sáo này hòa theo chơi một lúc giải buồn nên chăng ?

Thu Nguyệt nói :

— Ừ, hòa chơi một lát cũng hay !

Nói rồi, hai người tì-nữ, bèn cùng nhau kẻ xướng người họa theo dịp hòa ca. Lý công-chúa bước ra trông thấy sợ làm cụt mất hứng-thú của hai tên tì-nữ, lại sẽ trở gót vào phòng, cứ y theo cách-điệu của hai tên tì-nữ hát mà làm ra một trăm bài ca, để tự tiêu-khiển. Những bài thi-ca ấy điệu-cách công-xảo, hứng-thú thê-lương, khác nào : Rạng đông gặp buổi trời mưa, tơ tình trăm mối ngẩn ngơ bên lòng ! Đầm đìa cành lựu rủ bông, giọt

châu lã-chã khóc cùng cùng ai ? Lửa lòng như cháy khôn vùi, kể sao xiết nỗi ngậm ngùi tấm thương! Ấy những giọng ca thâm-tình diễm-ngữ như thế, không thể kể xiết được, nay dịch hai bài như sau này :

I

Chàng đi đâu vắng tiết trời đông,
Lửa lạnh hương tàn bếp bỏ không.
Xiết nỗi đêm trường khi tuyết giá,
Lò than nửa đề khói tro xông.

II

Mùi cam bóc vỏ ngọt vì ai?
Nỗi đắng cay này dễ đã nguôi!
Đầu tóc cũng không buồn chải chuốt,
Bạn uyên đâu vắng nhớ nhung hoài!

Một hôm, công-chúa đem những bài thi-ca ấy cho Xuân Hoa, Thu Nguyệt hát, Xuân Hoa theo dịp thổi sáo, Thu Nguyệt thời lên giọng hát một hồi. Xuân Hoa sẽ liếc mắt nhìn thấy công-chúa ngồi dựa cái ghế ỷ, đôi dòng nước mắt đầm đìa. Xuân Hoa cầm cái ngọc-địch ném xuống dưới thềm vỡ tan ra. Công-chúa chùi nước mắt, hỏi rằng :

— Xuân Hoa, sao lại giận gì với cái địch thế hử ?

Xuân Hoa nói :

— Ý chúng tôi thổi sáo là muốn giải buồn cho công-chúa, nay càng thổi sáo thời công-chúa lại càng buồn, còn thổi làm gì nữa.

Công-chúa sẽ úy-lạo mà rằng :

— Đó là tự tại bụng ta thương đau, chớ không phải nghe thổi sáo mà buồn.

Xuân Hoa khóc mà rằng :

— Công-chúa được bao nhiêu tinh-thần, mà cứ ngày đêm thương khóc như vậy, thì còn gì nữa. Vả công-chúa không tiếc gì mình, lại không thương đến lão phu-nhân ư ?

Xuân Hoa nói rồi, nước mắt rỏ ròng ròng. Thu Nguyệt cũng khóc. Công-chúa liền dắt hai tên thị-tì lại gần lấy tay vỗ vào lưng mà bảo rằng :

— Ta không phải là không biết thế đâu, song ta thương tình không thể cầm lòng đậu, thôi từ nay ta cũng nghe lời hai ngươi mà nén bớt mối sầu đi.

Hai tên tì-nữ lau nước mắt mà tạ rằng :

— Công-chúa nếu từ nay nén bớt lòng thương đau đi, thời không những hai chúng con được nhờ ơn, cả đến lão-phu-nhân cùng các hàng chư-tướng đều được nhờ ơn công-chúa cả.

Thật là :

Nọ phải nhiều lời khuyên chủ biết,
Chỉ đem thương mẹ gợi lòng thơ.

Nói về Phù phu-nhân vì con Đặng Bưu đầy tháng, nên Đặng Bưu mời phu-nhân đến núi Ngọc-nhị ở chơi bảy tám ngày, nhưng phu-nhân vẫn áy-náy về công-chúa không yên lòng, cố ý muốn cáo-từ trở về. Song mẹ con Đặng phu-nhân cố nài mời ở chơi lại mà rằng :

— Bên ấy với bên này cũng thế, xin mời tẩu-tẩu hãy ở chơi lại tối nguyên-tiêu này rồi hãy về.

Phù phu-nhân nói :

— Thím không biết con bé nhà tôi nó thương nhớ Hoàng-lang, suốt ngày thương khóc ; tôi đã ở chơi đây bảy tám ngày không biết ở nhà nó ra thế nào, tôi phải về xem nó mới được.

Đặng phu-nhân thấy nói như vậy mới để cho Phù phu-nhân trở về.

Khi Phù phu-nhân trở về vào đến nhà trong, liền chạy vào trước phòng công-chúa thấy Xuân Hoa, Thu Nguyệt hai tên tì-nữ đương ở ngoài trước thềm bắt bướm-bướm chơi. Phu-nhân liền hỏi rằng ;

— Chẳng hay công-chúa ở đâu ?

Hai tên tì-nữ thấy phu-nhân đã trở về vội vàng cúi đầu mà thưa rằng :

— Công-chúa tôi đang ở trong phòng nằm nghỉ.

Phù phu-nhân sai cuốn rèm châu, bước vào phòng xem, thấy công-chúa đang nằm dựa ghế thiu-thiu ngủ, hoa-dung gầy guà, vẻ mặt xanh nhợt. Phu-nhân cả kinh liền bước đến ôm lấy công-chúa khóc mà rằng :

—Con ơi ! sao con hình-thể gầy quà làm vậy, con phải biết rằng mẹ già chỉ trông về có một con, con nghĩ sao nên bớt tình thương, để cho mẹ mong nhờ về thân con, cớ sao con cứ liều tính-mệnh con đi, mà thương đau đến nỗi gầy cả người đi như vậy ?

Phu-nhân nói rồi, ẵm công - chúa vào trong lòng, vừa khóc vừa vỗ về. khuyên - giải mãi. Công-chúa cũng khóc mà rằng :

— Thương thay cho Hoàng-lang chết một nỗi thảm-cực, nên con cực chẳng đã, đau lòng như cắt mà thôi.

Mẹ con đương ở trong phòng khóc lóc, chợt có tin báo : Hoàng Hán là đầy tớ Hoàng Phùng-Ngọc mới trở về Công-chúa nghe nói vội vàng dắt tay Phù phu-nhân chạy ra ngoài tiền-đường, thời Hoàng Hán đã vào đến nơi. Công - chúa trô g thấy Hoàng Hán, tự-nhiên động lòng khóc òa lên. Hoàng Hán cũng khóc. Khóc rồi, Hoàng Hán cúi lạy phu-nhân và công-chúa, rồi đứng ra một bên. Công-chúa hỏi :

— Ngươi trốn lại được đây từ bao giờ ?

Hoàng Hán nói :

— Hồi tháng một năm ngoái, tôi ở trại Thiên-mã cùng với Mai tiểu-thư đi đến thôn Mai-hoa để tìm Hoàng tướng-công.....

Công-chúa vừa nghe nói, giậy mình mà rằng ;

— Hoàng tướng-công nhà ngươi đã chết thảm-hại ở trại Thiên-mã rồi, sao ngươi lại còn đến thôn Mai-hoa mà tìm nữa?

Hoàng Hán nói :

— Tướng-công tôi có can gì mà chết bao giờ.

Công-chúa ngơ-ngác mà rằng :

— Tháng tám năm ngoái, tướng-công nhà ngươi có sai người biểu-huynh Lưu Hạc-Linh cầm thư đến đây báo tin rằng phải quân giặc nó độc-ác đập đánh thảm-cực nguy chết đến nơi. Sau ta tại trận-tiền lại nghe thấy quân tặc-nô Gia-Cát Đồng bảo rằng vì tại Hoàng-lang chịu phải độc-hình uất-tức lên mà chết, tin ấy có lẽ lại không đích-thực hay sao ?

Hoàng Hán nói :

— Thực không có việc ấy bao giờ.

Công-chúa liền sai người đến trại Đặng Bưu gọi Lưu Hạc-Linh, thời đã trốn đi từ bao giờ rồi, công-chúa mới biết thư trước là giả-mạo, liền đổi buồn làm vui mà rằng :

— Chẳng hay Hoàng - lang không chết, sao không về đây mà lại về thôn Mai-hoa ?

Hoàng Hán bèn thuật chuyện lại mà rằng :

— Khi Hoàng tướng-công tôi bị vây ở núi Vân-thổ, không thể trốn ra được, nên tiểu-nô phải khuyên Hoàng tướng-công tạm kết-thân với Mai tiểu-thư để cho thoát-nạn ; sau Hoàng tướng-công tôi nghe tin Mai Anh dụ công-chúa đến giết chết, Hoàng tướng-công nghe tin ấy chỉ muốn tự-vẫn mà chết theo. Tướng-công tôi có viết hai cái phong thư gọi tôi đến dặn rằng : Hễ sau khi tướng-công chết, thì tiểu-nô phải đem hai phong thư ấy đưa về cho Trương tiểu-thư và Trương thái-công mà từ-biệt. Tướng-công tôi dặn bảo như thế,

rồi bèn lẻn ra đàng vách đá sau núi để gieo mình.

Hoàng Hán nói đến đấy bèn dờ vào trong mình lấy hai phong thư đưa ra. Công-chúa liền mở cái thư đưa cho Trương tiểu-thư ra xem, thì thấy trong thư nói mấy câu rằng: « *không chịu để nhơ thân mình, nhất định không chịu kết-hôn với quân giặc vân vân.* » Còn ở đoạn dưới đều là những lời: thương tiếc công-chúa vì mình mà chết, thời ư nghĩa mình không nên sống, mà ư tình cũng không nỡ sống lấy một mình, phải nên chết theo công-chúa ở dưới suối vàng vân vân. Đoạn thư ấy nói nhiều lời chua xót, không ai nỡ đọc hết. Công-chúa đọc chưa xong, hạt châu đôi hàng giọt dài giọt ngắn rơi lã-chã. Đọc xong, oà lên khóc mà rằng:

— Nói như thế này thì Hoàng-lang đã đi đời rồi còn gì nữa!

Hoàng Hán vội vàng gạt đi mà rằng:

— Không, tiểu-nô cứu lại được.

Công-chúa nói:

— Sao mày lại cứu được?

Hoàng Hán mới thuật-chuyện lại mà rằng:

— Khi Hoàng tướng-công tôi lẻn đi gieo mình, tôi liền mách cho Mai tiểu-thư biết, tiểu-thư vội vàng chạy ra cứu ngay được; Mai tiểu-thư phải hủy mình, xin lỗi với Hoàng tướng-công, ngày hôm sau Hoàng tướng-công tôi yêu-cầu phải đi thu-liệm lấy hài-cốt công-chúa, nên Mai Anh bèn cùng với tướng-công tôi đi đến núi Nha-cốc, tìm được hài-cốt người con gái áo đỏ đem liệm-thấn xong, chọn lấy đất ở núi Cẩm-thạch để mai-táng, rồi xây đắp thành phần-mộ cực cao, làm lễ tế chiêu-hồn, tế xong, tướng-công tôi thừa đêm hôm ấy trốn đi.

Công-chúa nghe đến đó bất-giác lại vui vẻ mà hỏi rằng:

— Sau này ra thế nào nữa?

Hoàng Hán lại thuật-chuyện lại mà rằng:

— Khi Hoàng tướng-công tôi trốn đi rồi, thời Mai tiểu-thư bèn cải-trang đi tìm tướng-công, hễ tìm được tướng-công tôi thì định cùng về Trình-hương để phụng-dưỡng ông bà Hoàng thái-công. Vì tiểu-thư chắc rằng tướng-công tôi vẫn tin là công-chúa đã chết rồi, thì tướng-công tôi tất về thôn Mai-hoa, nên Mai tiểu-thư cũng đem một nghìn vàng và tên tiểu-bộc cùng với Hoàng Thông đi đến thôn Mai-hoa. Không ngờ rằng nhà Trương tiểu-thư ở đó về hồi tháng ba năm trước phải tên Hà Túc-Tượng ở Huệ-châu đem dẫn quân giặc Hỏa-đái đến cướp phá bắt cả nhà Trương tiểu-thư đi mất; khi tướng-công tôi đến thấy tình-cảnh như thế, ai là chẳng tức, bèn cùng với cậu em Trương tiểu-thư là Trương Chí-Long đến cửa quan Đốc-phủ để thưa kiện. Quan Đốc-phủ nào có biết đâu rằng tướng-công tôi đã kết thân với công-chúa, chỉ cứ một mực bảo tướng-công tôi giao-kết với quân man trại Gia-quế để mưu làm phản-nghịch, đem tướng-công tôi tra tấn mãi phải chiêu-xưng, rồi kết thành án phản-nghịch, mà giam vào trong nhà ngục để hậu-trảm.

Công-chúa hốt-nhiên cả giận mà rằng:

— Thằng giặc Súc Nục này, mấy lần nó trêu ta, nay nó lại dám như thế à!

Liền hỏi lại Hoàng Hán mà rằng:

— Ngươi đã thám-thính được đích-thực không?

Hoàng Hán nói:

— Trước kia trại Thiên-mã có sai Trần Long đi thám-thính, khi đến nơi có gặp Hoàng Thông ở ngoài cửa nhà ngục-thất nói tướng-công tôi có nhắn lời ra cầu-cứu Mai tiểu-thư. Mai tiểu-thư bèn đại-khởi binh-mã, nào là phá

Triệu-khánh, vây tỉnh-thành, sau bị thua phải khốn ở núi Bạch-vân ; tiểu-nô bèn khuyên Mai tiểu-thư đi đến cầu-cứu với công-chúa, đem binh đi giải vây để cứu lấy tướng-công tôi ; hiện Mai tiểu-thư chực ở ngoài viên-môn, cúi xin công-chúa phát-binh cứu-viện lấy cho.

Lý công-chúa nghe thấy nói Mai tiểu-thư đến đó, liền dựng đôi lông mày lên không nói gì cả, vào thẳng ngay trong phòng, mặc ngay mũ áo cẩm-bào ngự-tứ, truyền-lịnh cho quân đao-phủ thính-hận. Vụt chốc tiếng vân-bản rung động, nổi hiệu ba tiếng súng, rồi bát-âm chuông trống nổi lên rước công - chúa thăng ngự công-đường; khi ấy trên thềm dưới thềm đều dạ ầm lên một tiếng như trời long đất lở, tả-hữu đã bày hàng ra như kiếm-thụ đao-sơn. Hoàng Hán thấy cái cảnh-tượng cử-động như thế, sợ mướt mồ hôi, bèn đi theo ra để xem sự-thể thế nào. Thời thấy công-chúa lấy một lá cờ lịnh giao cho một viên tướng-hiệu mà bảo rằng :

— Ra bắt cổ con đố-phụ vào đây !

Viên tướng-hiệu ấy dạ ầm lên một tiếng vang như sấm, chạy ra ngoài viên-môn áp-giải Mai tiểu-thư vào. Lý công-chúa trông thấy Mai tiểu-thư tự lấy dây chạc trói vào mình, trên lưng lại giắt một cành gai để chịu tội, bước vào quị ở trước thềm, Công-chúa cả giận thét lên rằng :

— Ta với mày trước kia không có thù-hằn gì, mà ngày nay cũng không có oan-nghiệt gì, sao mày dám bạ độc-kế định lừa ta để giết; làm hại danh-tướng ta, tàn quân lính ta, thì tội mày nên như thế nào ?

Mai tiểu-thư không đáp lại sao. Lý công-chúa thét quân đao-phủ mà rằng:

— Lôi con kia ra ngoài cửa đem vằm chém đi cho tao !

Tả-hữu dạ rầm lên một tiếng, quân đao-phủ đã điệu Mai tiểu-thư ra ngoài cửa viên-môn. Hoàng Hán thất-kinh vội gọi lại mà rằng :

— Hỡi đao-phủ ! xin hãy hoãn lại đừng điệu người ấy ra chém vội.

Nói xong, Hoàng Hán liền chạy đến quị ở trước mặt công-chúa lạy rập đầu mà rằng :

— Bẩm lạy công-chúa, công-chúa không muốn cứu cho Hoàng tướng-công tôi hay sao ?

Công-chúa nói :

— Sao ta lại không cứu !

Hoàng Hán nói :

— Công-chúa nếu muốn cứu cho tướng-công tôi, thời không nên giết Mai tiểu-thư.

Công-chúa nói :

— Ta cứu Hoàng-lang, không phải cần đến con đố-phụ ấy làm chi !

Hoàng Hán nói :

— Không được, nay binh-lực toàn-tỉnh hợp cả lại một nơi ; công-chúa nếu tha tội cho Mai tiểu-thư cùng họp binh lại mà đánh thời mới dễ. Nhược bằng giết Mai tiểu-thư mà không cứu cho binh tướng tiểu-thư ; thời binh-mã trại Thiên-mã tất đến bại-hoại, binh trại Thiên-mã đã tan, thời một mình cô-quân của công-chúa sao hay chống lại quân cả toàn-tỉnh được ?

Công-chúa nói :

— Con Mai-ti này là đảng giặc, ta chém đầu con tặc-tì này là để chuộc tội cho Hoàng-lang, không cần phải đánh chác gì mà cũng có thể cứu được.

Hoàng Hán nói :

— Tôi nghe Súc Nục chỉ vì thua trận Lệ-pha, căm giận công-chúa mà giận lây đến cả tướng - công tôi, nay tướng-công tôi mà bị tù là bởi tại công-chúa, chớ không phải bởi tại Mai tiểu-thư. Công - chúa dẫu chém Mai tiểu-

thư, có thể chuộc được tội cho tướng-công tôi đâu!

Đặng Bưu can rằng:

— Tội Mai tiểu-thư dẫu đáng giết, nhưng nàng đã đội gai chịu tội, giết đi cũng bất-võ, thà rằng tha đi là phải.

Phù Hùng cũng can mà rằng:

— Công-chúa đã qui-mệnh với triều-đình, có phụ gì Súc Nục, thế mà nó cứ hay gợi việc để gây hấn-khích với mình: Trước kia tiểu-tướng phụng-mệnh công-chúa, đến nói với hắn để tá-binh, binh đã không cho mượn mà nó lại đè tiểu-tướng ra đánh cực độc-ác, nào có phải đánh tiểu-tướng đâu, chẳng qua là nó đánh gửi cho công-chúa đó; quân tiểu-nhân này không dụng-oai thời không khuất-phục được nó. Gì bằng nghe lời Hoàng Hán, cứu cho binh-tướng nhà họ Mai, mà đả-sát cho nó một trận, để cho nó biết quân trại Gia-quế ta không phải là vừa đâu.

Chư-tướng nghe nói đồng-thanh mà rằng:

— Lời Phù tướng-quân nói rất phải!

Lý công-chúa nguyên chỉ giận Mai tiểu-thư vô-cố lập-mưu lừa dịnh giết mình, nếu không tiên-nữ báo mộng, Kim-Anh chết thay, thời mình cũng chẳng thoát được nào; bây giờ thấy Mai tiểu-thư đến đây, thì tài nào mà chẳng giận. Nay thấy chư-tướng đều đồng-tâm nói cứu-giải cho nàng, thời cũng phải y theo mà rằng:

— Chư vị tướng-quân đều nói như vậy, thời ta hãy tha cho tính-mệnh con tặc-tỳ này!

Hoàng Hán nghe nói mừng quá, cũng chẳng đợi lệnh công-chúa truyền tha, liền chạy vội chạy vàng ra ngoài viên-môn, cởi trói cho Mai tiểu-thư rồi đưa vào quỳ ở trước án. Mai tiểu-thư khóc mà rằng:

— Thiếp đắc-tội với công-chúa, kể ra chết cũng đáng tội, công-chúa dẫu giết thiếp, thiếp cũng không dám oán điều gì, nhưng chỉ mong công-chúa sớm sớm-phát binh để cứu lấy Hoàng-lang.

Công-chúa nói:

— Cứ như ta thời không xá cho mày được, nhưng ta nể mặt chư-tướng, hãy tha cho mày lần này, từ đây về sau phải đồng-tâm đồng-đức với ta cùng thờ Hoàng-lang, chớ sinh lòng phản-trắc.

Công-chúa nói rồi liền sai thị-tỳ đưa Mai tiểu-thư vào hậu-đường thay áo cho ra tương-kiến. Mai tiểu-thư khấu-đầu đứng dậy theo thị-tỳ đi vào hậu-đường. Phù phu-nhân tiếp-kiến liền sai Xuân Hoa lấy cái áo lụa vàng và cái áo đại-hồng-bào của công-chúa cho Mai tiểu-thư thay mặc. Lý công-chúa truyền-lịnh giải-phóng các tướng-sĩ rồi bước vào. Mai tiểu-thư xin mời Phù phu-nhân lên ngồi để bái-kiến mà rằng:

— Mai Ánh-Tuyến này bồ côi từ thuở bé, nay trông thấy phu-nhân như trông thấy mẹ tôi, vậy xin kính-bái phu-nhân làm mẹ, cúi xin phu-nhân chớ trối từ.

Mai tiểu-thư nói rồi liền khúm-núm sắp lạy bốn lạy. Phù phu-nhân trông thấy Mai tiểu-thư phong-lưu yểu-điệu, sinh lòng yêu mến, lại càng thêm nể thêm vì mười phân, nay lại thấy nàng nhận làm mẹ con, mừng rỡ khôn xiết, nên phu-nhân cũng đứng dựa bên ghế ỷ chịu nhận hai lạy. Mai tiểu-thư lạy rồi, quay mình mời công-chúa đứng lại bên tả, rồi cùng vái chào gọi nhau bằng chị em. Phù phu-nhân liền truyền tả-hữu bày yến tiệc khoản-đãi. Thực là:

Thù xưa rũ sạch một nhà vui,
Áo chiến thay ra mặc áo mùi.
Rượu chuốc đầy cơi xuân bát ngát,
Đàn ca như giải tấm lòng người.

Ngày hôm sau, Mai tiểu-thư đối Lý công-chúa khóc mà rằng:

— Em tôi là Mai Anh đương bị vây ở núi Bạch-vân, lương-thảo đã hết, cúi xin thư-thư sớm phát binh-mã để giải cứu cho.

Lý công-chúa nói :

— Hiền-muội chớ lo, để ta thương-nghị với chư-tướng, rồi sẽ phát-binh ngay lập tức !

Mai tiểu-thư đứng dậy cảm-tạ. Lý công-chúa bèn cho mời Đặng Bưu, Phù Hùng đến để thương-nghị khởi binh. Đặng Bưu nói :

— Nay Tả-tiểu, Tư-hán hai trại từ khi Phù Ly, Phùng Lực-Mộc hai tướng mất đi rồi, quân-sĩ đến nay cũng chưa có ai thống-suốt ; xin công-chúa tuyển lấy người tri-dũng kiêm-toàn thống-lĩnh lấy hai trại quân ấy cho làm tiên-phong.

Công-chúa bèn sai Đặng Bưu truyền lịnh cho mười trại tướng-quân đến ngày mai phải tề-tựu giáo-trường thao-luyện để tuyển lấy tướng tiên-phong đi đánh Súc Nục, để cứu lấy Hoàng tướng-công. Quân-sĩ nghe lịnh ấy đều hoan-hô dũng-rược. Chi kỳ, Lý công-chúa cùng Mai tiểu-thư đều mặc nhung-trang vào bái-từ Phù phu-nhân rồi ra giáo-trường. Chư tướng nghênh-tiếp rước lên tướng-đài. Lý công-chúa ngồi trên, Mai tiểu-thư ngồi bên cạnh ; tấu-nhạc một hồi, rồi nổi hiệu ba hồi trống. Khi ấy trong giáo-trường có đến hơn hai mươi vạn binh-mã, mà không có một người nào dám nghiêng đầu ghé tai thì-thầm động đậy, chạy chỗ nọ ra chỗ kia, coi hình như là yên lặng không có một người nào vậy. Công-chúa bèn truyền-lịnh, nổi hiệu súng khai diễn-trường. Thời thấy : Trận bày bát-phương, cờ chia ngũ-sắc ; hàng giáo khắp đất, bóng xí rợp trời ; phấp phới mây bay cờ bắc-khảm, lập lòe dáng tỏ tượng nam-ly ; ngoan-ngu không phải đá Giang-lăng, hùng-võ thực là quân Gia-quế. Khi diễn-tập thời đứng ngồi có phép, lên lui phải đường ; khôi-giáp tiên minh, sang-đao tề-chỉnh, Mai tiểu-thư trông thấy như thế trong bụng kinh hãi nghĩ thầm rằng : « Lý công-chúa thật là một vị kỳ-nữ-tử ! có thế mới phải là phép dụng-binh, chớ như quân trại Thiên-mã ta, thật là như trò trẻ con vậy. » Mai tiểu-thư đương nghĩ khen thầm như vậy, thì nghe thấy một tiếng súng nổ, thao-diễn vừa xong. Quân-sĩ đều kéo về hàng-ngũ. Phù-Hùng bước lên thưa rằng :

— Xin công-chúa truyền-lịnh cho thi đấu-võ, để tuyển lấy tướng tiên-phong.

Công-chúa liền truyền-lịnh : Một là phải bắn trúng luôn ba phát ; hai là phải cất nổi được nghìn cân ; ba là võ-nghệ phải siêu-quần, ba điều ấy đều được cả mới cho làm tướng tiên-phong. Quân-lịnh ấy mới truyền ra, thời thấy một tướng tế ngựa ra trước tướng-đài, rồi xoay đầu ngựa quay về hướng nam, giương cung lắp tên, liền bắn ra ba phát đều trúng hồng-tâm cả. Lý công-chúa trông ra thì là bộ tướng của Phù Hùng tên là Giả-Kỳ. Khi bắn xong rồi liền nhảy xuống ngựa, sắn áo chạy đến đống đá, cầm lấy một tảng đá lớn ước chừng nghìn cân, cất bổng lên như không, hồi lâu mới buông xuống, chư-tướng đều reo lên khen ngợi. Tướng ấy lại cầm lấy cây bát-xà-mâu, nhảy tót lên mình ngựa, chạy quanh trong giáo-trường diễu múa một hồi, rồi toan chạy đến trước tướng-đài lĩnh lấy cờ tiên-phong. Chợt đâu trong đội quân cờ xanh một tướng nhảy ngựa ra thét lên rằng :

— Giả tướng-quân, hãy để ấn tiên-phong ấy nhường cho ta đã !

Lý công-chúa trông ra thì là bộ-tướng của Phù Ly là Đan Dũng, chạy ra trước giáo-trường vừa tế ngựa vừa bắn luôn ra ba phát trúng cả hồng-tâm ;

rồi liền nhảy xuống ngựa, cầm lấy đôi cây ngân-giản nặng tới 60 cân, vung tròn lên múa, lúc mới múa thời như con ngân-long uyên-diên vẫy vùng trên mặt bể ; rồi sau như con ngọc-mãng lượn sóng, chỉ nghe thấy tiếng kêu vù vù ; múa nhanh đến nỗi không trông thấy mình người đâu cả, chỉ trông thấy vành bóng sáng như vành mặt trăng. Ba quân đều reo lên khen nức nở, cả đến Mai tiểu-thư cũng nức nở khen thầm là người ấy múa cực giỏi. Đan Dũng múa xong cũng liền sắn tay áo chạy đến bên hòn đá xách phăng lên như chơi, chạy vòng quanh trước tam-quân mà hô lên rằng ;

— Dũng-lực như thế này có đáng làm tiên-phong không !

Ba quân đều lắc đầu le lưỡi phục là tài. Cả đến Mai tiểu-thư cũng kinh sợ khiếp người đi. Đan Dũng xách chạy khắp ba vòng, rồi đưa hòn đá tung lên cao hơn một trượng ; lúc rơi xuống đất đánh huych một cái, lóm sâu vào đất hơn một thước. Lý công-chúa cả mừng, truyền lấy ấn tiên-phong đem lại, Đan Dũng giơ tay sắp sửa nhận lấy. Thời chợt thấy một ngựa tế lại, như là một đóa thái-vân bay vào trong giáo-trường, khi tế đến trước tướng-đài thì liền xuống ngựa bước lên đài bái-kiến. Lý công-chúa trông ra thì là con gái Đặng Bưu tên là Nguyệt-Nga mới 16 tuổi thực là : miệng tươi như nụ anh-đào, lưng nhỏ như cành dương-liễu, Lý công-chúa hỏi :

— Chẳng hay em tới đây có việc chi vậy ?

Nguyệt-Nga cười mà rằng :

— Em nghe thấy công-chúa mở trường thi võ-nghệ, nên em cũng ra đây để xin thi.

Công-chúa nói :

— Chị độ này bận việc lắm, nên ít lâu nay không được đua thi với hiền-muội, hôm nay hiền-muội đến đây, lại vừa có Mai tiểu-thư và chư-tướng đông đủ cả, hiền-muội thử diễn-võ chơi thử một hồi xem cũng vui.

Nguyệt-Nga nói :

— Đây là Mai tiểu-thư có phải không?

Công-chúa nói :

— Phải đó.

Nguyệt-Nga và Mai tiểu-thư hai nàng liền thi-lễ chào hỏi nhau. Nguyệt-Nga lại hỏi rằng :

— Chẳng hay công-chúa cho chư-tướng thi những võ-nghệ gì ?

Công-chúa nói :

— Trước nhất cho thi bắn, rồi thứ hai thi xách tạ, thứ ba đến thi múa đao.

Nguyệt-Nga cười mà rằng:

— Thi bắn tên thì làm trò gì, vả công-chúa cũng không phải là khai-khoa thi-sĩ, cần gì phải thi xách tạ, múa đao.

Công-chúa nói :

— Chẳng hay hiền-muội ý-kiến thế nào ?

Nguyệt-Nga nói :

— Như ý ngu-muội, thì hôm nay chỉ cần tuyển lấy tướng tiên-phong, ngày mai phải đi đánh giặc ngay, thế mà thi xách tạ múa đao thì có dùng làm trò gì được. Gì bằng gọi chư-tướng ra đây cùng với tiểu-muội đấu-kiếm, nếu ai địch nổi được tiểu-muội thì được làm tiên-phong mới là thực-tài.

Công-chúa nói :

— Giỏi nghề sang-kiếm có phải vừa đâu, hiền-muội chớ nên nói khoác vội.

Nguyệt-Nga cười mà rằng :

— Cũng gọi là ngứa nghề một chút, nào có dám khoe tài đâu.

Công-chúa cười mà rằng :

— À, hiền-muội đã có gan như thế, thời cho Đan tướng-quân ra đấu-kiếm với hiền-muội xem thử nào.

Nguyệt-Nga nói :

— Chẳng hay công-chúa đã tuyển trúng được mấy vị tướng-quân.

Công-chúa nói :

— Đã tuyển được Đan tướng-quân và Giả tướng-quân hai người.

Nguyệt-Nga nói :

— Xin cho cả hai tướng ra đấu địch với một mình tôi xem thử nào.

Công-chúa nói :

— Đã thế thời hiền-muội phải nên cẩn-thận mới được.

Nguyệt-Nga nói ;

— Có sợ chi mà ngại.

Nguyệt-Nga nói rồi liền chạy đến trước tướng-đài nhảy tót lên yên ngựa, rút ngay đôi thanh kiếm ra, phi ngựa chạy ra giữa giáo-trường. Giả Kỳ thấy vậy thét lên một tiếng, vung cây trượng-bát xà-mâu, nhắm vào giữa bụng Nguyệt-Nga toan đâm cho một mũi. Nguyệt-Nga không hoang-mang gì cả, cứ hai đùi cắp vững lấy yên ngựa, vung đôi kiếm ra gạt ngọn xà-mâu đi. Đan Dũng cũng chạy ra thét lên một tiếng, cầm đôi cây ngân-giản múa lên như con bạch-mãng xuyên-ba, chực sẵn vào đàng sau đâm lại. Nguyệt-Nga liền đưa mũi kiếm lại giao-nghênh. Khi ấy ba ngựa đều quây quần một chỗ, Lý công-chúa thấy một mình Nguyệt-Nga địch hai viên dũng-tướng, mà không hoang mang chút nào, trong bụng cả mừng, liền dắt tay Mai tiểu-thư, sai thị-nữ lấy kim-giao-ỷ đặt ở bên dưới nguyệt-đài cho Mai tiểu-thư ngồi. Hai nàng xem cuộc giao-đấu đương kịch-liệt, chợt thấy Nguyệt-Nga quay ngựa chạy lại bên dưới tướng-đài, hai tướng không tha đều sấn lại đuổi theo. Nguyệt-Nga liền quay đầu ngựa lại, vung đôi thanh kiếm ra sáng quắc như một đạo hồng-quang. Lý công-chúa và Mai tiểu - thư liền đứng dậy xem thì thấy một tướng ngã lăn xuống ngựa. Nguyệt-Nga đứng trên mình ngựa nhảy tót lên trên tướng-đài cao hơn chín thước, đứng ngay trước mặt công-chúa. Mai tiểu-thư thấy vậy ngả nghiêng vỗ tay cả cười. Nguyên là Nguyệt-Nga vốn mộ tài Tiền phu-nhân, có may thành một bộ lưới gấm, đã tập-luyện được thành-thục vẫn buộc ở bên mình ; khi ấy Nguyệt-Nga thấy đánh không nổi hai tướng, bèn giả cách chạy ; hai tướng đuổi theo, nàng liền quay ngựa lại, vung lưới gấm ra chụp vào đầu. Giả Kỳ không kịp đề-phòng, bị lưới gấm chụp phải, lúng túng như ếch vào siếc ngã lăn xuống ngựa. Ba quân đều reo cười ầm cả lên như sấm. Lý công-chúa sợ Giả Kỳ hổ thẹn, liền gọi hai tướng lại trước đài, thăng cho Giả Kỳ làm Tư-hán-quan Tiểu-tổng ; Đan Dũng làm Tả-tiểu-tổng ; cho Đặng Bưu làm tiên-phong, Nguyệt-Nga làm phó tiên-phong, đem năm vạn binh đi trước. Lại cho Bàn Ma-La, Mã Tán làm tả hữu hộ-vệ ; Đan Dũng, Giả-Kỳ làm hợp-hậu ; công-chúa tự thống-suất đại - binh mười lăm vạn, lập-tức ngày hôm ấy phát hiệu súng khởi-hành. Còn các tướng-sĩ khác đều giao cho Phù Hùng ở lại thủ trại.

Thực là :

Tì-hưu đội chỉnh theo hàng kiếm,
Hổ-báo hồn kinh nép bóng cờ.

(*Còn nữa*)

ĐÔNG-CHÂU dịch

Tất cả những gian nhà chứa hàng-hoá ở Hội-Chợ năm nay đã có người thuê hết cả rồi.

Như vậy thì cái kết-quả cuộc Hội-Chợ năm nay thật quá lòng kỳ-vọng của quốc-dân.

Ngày mở Hội-Chợ năm nay lại hoãn đến mồng mười tháng chạp tây.

Các gian nhà chứa hàng-hoá làm thêm sắp dựng xong.

VĂN-UYỂN

Cuội đời

Nực cười cuộc thế giống cờ vây,
Xếp đặt rồi ra mới biết tay.
Ván trước xóa rồi chi ngại thấp,
Nước sau trù lại mới thành hay.
Xông pha êm bước ngàn trùng bể,
Che chở nhờ ơn chín lớp mây.
Lời hẹn non sông còn mãi đó,
Hiếu trung hai chữ dám sai chầy.

Tri-phủ Hoài-nhơn

TRẦN ĐÌNH-KHUYẾN

. . .

Chơi thuyền đêm

Đêm hè khắc-khoải cuốc kêu giong,
Một lá thuyền lan thả giữa dòng.
Hai mạn cỏ xanh cơn gió thổi,
Một làn nước biếc bóng trăng trong.
Khoan khoan chèo quế tay dìu-dặt,
Lớp lớp mây in sóng chập-chồng.
Xích-bích câu thơ đương mến khách,
Vừng ô đâu đã đứng đàng đông.

Núi Dục-thúy

Khen thay tạo-hóa khéo phô bày,
Non nước nghìn xưa vẫn mãi đây.
Gió thổi đầu non chim liệng sóng,
Bóng in đáy nước cá rờn cây.
Chiều hôm gác cổ diền tung gió,
Ban sớm bia thần hạc ủ mây.
Nhân trí cụ Trương còn dấu cũ,
Nhớ người ngẫm cảnh dạ như ngây !

Gia-viễn Tiểu-sinh NGUYỄN X-ĐÀI

. . .

Gửi cho một người học-sinh đi tòng-chinh

Nho-phục từ nay đổi chiến-bào,
Bút nghiên để đó xắp cung đao.
Nghĩ tình thân-tín ai là chẳng,
Mà nghĩa quân-vương có lẽ nào ?
Trời đất hãy đành ra bổ-cứu,
Nước non rồi tính chữ cù-lao.
Ví dù quốc-nạn may đền được,
Trung hiếu thêm càng nức tiếng cao !

Gửi cho một người bạn (1) đi tu

Bóng gác non tây ác dã tà,
Ai về nhắn gửi khách liên-hoa :
Chán đời nên phải thương đời nhỉ,
Ghét tục mà toan thoát tục a ?
Sinh-hóa ví cho lời có thật,
Hiếu-trung còn đó nét chưa lòa.
Ai về nhắn bảo ai ai nhé,
Thôi lại lai-sinh hãy phật-giả.

Cây thông non

Một cụm thông non đứng giữa trời,
Bốn bề trống-trải tuyết sương phơi.
Vừa xong trận táp toan tơi-tả,
Lại gặp cơn mưa xuýt rụng-rời.
Lũ-trẻ bất-nhân cầm đá ném,
Ông già vô-ý đập cành chơi.
Cũng may khí-chất thường kiên-kính,
Không có còn chi một kiếp đời !

Viếng bạn (họ Ngô)

I

Phảng phất hồn tiên chén rượu nồng,
Vội vàng chi mấy hỡi Ngô-công ?
Chết đi đành đã yên thân phận,
Sống lại càng thêm tủi tấm lòng !

(1) Người bạn thiếu-niên thông-minh, chỉ vì ghét nhân-tình thế-thái, chán danh-lợi phù-hoa, mà đem thân đội mũ ni, mặc áo cà-sa, chứ thực thân-thế không có điều gì đáng giận đáng chán cả.

Cũng muốn tử sinh chung một hội,
Song mà trung hiếu nợ chưa xong.
Suối vàng bác có thiêng chăng tá,
Nông nỗi trên đời có biết không.

II

Vừa mới nghe tin vội giật mình,
Thôi thôi thời cũng kiếp phù-sinh !
Trăm năm thân-thế còn ngày trắng,
Bảy thước tang-bồng nấm cỏ xanh.
Sống lại như ai mà sống nhục,
Chết đi như bác chết mà vinh.
Suối vàng bác có dư hàng lệ,
Khóc hộ trần-gian nỗi thế-tình.

Trăng soi

Trước thềm soi thấp-thoáng,
Phong cảng khéo là yêu.
Sáng choang vầng bạch-ngọc,
Đỏ trói đóa hồng-tiêu.
Mây bay trăng vẫn đứng,
Người đi bóng lần theo.
Bốn bề im lặng cả,
Lách-tách hạt sương gieo.

Thả thuyền

Ngọn gió hiu-hiu nước chảy tràn,
Nước trôi gió thổi cánh thuyền nan.
Thuyền nan man-mác trên làn sóng,
Sóng vỗ bên thuyền bọt sủi tan.

Chơi trăng

Da trời xanh ngắt nước sông trong,
Nước thẳm trời cao bóng nguyệt lồng.
Nguyệt xế nước trôi trời lạnh lẽo,
Ta ngồi ta ngắm đứng ta trông.

Đêm đông

Gió gió mưa mưa khéo lạnh lùng,
Lạnh lùng thứ nhất cái đêm đông.
Đêm đông chăn chiếu còn kêu lạnh,
Ai khách đơn-hàn lạnh lẽo không ?

Buồn (Ý khái)

Người buồn trông cảnh lại buồn teo !
Cảnh vẫn từ xưa có khác nào.
Nào biết tại người hay tại cảnh,
Cảnh tùy tâm-tạo nghĩa làm sao ?

Hỏi thăm đường

Trời tối nhà xa thêm lạc lối,
Mưa phùn gió bấc lúc đêm đông.
Khoan khoan ai đó dừng chân hỏi,
Trung hiếu đường này có phải không?

Nam-định học-sinh
NGUYỄN MẠNH-XỨNG

.˙.

Tự nói mình

(Thủ-vĩ ngâm)

Cái bước công-danh thật mới xa,
Ta ngồi nghĩ lại ngán cho ta.
Ngày đêm mong những đền ơn nước,
Sớm tối lo sao trả nợ nhà.
Mấy tiếng tây xoàng nào ấp-úng,
Răm câu thơ hủ cứ ngâm-nga.
Những mong những dợi mà chi nữa,
Cái bước công-danh thật mới xa.

Chơi thuyền Hạ-long

Con thuyền đủng đỉnh bé tèo teo,
Non nước qua chơi cứ việc chèo.
Ngọn sóng lô nhô cơn gió thổi,
Chân trời xa tít hạt sương gieo.
Trên cây lấp-lánh vầng trăng gác,
Đỉnh núi lờ-mờ mảnh nguyệt treo.
Càng đẩy thuyền đi càng thấy thú,
Hạ-long cảnh ấy thật đìu-hiu.

Nhớ bạn tri-âm

(Ca lục bát)

Nhớ ai trong dạ bồi hồi,
Đêm ngày những đứng cùng ngồi chẳng [khuây.
Nhớ ai ra ngẩn vào ngây,
Can-tràng đầy đoạn bấy chầy càng đau!
Mối sầu ai biết cho đâu,
Một mình trằn-trọc đêm thâu canh dài.
Dun kêu để giục bên ngoài,
Tâm-tình lai-láng cảm-hoài xiết bao !
Trên trời vằng vặc trăng sao,
Cảnh còn trơ đó người nào thấy đâu !

Càng nghĩ lòng càng thêm đau,
Xâm Thương cách trở bấy lâu ngày trời.
Trách ai sao chẳng như lời,
Mà cho ai đó ra người tình không.
Chân trời góc biển mênh-mông,
Biết ai giải nỗi tình-chung cho cùng?
Chiều chiều tựa cửa ngóng trông,
Núi non cao ngất, ruộng đồng mù xa.
Đêm đêm lặng ngắt bóng nga,
Làn mây tan tác biết là về đâu ?
Trời xanh man-mác một mầu,
Trăng thanh ròm-rỡi thêm sầu thêm [thương !
Ngán thay cái kiếp đoạn-trường !

Thu-cảm

Đêm thu vắng vặc trăng sao,
Gió thu hiu hắt lọt vào buồng không.
Trăng thu ròm rỡi trong phòng,
Tiết thu lạnh lẽo thêm lòng sầu-âu.
Trời thu xanh ngắt một mầu,
Mây thu man-mác biết đâu là bờ.
Cảnh thu cây cối phất phơ,
Cầm thu đọc một bài thơ đỡ phiền.

LÊ ANH-DIỄM

CHUYỆN LẠ NGOẠI-QUỐC

Câu chuyện đi chơi nước Ai-cập (Egypte)

Nước Ai-cập là một nước văn-minh cổ nhất trong thế-giới, có nhiều câu chuyện đời xưa vui lắm, nhưng muốn nghe hết những câu chuyện vui ấy, phải đi đến chơi chỗ nước ấy mới được.

Tôi bấy lâu nhơn dịp đi chơi, muốn tìm một cái cơ-hội tốt, mạn-du đến Ai-cập, để thoả tấm lòng hoài-cổ của chúng ta lúc bình-sinh đọc sách, chưa đi được, mà may lại gặp một người bạn Tàu mới đi chơi Ai-cập về, thuật lại những câu chuyện trong khi đi chơi mà xem thấy nghe thấy đấy, tôi lấy làm thích lắm, nên mượn ngòi bút thuật lại để độc-giả chư-quân nghe.

Người bạn tôi thuật rằng:

— « Đương khi tôi mới đến miền đất « Ai-cập, từ chỗ bờ sông Tô-di-sĩ (Suez) « lên bờ, rồi lần đi vào nơi thành Khai- « la (Caire) đường đi xa ước một trăm « ky-lô-mét, có xe hoả đi qua lại được, « mới vào trong toa xe hoả, thì tôi lấy « làm lạ lùng lắm, vì sao ? khi tôi mới « lên đường tây-du, thì tôi nghĩ rằng, « chúng ta đi đến chỗ bờ sông Tô-di- « sĩ mà lên bờ, bước một bước vào « nội - địa nước Ai - cập, quyết trông « thấy được những phong-tục tập-quán « lạ-lùng và cách sinh-hoạt kỳ-quái, « khác hẳn với các nước Á-đông ta, « mà từ bé đến bây giờ chúng ta chưa « từng trông thấy được, hay đâu chúng « ta bước đến mặt đất nước Ai-cập. « thì những sự thực cùng với lý-tưởng « của chúng ta khác hẳn nhau, thế có « lạ không !

Thứ nhất là khi mới vào trong toa « xe-hoả, thấy xe-hoả trang-trí một « cách hoàn-toàn, tỉ với xe-hoả các « nước Âu Mĩ có kém gì đâu, thực lý- « tưởng của chúng ta chưa từng nghĩ « đến nước Ai-cập mà được như thế, « những người khách đi xe, lại đều ăn « bận đẹp-đẽ, ra cách sang-trọng nhất, « khi đến thành Khai-la mà xuống xe, « thì lại thấy nhà ga to-tát lạ lùng, « hết thảy các nước Á-đông chưa có « nhà ga chỗ nào được như thế, đi vào

« trong thành, thì thấy xe ô-tô, xe-
« điện, các thức xe ồn-ào qua-lại trông
« ra một cách phồn-hoa chả khác gì
« đô-thị lớn các nước, vào ở nhà
« hàng-cơm thì thấy có người Đức
« làm người bồi đứng hầu chỗ cửa,
« còn những người hầu hạ đều bận áo
« lễ-phục, trong nhà ăn thấy có độ
« 200 người khách, đương ăn cơm,
« đàn ông đàn bà đều ăn bận sang-
« trọng như ngày có lễ-tiết gì lớn.

« Khi ấy cái lòng cảm-khái của tôi,
« mới lần lần tiêu-tán đi cả, bởi vì
« thấy người Ai-cập phú-quí phong-
« lưu như thế thời lòng cảm-khái của
« mình vụt chốc biến đi đâu mất.

« Ôi ! thế mà gọi nước Ai-cập là nước
« đã mất rồi hay sao ? chỗ đất này có
« phải là một chỗ đất trong bộ-phận
« châu Phi (Afrique) không? Chỗ đất
« này có phải là chỗ đất có những
« Kim-tự-tháp (Pyramide) và những
« thây người đời xưa không ? trong
« lòng tôi bỡ-ngỡ không khác gì cảnh-
« tượng trong một giấc chiêm-bao, tôi
« nhơn hỏi ra những người tử-tế ở
« trong hàng cơm ấy là những người
« bậc gì, nghe người ta nói rằng đều
« là người qui-tộc cùng người phú-
« hào các nước Âu-châu cùng Phi-
« châu, những người ấy hằng năm
« từ tháng 12 đến tháng 4 sang năm
« đều đến chơi ở đấy, mà nay chính
« là cái thời-kỳ ấy.

« Kịp khi tôi đi ra ngoài thành
« Khai-la, xem chơi các phương-diện
« nhà quê, thì mới thấy cái cảnh-tượng
« khác nhau xa lắm, ăn ở một cách
« quê-mùa, đường-sá một cách bẩn-
« thỉu, thôi không thể nào mà vẽ ra
« cho hết được, các nhà làm nghề dệt
« hàng, thấy dùng những máy dệt đâu
« từ mấy nghìn năm trước để lại, các
« nhà buôn bán sắp-đặt một cách lôi-
« thôi, những bé con thì đều ở trần
« lững-thững đi chơi bên đường, người
« đi qua lại trên đường, trông ra mặt
« mũi tầm-thường hình như chưa có
« tiêm-nhiễm chút giáo-dục gì cả, mà
« nửa phần người là người không có
« giày dép gì, còn bọn đàn bà thì đều
« che một cái khăn mặt đài, từ đầu
« thả xuống trước mũi, xem lòng-
« thòng như cái dẫy dài, tục gọi là
« cái Burko.

« Đến khi ấy tôi mới có cái lòng
« tỉnh-ngộ rằng ấy chính là cái phong-
« tục xã-hội của nước Ai-cập hai ba
« nghìn năm trước mà đến bây giờ hãy
« còn, chính là đúng cái ý-tưởng của
« chúng ta nghĩ lúc ta mới lên đường
« mà nay xem quả-nhiên vậy.

« Ôi ! xem thế thực cũng lạ thay !
« trong một miền đất, thế mà đấy là
« thành Khai-la, trông ra đều là văn-
« minh mới của các nước Thái-tây bây
« giờ, đấy là nhà quê, trông lại đều là
« văn-minh cũ của người Ai-cập đời
« thái-cổ để lại, thấy những quang-
« cảnh ấy đủ khiến người du-khách bồi-
« hồi ngẫm-nghĩ mà không nhẫn đi
« được.

« Thế mới thực biết người Ai-cập hay
« giữ được cái văn-minh của đời xưa
« truyền lại, mà cũng thương cho người
« Ai-cập sao mà lơ-thơ lững-thững
« không bỏ được cái cách sinh-hoạt
« dã-man đời xưa, sao mà không có
« một chút năng-lực gì, lấy cái văn-
« minh đời nay, trang-điểm cho non-
« sông tiên-tổ, chúng ta trông thấy như
« thế, tấm lòng cảm-tưởng ngậm-ngùi
« sao khuây!

« Thôi, chúng ta chả kể chỗ cảm-hoài
« của chúng ta trong lúc lữ-hành đấy
« làm gì cho nhiều, khiến cho ông
« cũng sinh lòng buồn-bã, nay xin
« thuật những chỗ tôi đi xem chơi
« như sau này :

« Thành Khai-la là một chỗ đô-thị có
« tiếng trong châu Phi, ở phía đông
« bờ sông Nil, số dân ước được năm

« sáu mươi vạn, có người nói cái thành « này làm từ thế-kỷ thứ chín, nhưng « xét lại thực làm ra đã hơn 3200 năm, « những người đi đến xem đấy thấy « bao nhiêu cổ-tích đều là từ đời thái- « cổ làm ra cả, thứ nhất là có nhiều « Kim-tự-tháp, hết thảy trong nước « Ai-cập có 73 cái, tựu-trung lớn thứ « nhất là cái Kim-tự-tháp gần thành « Khai-la, ở trên gò cao bãi sai-mạc « Lébge, phía nam sông Nil, cái tháp ấy « gọi là tháp Cheops hễ ai nói đến « Kim-tự-tháp, tất là chỉ cái tháp ấy, « vì cái tháp ấy là một cái tháp đại- « biểu được cho những tháp khác.

« Từ thành Khai-la đi đến cái tháp « ấy sẵn có đường xe điện, đi độ trong « một giờ đồng hồ thì đã đến nơi, cứ « theo lời văn-học-gia xét ra, thì cái « tháp này làm ở trước đời Gia-tô « giáng-sinh 4.235 năm, tức cách với « bây giờ hơn 6.140 năm, từ đường « thành-phố Khai-la cũng trông thấy cái « tháp ấy, khi đến gần dần dần thì « càng trông càng lớn.

« Lời tục-dao nước Ai-cập gọi Kim- « tự-tháp là thủy-tổ thế-giới, thực « quả vậy, chúng ta đứng trước mặt « thủy-tổ thế-giới, sinh một cái cảm- « tưởng vô-hạn, nghĩ từ xưa đến nay « những người đi đến trông ông thủy- « tổ này đã không biết bao nhiêu « người, đến bây giờ chúng ta cũng « tìm nơi mà đến, ông thủy-tổ này đã « trải qua hơn sáu nghìn năm, trong « sáu nhìn năm ấy, các nước như nước « La-mã nước Hi-lạp bao nhiêu những « việc thịnh-suy hưng-vong, các bậc đế- « vương, công-hầu, bao nhiêu những sự « cùng đạt đắc-táng, mà đều không còn « cái gì đủ để làm cái kỷ-niệm cho thế- « giới được cả, chỉ có ông thủy-tổ này « đứng sừng-sững giữa đồng rộng từ « xưa đến nay chưa từng có biến đổi « gì, nghĩ ra thực đáng quí hóa thay.

« Nguyên do cái tháp này, làm ra để « làm gì, chính là một cái vấn-đề « khuyết-nghi và có giá-trị trong thế- « giới, nhưng mà cứ theo ý-kiến các học- « giả, thì đều rằng chỗ để táng những « bậc đế-vương trong nước ấy, cái tháp « này gọi là tháp cheops, tức là chỗ mả « chôn ông Cheops-vương, không sai.

« Cái tháp này lót những hòn đá « vuông lớn từ ba thước đến sáu thước, « không biết mấy nghìn mấy vạn tấm, « cái hình-thức tháp này khi mới trông « giống như ba góc, nhưng xem cho « tường thì thực là bốn góc, bề cao 450 « thước bề ngang 746 thước, dưới chân « 82.000 thước, từ chân tháp đến chót « tháp thành như một cái dốc đá, thuê « đôi người đem lên xem thì mới đi « đến trên chót được, những người « khách đến chơi ở đấy, thường tuê 3 « người đem lên, hai người dắt 2 tay, « một người từ sau đỡ lên, lần lần lên « đến chót, ước phí ba bốn mươi phút « đồng hồ thì tới nơi, đứng ở trên chót « tháp ấy mà xem bốn phía, thực « thanh-khoáng lắm, phía tây thấy bãi « cát Libie, mù-mù tăm-tăm như một « cái bể lớn thênh-thang, không có bờ « bến gì cả, phía đông thấy sông Nil « dòng nước chảy quanh-quít, hình « như con rắn chạy quanh, hai bên bờ « sông thì thấy rừng cây cùng vườn hoa « cây-cối xanh tươi, có những bộ-lạc « thổ nhân ở, phía nam thì trông thấy « cái tháp Sakkara, phía bắc thì mờ mờ « trông thấy thành phố Khai-la.

« Đứng trên đầu cái tháp này, con « mắt mình trông thấy những cái cảnh- « tượng tự-nhiên ấy, trong óc mình lại « nhớ ra những bao nhiêu lịch-sử của « thế-giới, tự-nhiên sinh ra cái cảm- « tưởng sâu-xa, không thể nào quên « bỏ đi được.

« Trên chót tháp này có một chỗ « đá-bằng, những người đã lên đến đây « đều lấy cái thứ chữ của nước mình, « ghi những tính-danh, để làm kỷ-niệm,

« tôi cũng ghi cái tên của tôi vào trong « chỗ ấy, tôi trộm mừng rằng cái tính- « danh của tôi may chăng nhờ cái tấm « đá này mà để còn lại luôn luôn.

« Khi từ trên chót tháp này đi « xuống độ một trăm hai mươi thước, « thì thấy có một cái hang. Hang « ấy, tức là cái cửa đi vào trong tháp « này, bề dài độ 3 thước năm, bề « ngang độ 4 thước, đã vào rồi thì « xem thấy chỗ góc có một cái đường « đi xuống, trong cái đường hang ấy, « đã sáu nghìn mấy trăm năm, bóng « thái-dương chưa từng có một độ soi « qua, một cách tối tăm như vào trong « một cái bình mực, chỉ chỗ hang đi « vào, có lót một tấm đá bằng, đốt hết « ba cây nến bạch-lạp mới vào đến « trong được, tôi đi có ba người « dìu dắt, nên tuy vào chỗ tối tăm « vắng vẻ, mà chả hề có động lòng sợ « hãi, thực là một việc của chúng ta « mấy kiếp trước chưa từng trải qua, « mà mấy kiếp sau sẽ không có được « đi đến nữa, mà nay là chính bữa vào « đứng ở đấy, vừa hỏi mấy người cu- « li đã gần đến chưa, thì nghe nói « rằng gần đến, rồi thì liền thấy có một « cái phòng ở phía trước, chỗ ấy chính « là chỗ táng vua nước Ai-cập tên là « Cheops, lại có một cái đường tắt, đi « cùng cái đường ấy thì lại có một cái « phòng nữa, chỗ ấy gọi là chỗ bà Nữ- « vương, tất là chỗ chôn bà Hoàng- « hậu không sai, chúng ta đứng chỗ « ấy mà nghĩ rằng chỗ nầy phía trên « không biết bao nhiêu vạn hòn đá lớn « đè ở trên đầu ta, xung quanh thì là « một cái hang tối, không biết mấy « nghìn năm nay ảnh thái-dương chưa « có khi nào soi đến, lại có xác người « chết chôn ở một bên, nghĩ lại nào « khác gì mình đương sống mà đã bị « chôn rồi, nhưng mà không phải thực « đã chôn rồi, vì trong mình còn sợ « hãi mà muốn đi ra cho khỏi chỗ « hang tối này.

« Khi tôi ra về rồi còn trọ lại thành « Khai-la, lại thường đi đến xem cái « tháp này, khi thì xem bề ngang, khi « thì xem bề dọc, khi thì xem phía « trước, khi thì xem phía sau, càng « xem càng nghi-ngờ, càng trông càng « kinh-lạ. Thực lạ thay, xung quanh « cái tháp này đều là đất sa-mạc, tự- « nhiên mà có đá, như thế thực là « không lẽ, tất tự nơi nào chở đến « mới phải.

« Nhưng trong nước Ai-cập không « chỗ nào có đá, tất lấy đá từ nơi xa « không sai, nhưng nghĩ đương-thời- « đại chưa có máy móc chưa có thuyền « bè, lấy cái phương-pháp gì mà chở « đến, chính là mội cái vấn-đề không « thế nào giải-quyết được.

« Cứ theo cái lời ông Petrarch thí- « nghiệm, thì mỗi một hòn đá bình- « quân có 40 thước vuông, hết thảy cái « tháp này ước được 230.0000 hòn, lại « bề cao 450 thước thì thế nào mà đắp « lên được, nghĩ ra mới biết cái sự « thần-bí thực thần-bí lắm.

« Cứ theo lời chép của ông Hero- « dote rằng làm cái tháp này phải dùng « 100.000 người, làm 20 năm mới nên, « thế thì biết cái mệnh-lệnh của ông « cheops-vương đương lúc ấy oai- « nghiêm ra thế nào, mệnh-lệnh ấy tức « là pháp-luật của nước Ai-cập không « sai.

« Lại hoặc có lời chép rằng đương « khi làm cái tháp ấy, ông Cheops cấm « không cho những người cu-li làm lễ « kỳ-đảo cùng đi lễ-bái, mà ông Cheo- « ps-vương làm vua ở trước kỷ-nguyên « 4.235 năm ở ngôi vua được 30 năm, « trong lúc làm cái tháp ấy phải làm « ba lần, lần đầu lấy đất nạc, lần thứ « hai lấy đất sét, lần thứ ba mới đắp « đá, toàn là nhờ cái quyền-phép của « ông Cheops vương mới làm nên được « như thế. »

Hết thảy các điều thuật trên này,

đều là người bạn tôi trải qua trông thấy qua cả, xem đấy đủ biết lịch-sử văn-minh xưa của nước Ai-cập sâu-xa biết chừng nào, cùng cái cổ-tích của nước Ai-cập đủ làm một chỗ kỷ-niệm mà có giá-trị trong thế-giới biết chừng nào, và cũng hiểu được cái hiện-trạng nước ấy bây giờ có lẽ phát-đạt hay là suy-thoái ra thế nào, đủ cảm-động cho các nhà học-giả cùng các nhà hoài-cổ nhiều lắm, chúng ta xem bài này mà cái cảm-tưởng muốn đi xem chơi nước Ai-cập, lại thêm được một món có thú-vị nữa, sao cũng nên xem qua một lần, để ghi tên trên chót Kim-tự-tháp mới sướng thay !

TÂN-ĐÌNH

Dự bàn lập một « Văn-học-ban » trong Hội « Khai-trí tiến-đức »

Gần đây trong dư-luận đã từng nhiều phen cổ-động về sự nên tưởng-lệ cho việc văn-học trong nước. Lại có nhiều người xướng-suất nên lập một viện Hàn - lâm ở Bắc-kỳ. Trong bản-chí mấy kỳ trước cũng có đăng mấy bài đại-luận bằng chữ Pháp của ông Giáo NGUYỄN VĂN-NHO bàn tường về những sự lợi-ích nên lập tòa Hàn-lâm thế nào.

Hội « Khai-trí-tiến-đức » muốn thực-hành cái chủ-nghĩa mở-mang đường trí-thức, tăng-tiến sự đạo-đức trong quốc dân, cũng từng chú-ý đến cái vấn-đề tưởng-lệ văn-học đó. Vì văn-học có quan-hệ cho đạo-đức trí-thức một cách rất mật-thiết, điều đó ai cũng đã rõ, không cần phải giải. Văn-học lại là cái thước đo cho sự tiến-hóa một dân một nước: văn-học trong nước mà sáng - sủa thuần - túy, có nhiều nhà lập-ngôn quang-minh chánh-đại, thế là cái triệu-chứng rằng nước có tiến-bộ; văn-học trong nước mà bác-tạp tối-tăm, chỉ những tay viết văn mô-hồ hỗn-độn, thế là cái triệu-chứng rằng nước có suy-đồi. Văn-học lại thiết-hệ cho sự giáo-dục nữa : trong việc đào-tạo nhân-tài trong một nước, văn-chương có cái sức hun-đúc không gì bằng, nhưng đúc cho nên người hay người khá, được việc cho nước cho nhà cũng có, mà hun cho đến hắc-ám tinh-thần, di-hại nhân - quần xã-hội cũng có, đều là do cái phẩm-giá văn-chương cao hay thấp vậy.

Bởi các lẽ đó nên trong chương-trình Hội Khai-trí-tiến-đức vẫn có dự-định một khoản khuyến-khích sự văn-học, tưởng-lệ việc trước-thuật trong nước. Hướng-lai chưa thi-hành được là vì Hội đương buổi sơ-khai, còn nhiều công-việc khác cần-cấp hơn. Nay cơ-sở đã vững-vàng, mới lục-tục thi-hành các khoản. Nào lập ra « ban từ-thiện » để chủ-trương các việc cứu-tế trong xã-hội (như hiện nay đương cổ-động việc « Ấu-trĩ-viện »); nào lập ra « ban văn-học » để khuyến-tưởng các nhà trước-thư lập-ngôn ; nào lập ra « ban mĩ-thuật » để cổ-lệ những người có tài riêng về các mĩ-nghệ, v.v.

Đây hẵng nói riêng về ban văn-học.

Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí họp ngày 20 tháng 9 mới rồi bàn xét về các phương-cách nên dùng để khuyến-khích việc văn-học trong nước có nghĩ rằng hiện bây giờ mà xướng-lập ra một viện Hàn-lâm theo như thể-thức các hội Văn-học-bác-sĩ bên Thái-Tây thời khí sớm quá, vì rằng đương lúc giao-thời, đường văn lối học còn phân-vân,

những người gồm đủ tư-cách cầm cán nầy mực cho sự văn-học trong nước còn hiếm quá; nếu vội đặt ra Hội Hàn-lâm thời e rằng hai chữ Hàn-lâm sẽ phải lạm-dụng mà thành ra mất giá-trị vậy. Vậy tạm-thời hẵng nên đặt trong Hội Khai-trí một hội-đồng riêng, vì cũng như Hội-đồng coi về việc Au-trí-viên, mà đặt tên là « ban văn-học ». Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí có dự-thảo một bản chương-trình cho ban văn-học ấy, xin đăng trước lên báo-trương như sau này, để cầu ý-kiến của các nhà văn-học trong nước, xin chỉ-bảo cho cách nên sửa-sang xếp-đặt thế nào cho hợp với cái mục-đích khuyến-tưởng sự văn-học ở nước ta.

Sau đây là bản dự-thảo chương-trình «Văn-học-ban» trong Hội «Khai-trí-tiến-đức ».

. . .

Điều thứ nhất

Hội Khai-trí-tiến-đức lập ra trong hàng Hội một ban Văn-học (*cercle académique*), mục-đích là để khuyến-khích sự học-vấn tư-tưởng trong nước Nam. Muốn đạt tới mục-đích ấy thời sẽ thi-hành mấy khoản như sau này :

1) Khuyến-tưởng những người dịch sách hay ra quốc-ngữ, bất-câu là dịch ở sách Tây hay sách Nho ;

2) Mở những cuộc thi làm văn làm sách trong các nhà trước-thuật người Việt-Nam viết bằng quốc-văn, bằng pháp-văn hay là bằng hán-văn, và ban thưởng cho những người trúng-cách ;

3) Mỗi năm sát-hạch những sách đã xuất-bản trong năm, chọn lấy những quyển hay nhất để ban cho phần thưởng của Hội Khai-trí đã đặt ra ;

4) Trù-tính về việc soạn ba bộ tự-điển : một bộ Pháp-Việt, một bộ Hán-Việt và một bộ Quốc-âm-tự-điển ;

5) Đặt những phiên bình-văn, đọc sách cùng nghị-luận về văn-chương.

Điều thứ nhì

Văn-học-ban có hai hạng hội-viên : một hạng « thường-bị-hội-viên » (*membres permanents*) và một hạng « thông-tín hội-viên » (*membes correspondants*).

Số thường-bị-hội-viên định lệ 30 người, cách tuyển-cử như sau này :

a) Năm thứ nhất, hội-đồng quản-trị hẵng cử lấy một số 12 người trong các người có chân Hội Khai-trí để tạm lập văn-học-ban trong năm 1923 ;

b) Rồi mỗi năm về sau, trong số những người có sách có văn được Hội thưởng, bất-cứ người trong Hội Khai-trí hay người ngoài, ai muốn xin vào Văn-học-ban thời sẽ do cả đồng-ban bỏ mật-phiếu bầu, nếu được quá nửa phiếu bầu thời được tuyển vào Văn-học-ban. Nếu là người ngoài Hội Khai-trí thời khi được bầu rồi phải xin vào Hội ;

c) Thông-tín-hội-viên thời không định số ; muốn vào Hội phải đã có làm văn làm sách ít nhiều hoặc đã giúp được việc gì cho sự học trong nước, và phải do hai người thường-bị-hội-viên giới-thiệu.

Điều thứ ba

Ban Văn-học kỳ hội-đồng thứ nhất phải dầu-phiếu cử một tòa trị-sự có một Chánh-ban-trưởng, một Phó-ban-trưởng và một thư-ký. Kỳ-hạn bầu thư-ký là ba năm. Còn chánh phó ban-trưởng thời mỗi 6 tháng bầu lại một lần (1).

Điều thứ tư

Ban Văn-học sẽ đặt lấy điều-lệ để định các công việc trong ban và cách thi-hành các khoản đã liệt trong điều thứ 1. Điều-lệ ấy phải do Hội-đồng quản-

(1) Điều này là có ý bắt-chước các hội văn-học bên Tây, muốn cho trong ban văn-học bi nấy đều bằng-đẳng nhau cả, và không ai giữ chức lâu có thể chuyên-quyền được. nay có chức thư-ký thì không thể thay đổi luôn được.

trị Hội Khai-trí duyệt-y mới thi-hành được.

Điều thứ năm

Thuộc về các khoản kinh-phí trong ban (như tiền ban thưởng cho các nhà làm văn làm sách. v. v.), toà trị-sự ban Văn-học phải cùng với cả đồng-ban mỗi năm làm một sổ dự-toán cho năm sau, đệ-trình cho hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí duyệt-y trong tháng 12 tây để cho có thể thi-hành ngay đầu năm sau.

Các công việc chi thu trong ban Văn-học đều do Chánh-thủ-quĩ hội Khai-trí đốc-nhiệm.

Các khoản chi-tiêu thời ban-trưởng phải ký giấy chuẩn-chi, thư-ký phụ ký.

Các khoản thâu-nhập về việc ban Văn-học phải do Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí đứng thâu-nhận.

. . .

Đó là dự-thảo đại-cương về chương-trình ban Văn-học. Còn những điều tế-toái, khi nào ban đã lập thành sẽ họp đồng-ban định điều-lệ tường-tất về sau.

Nay hãng tạm in bản dự-thảo này lên báo để hỏi ý các bạn văn-học trong nước, ngài nào có ý-kiến gì hay xin cho biết. Bản chương-trình này không phải là nhất-định, ngài nào muốn thêm bớt sửa đổi thế nào xin tùy-ý.

Tạm-thời hãng xin viết thơ về cho ông Phạm Quỳnh tổng-thư-ký Hội Khai-trí thâu-nhận và trình cho Hội-đồng Hội Khai-trí biết.

Đến khi nào Hội-đồng quản-trị Hội Khai-trí tuyển-cử 12 ông hội-viên đầu vào Văn-học-ban sẽ có giấy đạt cho các ngài hội-viên trong Hội để hỏi ý các ngài nên cử người nào là xứng-đáng hơn.

BÀI DIỄN-TỪ'

của bản-chí Chủ-bút Phạm-quân buổi Hội Khai-trí nghênh-tiếp quan Toàn-quyền

Ngày 20 tháng 9 Tây, Hội Khai-trí-tiến-đức có đặt tiệc nghênh-tiếp quan Quyền Toàn-quyền Baudoin *đại-nhân. Nhân dịp ấy, bản-chí Chủ-bút Phạm-quân có đọc một bài diễn-từ bằng Pháp-văn, sau đây xin in cả nguyên-văn và dịch ra quốc-ngữ, để công đồng lãm.*

Trong khi du-lịch bên Pháp, Phạm-quân cũng có từng diễn-thuyết nhiều lần ở các trường các hội và cả ở viện Hàn-lâm (ban chính-trị và luân-lý-học) nữa. Bắt đầu từ kỳ sau, bản-chí sẽ đăng dần các bài diễn-thuyết ấy, vừa nguyên-văn bằng chữ Pháp vừa dịch-thuật ra quốc-văn.

N.-P.

Monsieur le Gouverneur général,
Messieurs,
Mes chers Collègues,

C'est pour moi un bien grand honneur de prendre la parole devant des personnalités si éminentes et une assistance si choisie. A vrai dire, je ne m'y attendais pas.

Trình quan Toàn-quyền,
Thưa các ngài,
Thưa các quí-hữu trong Hội,

Tôi đứng nói ở trước các quan lớn và các ngài danh-giá như thế này, thật là một sự bân-hạnh cho tôi lắm. Thật tôi không ngờ đâu phải ra nói bữa nay, và xin thú

Et j'avouerai même que j'en veux un peu à mes collègues du Comité de m'avoir fait cette surprise. Rentrant de France où le Conseil d'Administration de l'A.F.I.M.A. avait bien voulu m'envoyer au début de cette année pour représenter notre Association à l'Exposition de Marseille, je comptais bien vous rendre compte de ma mission en petit Comité. Et me voilà parlant devant les plus hautes commités administratives du pays, et qui plus est, devant S.E M. le Gouverneur général lui-même. Je suis vraiment tout confus et de ce grand honneur et de mon indignité.

Je me garde bien de faire ici un discours, pas même une petite conférence. J'aurais bien voulu vous faire part un peu longuement de mes impressions de France. car depuis mon retour on me les demande de tous côtés, comme si j'étais allé pour un voyage d'exploration en pays inconnu et que je devais en rapporter des merveilles. Et de fait, c'était bien pour moi une sorte de petit voyage d'exploration au berceau même de la civilisation occidentale, et mes amis français et annamites seraient certes bien curieux de savoir quelles impressions j'en ai rapportées. Mais rentrant seulement depuis quelques jours, je n'ai pas encore eu le temps ni de classer mes impressions ni de leur donner une forme convenable. Je le réserverai pour une autre occasion.

Je ne vous parlerai donc pas de Marseille et de son Exposition, ni des magnificences de cette manifestation unique dans laquelle l'Indochine a vraiment conquis la palme d honneur. Je ne vous parlerai pas de mes pérégrinations à travers Paris et ses environs, de mes rêveries sous les ombrages du Luxembourg, de mes longues séances dans la pénombre du Louvre, ni de mes stations devant les pittoresques étalages des bouquinistes du Quai. Je ne vous parlerai pas non plus de mon pélerinage aux anciens champs de bataille et de l'émotion qui m'étreignait devant l'image

thật rằng hơi có ý trách các bạn trong tòa trị-sự đã bày ra sự tình-cờ này. Hội-đồng quản-trị hội Khai-trí ta đầu năm nay đã có bụng yêu cử tôi sang Pháp để thay mặt Hội ở cuộc Đấu-xảo Marseille, nay tôi mới ở Pháp về, đương rắp định muốn xin các ngài họp tiểu-hội-đồng để tôi thuật-trình công-việc. Thế mà thành ra phải nói ở trước cả các quan đại-hiến bản-xứ, gia-chi-dĩ lại có cả Ngài Toàn-quyền đại-nhân quang-cố nữa ! Kẻ bất tài được cái danh-dự quá-đáng, tự mình thật lấy làm hổ-thẹn.

Tôi đâu dám diễn-thuyết ở đây. Bản-ý tôi cũng muốn thuật lại hơi tường-tất để các ngài nghe về những sự kiến-văn cảm-giác của tôi ở qui-quốc, vì tự khi về đến giờ, đến đâu ai cũng hỏi chuyện, tựa-hồ như người mới đi thám-hiểm ở phương xa cõi lạ nào về. chắc là có nhiều chuyện kỳ thuật lại. Mà thật về phần riêng tôi, cuộc du-lịch này cũng là một cuộc sưu-kỳ thám-hiểm nhỏ ở một nơi gốc-tích văn-minh Toái-Tây, chắc là trong các bạn Tây Nam ai cũng có ý muốn biết những sự cảm-tưởng của tôi thế nào. Song tôi mới về được mấy bữa nay, chưa kịp có thì giờ sưu-xếp những điều kiến-văn cảm-giác trong khi du-lịch cùng diễn-thuật ra cho thành văn-lý. Xin để đến dịp khác.

Vậy hãy xin không nói gì về thành Marseille và hội Đấu-xảo, cùng những vẻ trang-hoàng tráng-lệ của cái hội độc-nhất vô-nhị đó, trong hội ấy Đông-dương ta thật đã chiếm-phần danh-dự. Cũng xin không nói gì về những cuộc lãng-du của tôi trong khắp đô-thành Paris, cùng các nơi phụ-cận, như khi một mình thơ-thẩn dưới bóng cây vườn Luxembourg, khi giờ lâu ngắm-nghía trong viện Bảo-tàng « Le Louvre », lại khi dừng chân trước các hàng bán sách cổ ở trên bờ sông nọ. Lại cũng xin không nói gì về sự đi viếng các nơi chiến-trường cũ, cùng những lúc đứng trước cái hình-ảnh điêu-tàn của nhà thờ lớn thành Reims, hay mắt trông

pantelante de la Cathédrale de Reims et la désolation des campagnes du Verdun.

De quoi vais-je donc pouvoir vous parler ?

Mon voyage en France a eu, entre autres résultats utiles à mon instruction personnelle, celui de me confirmer dans ma croyance en l'efficacité de l'œuvre entreprise par cette Association à laquelle je me suis entièrement dévoué dès les premiers jours. Cette œuvre est, comme l'a très bien définie notre Président, une œuvre de rapprochement franco-annamite. Certes, je n'avais jamais cessé, pour ma part, de croire à l'utilité, à l'opportunité d'une telle œuvre. Mais je vous avoue qu'avant mon voyage en France, je conservais quelques doutes sur la possibilité de sa réalisation intégrale. En effet, pour qu'un vrai rapprochement soit possible, il faut, en dehors des relations officielles où le fonctionnaire français est tenu à un certain souci du prestige et l'Annamite quel qu'il soit à une certaine déférence, il faut qu'il se crée entre Français et Annamites d'autres relations plus confiantes, plus cordiales, où une certaine égalité est nécessaire. Or, ces relations extra-officielles, ces relations amicales d'homme à homme et cette égalité nécessaire, sont-elles possibles dans la situation où nous nous trouvons les uns à l'égard des autres, c'est-à-dire dans la situation continuelle de protecteurs et protégés, où d'un côté on a toujours l'air de condescendre et de l'autre de se hausser pour créer une sympathie factice que rendent d'autre part assez précaire des différences de mentalité et d'autres facteurs politiques ou psychologiques comme certaines suggestions de l'ambiance ? C'est ce que je m'étais souvent demandé dans les premiers moments de la fondation de cette Association, période plutôt difficile où nous n'étions pas du tout compris dans l'opinion française. C'est ce que je m'étais encore demandé avant mon voyage en France.

cái cảnh-tượng thê-thảm các đồng-điền thành Verdun, trong lòng ngậm-ngùi cảm-động là dường nào.

Vậy thì biết nói gì bây giờ ?

Việc du-lịch của tôi ở qui-quốc cũng được nhiều điều ích-lợi cho sự học riêng của tôi, tựu-trung lại có một cái kết-quả như sau này : là khiến cho tôi thêm tin rằng cái mục-đích của hội Khai-trí này là hay là phải, mục-đích ấy ngay tự hồi đầu tôi đã hết sức tán-thành. Mục-đích ấy là gì ? Như lời quan Hội-trưởng vừa nói, mục-đích ấy gồm trong bốn chữ : *Pháp-Việt tương-thân*. Về phần riêng tôi, trước sau tôi vẫn một lòng tin rằng đó là một cái chủ-nghĩa hay và hợp-thời lắm. Nhưng tôi xin thú thật với các ngài rằng trước khi sang du-lịch bên qui-quốc, tôi còn có chút hồ-nghi không biết cái chủ-nghĩa ấy có thực-hành được một cách hoàn-toàn không. Thật thế : vì muốn cho người Pháp người Việt tương-thân, thời ngoài sự giao-tiếp về việc quan, quan Tây phải giữ quyền trên, người Nam phải theo phận dưới, cần phải có cách giao-tiếp khác, hai bên có bụng tin-yêu, lòng qui-chuộng nhau, nghĩa là phải có một chút bằng-đẳng mới được. Song cứ xét cái tình-thế người Tây người Nam đối với nhau như bây giờ, một bên là người bảo hộ, một bên là người bị bảo-hộ, trong sự giao-tế một bên bao giờ cũng có ý hạ-cố xuống, một bên bao giờ cũng có ý ngưỡng tới lên, dễ cố gây lấy một cái cảm-tình đã không được đậm-đà chi cho lắm, lại thường bị cái tính-cách hai giống khác nhau cùng những lẽ riêng về chánh-trị, về tâm-lý và những sự dụ-hoặc của cái hoàn-cảnh nó làm cho lạnh-nhạt thêm nữa : cứ cái tình-thế như thế, thì người Tây người Nam, ngoài những sự giao-tiếp về việc quan, có thể đi lại với nhau một cách thân-mật, đãi nhau như bè-bạn, nói tóm lại là có thể bằng-đẳng được không ? Điều đó tôi vẫn tự-vấn tự khi mới khởi-xướng ra hội Khai-trí này, hồi bây giờ cũng là một buổi khó-khăn cho chúng tôi, vì dư-luận Tây đối với chúng tôi thật không có một chút cảm-tình gì. Điều đó trước khi đi Tây tôi vẫn lấy làm hoài-nghi.

Ảnh trong trường đấu-xảo Marseille

Cái tháp cao là sở Afrique Occidentale française
Cái nhà bình lục-lăng là nhà cao-lâu Pháp-Việt

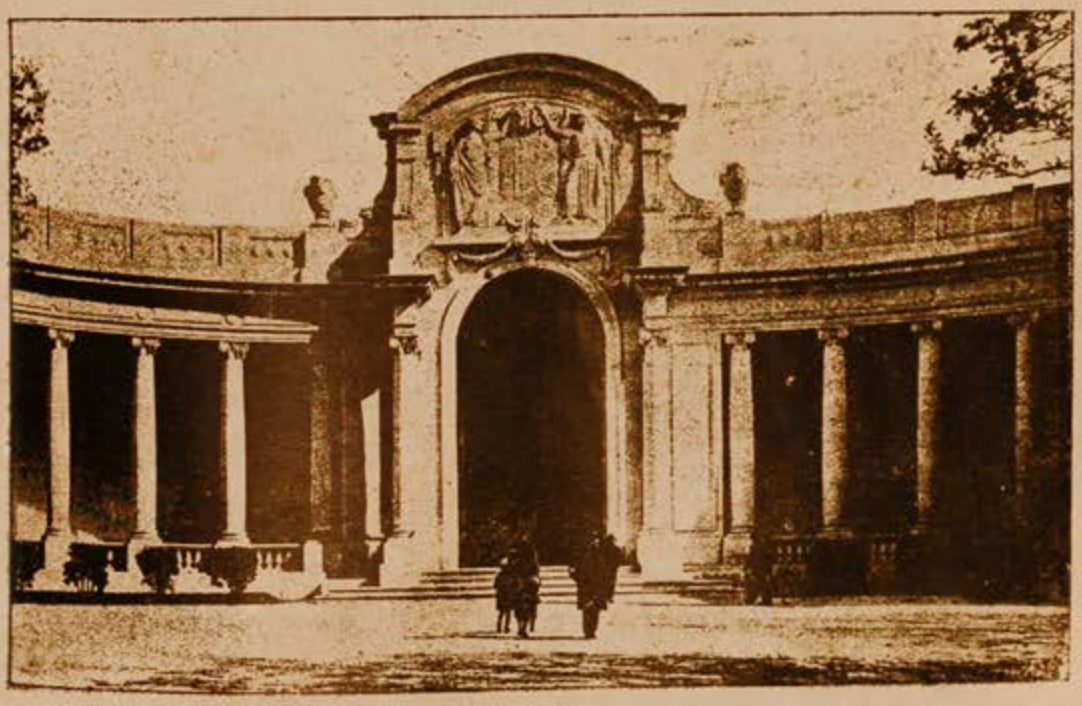

Sở của bộ Thuộc-địa

Ảnh trong trường Dầu-xảo Marseille

Sở Indochine (*mặt giữa*)

Sở Indochine (*mặt bên*)

Les quatre mois que j'y ai passés, les relations que je me suis créées dans tous les milieux où j'ai essayé de faire connaître l'Annam et les Annamites, la sympathie, — une sympathie cordiale et parfois même affectueuse, — que j'ai rencontrée partout, et l'étude que j'ai pu faire, en ses manifestations les plus naturelles, les plus spontanées du caractère français, ne m'ont plus laissé aucun doute à ce sujet. S'il y a de par le monde deux peuples qui quoique situés aux antipodes l'un de l'autre sont le plus capables de s'entendre et de sympathiser entre eux, c'est bien le peuple français et le peuple annamite. Et si jusqu'ici cette entente n'a pu être réalisée d'une façon parfaite, les difficultés n'en sont pas, si je puis ainsi m'exprimer, dans la nature même des choses, mais plutôt dans une certaine atmosphère politique qui d'ailleurs tend de plus en plus à disparaître. Il ne tient qu'à l'élite des deux peuples de la dissiper complètement et d'accomplir un effort de volonté pour faire enfin de cette entente, de cette amitié franco-annamite tant souhaitée et tant prêchée, une réalité tangible et palpable. Cet effort, nos amis les Afimalistes l'ont tenté en fondant cette Association et en créant ce cercle où Français et Annamites peuvent se rencontrer dans une intimité propice aux véritables échanges intellectuels. Et la présence ce soir parmi nous de S. E. M. le Gouverneur général et des hautes personnalités françaises qui ont bien voulu accepter de patronner notre œuvre montre combien elle est légitime, combien elle est venue à son temps.

Je suis heureux de saisir cette occasion pour vous apporter mon témoignage, un témoignage qu'en toute sincérité je suis allé chercher jusque dans la France lointaine. Il vaut ce qu'il vaut: je le donne tel qu'il m'a été inspiré par une profonde conviction.

Et sur ce, je termine au cri de:

Vive l'A.F.I.M.A.!

Nay tôi đã ở bên qui-quốc trong bốn tháng; đã từng giao-tiếp với nhiều người trong các giới, có ý muốn bày tỏ cho biết nước Việt-Nam người Việt-Nam thế nào; đến đâu tôi cũng được người qui-quốc tiếp-đãi một cách thân-ái; tôi lại thường khảo-nghiệm về cái tính-chất của quốc-dân Pháp những khi biểu-lộ ra tự nhiên, không có kiểu-sức gì, thời bây giờ tôi không còn nghi-ngờ chi nữa. Trong hoàn-cầu này, ví có hai dân-tộc tuy ở xa nhau như Đông-cực với Tây-cực mà có thể dễ am-hiểu nhau, dễ thân-yêu nhau được, tưởng là hai dân Pháp-Nam ta vậy. Dẫu hướng-lai cái tình thân-ái ấy chưa được hoàn-toàn, sự đó không phải là khó tại sự-lý, mà là khó tại một cái không-khí riêng về chánh-trị, cái không-khí ấy ngày nay xem ra cũng đã thấy tiêu bớt dần đi rồi. Muốn cho nó tiêu-tán đi hẳn, chỉ là thuộc về kẻ thượng-lưu trong hai nước nên gắng sức thế nào để làm cho cái nghĩa Pháp Việt-tương-thân kia, xưa nay ước-ao đã lâu, giảng-cầu cũng nhiều, từ rày thành hẳn một sự thực hiển-nhiên trước mắt. Về phần anh em trong hội Khai-trí chúng tôi đã gắng sức rồi đó: chúng tôi lập thành được Hội này, chúng tôi lại dựng nên nhà công-quán đây, để làm chỗ cho người Tây người Nam hằng tới lui gặp mặt nhau cho càng ngày càng thân-mật và có thể cùng nhau cùng trao-đổi ý-kiến. Chiều hôm nay có Ngài Toàn-quyền đại-nhân và các đại-hiền qui-quan đã nhận chức quản-cố cho Hội chúng tôi, đến chứng-kiến như thế này, thực là đủ tỏ rằng việc chúng tôi làm là chánh-đáng và thích-hợp thời-cơ vậy.

Về phần riêng tôi, tôi lấy làm hân-hạnh được thừa dịp này bày tỏ cái ý-kiến của tôi, ý-kiến ấy tôi thật đã thành-tâm sang tận bên Pháp thí-nghiệm vậy. Hay dở thế nào, tôi không được biết, chỉ biết bụng nghĩ sao, nhiệt-thành nói vậy.

Tôi xin kết một câu mà tung-hô một tiếng:

Hội Khai-trí vạn-tuế!

PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KÝ (1)

IV

Marseille, chủ-nhật, mồng 9 tháng 4 tây.

9 giờ sáng hôm nay, tàu đến bến *Joliette*, thành Marseille.

Thế là từ nay đã bước chân tới đất Pháp rồi. Bấy lâu ao-ước được mục-kích cái cảnh-tượng văn-minh của quí-quốc, nay thật là lòng sở-ước đã được thành. Nhưng cái cảnh-tượng ấy lớn-lao phiền-phức vô-cùng, ví như bức tranh trăm nghìn thước, không thể nhìn một lượt mà thu-quát được hết; phải tế-nhận từng phần, suy-xét cho kỹ, thời thưởng-giám mới được hết, phẩm-bình mới khỏi sai. Đương khi đi du-lịch, thường không đủ thì giờ, chưa đủ tài-liệu mà quan-niệm phán-đoán cho đích-đáng được. Sau khi về nhà, bình-tâm tĩnh-trí, hồi-tưởng những việc đã qua, mới thu-quát được hết các phương-diện, lý-hội được hết cái ý-nghĩa.

Tập nhật-ký này chẳng qua là ghi-chép những việc hằng ngày, một cách bình-thường giản-dị, để nhớ lấy về sau, chưa phải là sách tổng-thuật về cuộc Âu-du của tôi vậy. Cho nên không có nghị-luận, không có văn-chương gì cả, xin các bạn đọc báo coi cho như là một quyển sổ tay gặp việc gì biên việc nấy, không phải là một tập du-ký có đầu-đuôi mạnh-lạc vậy. Tập du-ký ấy, xin sau này sẽ soạn để cống-hiến các ngài (2).

Tàu gần đến bến, đứng trên tàu trông xuống thành-phố thấy chồng-chất những nhà-cửa một sắc xám xì, mới coi khác hẳn cái cảnh-tượng các thành-phố bên ta. Là vì nhà-lầu bên này xây toàn bằng đá cả, trông xa không có cái mầu sáng-sủa như các nhà gạch quét vôi trắng của ta. Nhưng càng đến gần trông rõ mới càng biết to-lớn là dường nào. Nhìn kỹ thấy trong bến và các nơi đường phố lớn có những vật gì như con sâu dâu bò từ-từ ở giữa đường: hỏi ra mới biết là những đường xe-điện chạy vậy. Nghe đâu thành Marseille này là một nơi đô-thị có nhiều đường xe-điện nhất ở nước Pháp, cả thảy đến ngót một trăm đường chạy khắp các phố-phường và ra cả các nơi phụ-cận chung-quanh cho tới một vòng 20, 25 cây-lô-mét.

Tàu *Armand Béhic* kỳ này tới đỗ ở bến *Joliette* là bến gần thành-phố hơn nhất. Nguyên cái cảng Marseille thời to lớn lắm, ngoài có một dải trường-đê ngữ sóng, trong chia ra từng khu, mỗi khu là một cái bến cho tàu đậu: có bến *Joliette*, bến *Lazaret*, bến *Arenc*, bến *Gare maritime*, bến *National*, bến *Pinède*, bến *Madrague*. Những tàu của Công-ti *Messageries maritimes* thời thường đậu ở hai bến *Joliette* và *Pinède*. Còn nơi gọi là « Bến cũ » (*Vieux Port*) thời chỉ để cho các thuyền nhỏ đậu, tàu lớn không vào đến.

Tàu ghé đến áp bờ *Joliette* vừa đúng 9 giờ sáng.

Trên tàu vừa bỏ thang xuống thời thấy vô-số những người làm công của các sở vận-tải đến xin lĩnh các đồ hành-lý của hành-khách để đem về

(1) Xem *Nam-Phong* số 58, 59, 60.

(2) Nay tôi đương bắt đầu soạn một quyển « *Bốn tháng ở Pháp* », khi nào xong sẽ đăng báo dần và in riêng thành sách.

trọ. Nguyên tôi đã đọc trong các sách « chỉ-nam » (*guides*) về thành Marseille biết tên Công-ti *Duchemin* là một sở vận - tải to và chắc - chắn, tôi bèn nhằm trong đám những người làm công ấy có người ở cánh tay đeo dấu hiệu của công-ti *Duchemin*, giao cho cả các đồ hành-lý để lo-liệu các việc khám-xét trong sở Thương-chánh và đem về tận nhà trọ. Khi ở trên tàu vẫn lo đến Marseille không có trọ mà ở, vì thường nghe người ta nói rằng nhân hội Đấu-xảo các khách-sạn ở Marseille có lẽ chật khách hết, nếu không đánh điện giữ buồng sẵn thì có khi đến không có buồng mà ở. Nhưng tàu đến bến có quan công-sứ E. trong sở Đấu-xảo phái ra tiếp các phái-viên mới đến, hỏi thăm ngài mới biết rằng các nhà khách-sạn còn dư phòng nhiều. Nhân có người mách nhà *Hôtel Saint-Louis*, bèn bảo người làm công sở vận-tải đem đồ hành-lý về đấy. Còn mình với các anh em cùng lên xe-điện đi về trước. Ở trên xe-điện mới bắt đầu giao-tiếp với người dân Marseille, xét ra tính-khí tự-nhiên và vui-vẻ lắm.

Nhà khách-sạn *Saint-Louis* này ở ngay vào giữa thành-phố, một nơi đông người và vui-vẻ lắm. Kể cũng vào bậc khách-sạn trung-bình, nhưng buồng ở sạch-sẽ và nhà lại có tiếng là cẩn-thận. Lại được một điều tiện nữa, là ngay bên cạnh có đặt hàng cơm. Ông chủ nhà này nguyên trước có làm việc lục-lộ ở Nam-kỳ, về hưu đã lâu năm, nên đã quen biết người Việt-Nam ta lắm và trong cách tiếp-đãi cũng có ý ân-cần.

May cả bọn phái-viên giữ được mấy cái phòng liền nhau ở về từng gác thứ nhì, lại ngảnh mặt ra đường phố, tiện mà xem - xét cái cảnh - tượng phố-phường.

Ăn cơm trưa, nghỉ-ngơi ít lâu, rồi đi dạo chơi các đường-phố.

Nguyên vẫn biết tiếng ở Marseille có con đường *Cannebière* là đường-phố đông-đúc và đẹp-đẽ nhất, như đường *Catinat* ở Sài-gòn, phố *Paul Bert* ở Hà-nội. Vậy bắt đầu đi chơi phố, ra đường *Cannebière* trước. Đường này tuy không dài lắm, nhưng quả là một nơi vui-vẻ sầm-uất nhất trong thành-phố, người dân Marseille vẫn thường lấy làm tự cao, cho khắp trong thiên-hạ, không có đâu bằng. Đã có câu khôi-hài nói rằng: « To đẹp như Paris, cũng chửa bằng Marseille. Ví Paris có một đường phố *Cannebère* thời Paris cũng mới bằng một Marseille nhỏ.» (*Si Paris avait une Cannebière, ce serait un petit Marseille*).

Xét lịch-sử thời con đường *Cannebière* đã có từ khi mới có thành Marseille. Chính tên ấy là do tiếng la-tinh *Cannabis*, đọc ra tiếng« *provençal* » (là tiếng thổ-âm ở đất Provence, vùng Marseille) là *cannebe*, nghĩa là dây thừng bằng đay, tức là phố làm thừng chão bằng đay ngày xưa, cổ-lai vẫn là một xóm có tiếng ở Marseille. Vì cửa bể Marseille này không phải là một cái bến tân-tạo. Vốn phát-tích từ 600 năm trước Gia-tô giáng-sinh, do người dân đất *Phocée* bên Hi-lạp (Grèce) sang di-cư ở đấy, lập thành cái xóm ở bờ biển, đặt tên là *Massilia* (tức là Marseille ngày nay). Từ đấy biến-thiên duyên-cách cũng đã nhiều, nhưng mỗi ngày một mở mang to lớn ra, kịp đến ngày nước Pháp chiếm-lĩnh được đất Algérie mà khuếch-trương thế-lực trên Bắc-bộ Phi-châu, cùng người Pháp đào thông được eo đất Suez cho tiện đường giao-thông Tây-Âu với Đông-Á, thời cửa Marseille nghiễm-nhiên thành nơi thương-cảng thứ nhất của nước Pháp. Ngày nay đứng vào bậc thứ chín trong các hải-cảng lớn trong thế-giới, số hàng-hóa xuất-nhập mỗi năm hơn 8 triệu tấn, số tàu-bè của các nước đi lại trong năm 1920 là 14,459 chiếc (trong số, ngoài tàu Pháp, có tàu Anh, Nhật,

Ý, Tây-ban-nha, Na-uy, Hòa-lan). Nước Pháp giao-thông với Đông-phương, vừa Cận-Đông vừa Viễn Đông, đều là do một cửa Marseille này, cho nên sách tây đã có câu nói: « Marseille là cửa của Đông-phương.» (*Marseille est la porte de l'Orient*). Coi đó thời biết cửa bể này là một nơi quan-yếu trong cuộc sinh-hoạt của nước Pháp vậy.

Đường *Cannebière* đi thẳng xuống là nơi « Bến cũ » (*le Vieux Port*). Nguyên bến Marseille ngày xưa cho đến năm 1844 chỉ mới có một chỗ này và tàu bè đều đến đậu cả ở đấy. Diện-tích được ngót 27 *hectares*, đường bến dài là 3547 thước và nước sâu trung-bình là 6 thước. Xưa thế đã là to lắm rồi, nhưng ngày nay số tàu đi lại nhiều, sức tàu trọng-tải nặng, vào đây nông chật quá không thể dung được; bởi thế mới lập ra các bến mới như trên kia đã nói. Bây giờ trong bến cũ chỉ có những thuyền cá, thuyền chơi, những « ca-nô » chạy bằng máy tự-động (*canots-automobiles*) để dẫn khách đi du-lãm các bến trong bến ngoài cùng mấy hòn cù-lao có thắng-tích ở chung quanh đấy (như *Chateau d'If*, v. v.)

Cảnh-tượng nơi « Bến cũ » này thật không gì vui mắt bằng. Trong bến thời lố-nhố những cột buồm như một cái rừng cây trụi lá. Ngoài xa cái « Cầu sang ngang» (*le pont transbordeur*) bắc tự bến này sang bến kia, đứng trong phố trông ra như một cái cửa võng cheo bằng những sợi dây thép nhỏ trên hai cái cột sắt cao ngất trời, hay là như một mảnh mạng nhện to lớn dị-kỳ chăng ở giữa khoảng không vậy. Cầu này cũng là một cái kỳ-công trong nghề kiến-chúc bằng sắt gang đời nay. Trên bến thời nhà cửa xan-xát, nhất là hàng cơm hàng rượu, xe điện chạy như mắc cửi, kẻ đi người lại tấp-nập như ngày hội, đủ các giống người, đủ các thứ tiếng, từ bác phu tâu, chủ « bắt-tê » chửi nhau như ăn gỏi, cho đến ông phú-thương tất-tả, chị hàng cá đong-đưa, khách du-lịch ngẩn-ngơ, gái giang-hồ nhắm-nháy, thật là cái cảnh-tượng « tứ-chiếng quần-cư », có cái vẻ bác-tạp, nhưng trông cũng vui mắt như một bức tranh sặc-sỡ vậy.

Các đường phố ngoắt-ngoéo ở chung quanh « Bến cũ » coi cũng vui lắm. Nghe đâu đấy chính là cái phần cổ nhất trong thành-phố Marseille, nhưng bây giờ có tiếng là chỗ chơi-bời hỗn-tạp lắm, bao nhiêu những trai côn gái điếm thường hay tụ-họp ở đấy, tối đến không nên vào. Nhân trời đã sầm tối, định đến bữa khác ban ngày sẽ dạo xem, và trở gót về quán ăn cơm.

Thứ hai, mồng 10.

Sáng dậy sớm dạo chơi các phố-phường.

Bữa qua mới tự đường *Cannebière* xuống « Bến cũ ». Nay định đi ngược lên các đường lớn ở chung-quanh. Trọ ở nhà khách-sạn *Saint-Louis* này thật là tiện cho sự đi lại lắm, vì nơi này chính là nơi trung-tâm trong thành-phố, bao nhiêu đường phố lớn cũng bắt đầu tự đây, bao nhiêu đường xe điện đều có đỗ tại đây.

Khách du-lịch đến đây, muốn đi xem chơi cho khắp và khỏi lạc đường, tất phải mua một quyển « chỉ-nam » (*guide*) về thành Marseille, có địa-đồ và mục-lục các đường phố, số-hiệu các xe điện, v. v. Sách này ở các quán bán nhật-báo ngay các đầu phố đều có bán cả, giá không mấy mà tiện-lợi cho sự du-lịch nhiều lắm. Cứ xét trong một thành-phố Marseille có tới non một nghìn bảy trăm các đường-phố lớn nhỏ, thời đủ biết nếu không có địa-đồ chỉ-dẫn, tất đến sai-lạc mê-li.

Trong các thành-phố tây, đường phố chia ra nhiều hạng, khách du-lịch

cần phải biết phân-biệt : đường - phố thường thời gọi là *rue*; đường-phố lớn gọi là *boulevard* ; đường thông-cù rộng-rãi và hai bên thường có trồng cây, gọi là *avenue* ; đường bộ-du, có cây cao bóng mát và đặt lối riêng cho khách bộ-hành chiều mát đi chơi, gọi là *allée* ; chỗ mấy đường đấu lại, lưu một khoảng không rộng - rãi, đặt thành công-trường, gọi là *place* ; chỗ công-trường mà hình tròn gọi là *rond-point*, tức là viên-trường ; chỗ công-trường mà ở giữa có đặt cái vườn nhỏ, hoặc có dựng đình-tạ, gọi là *square*, tức là tiểu-công - viên. Ở Marseille lại còn có một thứ đường-phố riêng gọi là *cours*, là những đường rộng thường có cây mà không có thông thẳng với một đường lớn khác, hoặc là hai đầu đâm ngang vào một đường khác, hoặc là chạy dọc vào một đường hẹp nhỏ kém.

Tự đường *Cannebière* đi thẳng lên là đường *Noailles*, đường này nhiều nhà buôn lớn, khách-sạn to và cửa hàng lịch-sự ; đi thẳng lên nữa có một con đường bộ-du đẹp lắm, gọi là *Allées de Meilhan*, đường rộng đến mấy chục thước, giữa đặt một cái lối đi to có cây cao bóng rợp cho khách bộ-hành đi chơi, ngày chủ-nhật thường có hàng hoa đến bán và ngày nào buổi sớm buổi chiều cũng có xe chóng trẻ con đến chơi đông lắm. Đi hết đường thời đến ngả rẽ, mấy đường phố đổ lại : đấy có cái tượng kỷ - niệm những nghĩa-sĩ thành Marseille bị chết trận năm 1870 ; góc bên tay hữu, có một cái nhà-thờ nguy-nga, tức là nhà-thờ *Saint-Vincent de-Paul*, dựng từ năm 1890 đến năm 1899 mới xong, theo kiểu kiến-trúc về thế-kỷ thứ 13, trên có hai cái tháp nhọn đầu, cao 75 thước, dưới có hầm để chôn người chết.

Đi tha-thẩn một đường *Meilhan* này cũng mất đến một giờ đồng-hồ. Bèn quay trở lại để về trọ cùng anh em đi vào trường Đấu - xảo tiếp mặt các quan-chức coi về việc Đấu-xảo, vì bữa qua mới đến là ngày chủ-nhật chưa được gặp các ngài.

Tự *Cours Saint-Louis* là nơi nhà trọ đến trường Đấu-xảo chỉ đi một đường thẳng, nhưng dài tới 4, 5 cây-lô-mét. May đường xe điện đi Đấu-xảo lại đỗ ngay trước cửa khách-sạn. Lên xe điện tự đấy, phải đi hết một dọc đường *Rome*, đến nơi gọi là trường *Castellane*, giữa có dựng cái cột đá cao 30 thước, trên có cái tượng đàn-bà hình thành Marseille, dưới chân làm thành bể nước có tượng đá phun nước, đục chạm khéo lắm, do tay nhà điêu-khắc ALLAR chạm cho ông CANTINI trong năm 1910-1911, rồi tự ông tặng thành-phố Marseille để đặt ở giữa nơi công-trường đó. Tự đấy trở đi là đường thông-cù *Prado*, đường này rộng-rãi khang-trang nhất thành Marseille, xe ngựa chạy giữa, hai bên có hai con đường trồng cây um-tùm cho khách bộ-hành đi, lại hai dẫy phố nữa, thành ra cả thảy năm con đường chạy song-song, và bốn giẫy cây thẳng một mực ; chạy xe ở giữa, trông cực - mục một đường thẳng-băng trong hai đám xanh rì, thật là ngoạn-mục.

Đến ngả rẽ, nơi gọi là viên-trường *Prado* (*le Rond-Point*), về bên tay tả tức là trường Đấu-xảo.

Xét ra trường Đấu-xảo năm nay cũng cùng một chỗ như năm 1906, nhưng chu-vi rộng hơn năm trước nhiều. Năm 1906 diện - tích có 23 *hectares*, năm nay tới hơn 36 *hectares*.

Trường Đấu-xảo định đến ngày 16 tháng 4, — nghĩa là sáu bữa nữa, — làm lễ khánh-thành và mở cửa cho thiên-hạ vào xem, thế mà bữa nay coi còn lồng-chồng lắm ; vôi, gạch, gỗ, gióng, còn ngổn-ngang cả các đường-lối. Về phần các thuộc-địa khác thời đã tiềm-tiệm xong, mà về phần Indochine ta

thời còn bề-bộn lắm. Chỉ mới có những nhà-sở lớn là làm xong, còn các nhà nhỏ như trong « phố Hà-nội », còn đương vôi gạch bề-bề cả, và chưa đâu bày-biện chỉnh-đốn hết. Hiện nay phu thợ đương làm riết, nhưng chửa chắc đến ngày khánh-thành đã được thập-phần chỉnh-bị.

Khi tiếp chuyện các viên-chức coi về việc Đấu-xảo rồi, bèn dạo qua một lượt trong trường Đấu-xảo; kể thời chưa cái gì đáng xem cả, nhưng đi một lượt cho biết qua cái vị-trí các nhà-sở của các thuộc-địa, cùng cái qui-mô trong trường Đấu-xảo thế nào.

Mặt trước đi vào, có vườn rộng cây cao bóng mát, lại có nhiều thứ cây các xứ nóng. Nguyên nơi *Prado* này vốn là một nơi công-viên, nên cây-cối nhiều lắm. Cứ thẳng con đường chính ở giữa đi vào, bên hữu là sở của bộ Thuộc-địa (*Palais du Ministère des Colonies*), trong đó bày những thư-tịch đồ-họa của các tơ-tào trong bộ thuộc-địa cùng những tài-liệu đủ hồi-thuật các đoạn lịch-sử của nước Pháp đi chinh-phục cùng chiếm-lĩnh thuộc-địa ở các nơi.

Gần đấy, cách có cái vườn hoa nhỏ và cái nhà kèn, đến hai sở *Algérie* và *Tunisie*, dựng theo kiểu các miếu-điện của hai xứ ấy, có tháp cao, có mái tròn, có cửa cuốn.

Ở đấy ra, đi thẳng vào thời đến một cái không-trường lớn để những khi mở hội, trưng đèn, rước-sách. Sau sân thời sừng-sực một tòa nhà lớn, tức là nơi « Sở lớn » (*le Grand palais*), để đấu-xảo những công-nghệ của Đại-Pháp có quan-hệ với các thuộc-địa.

Bên hữu cái quảng-trường ấy là sở của thuộc-địa *Afrique occidentale française* (Thuộc Pháp Tây-Phi-châu), một tòa nhà lực-lưỡng như một cái thành đắp bằng đất đỏ, theo kiểu các thành-quách cùng các miếu-đường của những dân-tộc ở phía Tây-Phi-châu. Nghe nói trong trường Đấu-xảo, thứ nhất đẹp là sở của *Indochine*, mà thứ nhì chính là sở của thuộc-địa Phi-châu này.

Bên trong sở *Afrique occidentale française* thời có sở *Afrique équatoriale française* (Thuộc Pháp Trung-Phi-châu), có ý nhỏ hẹp kém.

Đi trở ra, rẽ về bên tay phải, tức là sở của *Indochine* ta. Suốt trong trường Đấu-xảo có sở này là lớn nhất, ai cũng công-nhận như thế. Người An-Nam ta sang bên này gặp người qui-quốc, thường được khen rằng xứ ta giàu có thật đã chiếm bậc nhất trong cuộc Đấu-xảo. Lời khen ấy, tưởng cũng là đích-đáng lắm, vì bao nhiêu những nhà sở nguy-nga, kiến-chức to-tát như thế kia, kinh-phí đều là do bên ta phải chịu cả. Sổ chi-thu *Indochine* gánh-vác về việc Đấu-xảo này, kể có mấy triệu, trong số đó lãng-phí ra ngoài tưởng cũng không ít. Vậy mà Nam-Bắc có vài chục người phái-viên Chính-phủ sai sang để « đấu-xảo », ngoài suất tàu đi về, sở Đấu-xảo không cho được một đồng su phụ-cấp trong khi ăn ở bên này, sự tiết-kiệm ấy tưởng cũng là quá-đáng vậy.

Khu *Indochine* có một sở chính, làm theo kiểu đền Đế-thiên Đế-thích (*Angkor*) của Cao-miên, qui-mô thật cũng hoằng-vĩ. Nghĩ dựng một tòa này, phí bao nhiêu công-phu, tốn bao nhiêu tiền-bạc, mà trong cốt gỗ ngoài đắp vôi, xong sáu tháng Đấu-xảo lại phá đi, thật cũng tiếc quá; thế là bạc muôn bạc triệu thành ra mây gió cả, mà lợi-ích về đường quảng-cáo ắt hẳn phu cho không? — Ngoài sở chính là lớn nhất, còn các sở phụ, như tòa đình An-nam, bên ngoài lại dựng một cái « Chùa một cột » nhỏ, người Tây lấy làm xinh và nhã lắm; lại đặt hẳn một dẫy phố gọi là « phố Hà-nội » (*la rue de Hanoi*), để cho các nhà buôn bán công-nghệ ta bày các đồ

hàng bán, ý nghĩ cũng khéo. Song những các sở nhỏ này, đến nay cũng còn lồng-chồng cả, chưa đâu xong hẳn. Không biết đến ngày khánh-thành có xong cả được không.

Người An-Nam ta sang bên này về việc Đấu-xảo kể có hàng mấy trăm con người, nào là thợ các nghề, nào là các ông chủ nhà buôn nhà nghề, v.v. Người nào phong-lưu ăn ở ngoài thời không kể, còn những thợ-thuyền cùng người làm công làm việc phải ăn-ở trong Đấu-xảo, ai cũng phàn-nàn rằng ăn kham-khổ, ở chật hẹp quá. Mà thật, vào xem cái dẫy nhà gỗ của sở Đấu-xảo dựng tạm cho người mình ở, thật không lấy gì làm vui mắt cả. Còn cách ăn uống thời bất-nhẫn nói. Hoặc có người bảo rằng đó là tạm-thời mà thôi, vì các viên-chức coi việc Đấu-xảo còn đương bận việc khác, chưa thể trông nom đến được. Cũng mong là tạm-thời, chớ nếu cứ như thế thì cực khổ thật. Thế mà bọn phái-viên mình, khi sắp sửa đi, những rắp-định rằng sang bên này nếu ăn ở đắt-đỏ lắm thời sẽ vào ở trong Đấu-xảo cho đỡ tốn: cách ở như thế này thì ở đến một giờ tôi cũng xin kiếu....

Xem xong khu *Indochine*, rẽ sang bên tả, đi lượt qua các khu của *Madagascar*, *Maroc*, sở máy (*palais des machines*), sở các mĩ-thuật xứ *Provence* (tức là vùng Marseille), v.v. Mỗi sở cũng đều có vẻ đẹp khả-quan, nhưng quả không đâu to lớn đẹp-đẽ bằng sở *Indochine*. Nhiều tiền làm chi mà chẳng được: chỉ khó là phải dụng tiền cho chánh-đáng mà thôi.

(Còn nữa)

PHẠM QUỲNH

THỜI-ĐÀM

Ấu-Trĩ viên làng Xích-Đằng. — Ngày chủ-nhật 24 Septembre, hồi tám giờ rưỡi sáng, tại làng Xích-đằng, gần tỉnh-lỵ Hưng-yên, có làm lễ khánh-thành cuộc Ấu-trĩ-viên một cách rất long-trọng. Quan chánh Công-sứ Pergier làm chủ-tọa; dự lễ có Pergier phu-nhân; quan phó-sứ Vincenti, quan Khoa-học Portier và phu-nhân, quan Thương-tá Coillot và phu-nhân; quan Giám-binh Courteix, quan Đốc-học Girault; bên quan thì có quan Tuần-phủ Nguyễn Năng-Quốc, quan Án-sát Vũ [illegible] Trực, quan Thương-tá Nguyễn [illegible] Ninh, quan lãnh-binh, quan phủ Mỹ-hào. quan huyện Kim-động, hai ông nghị-viên Nguyễn Văn-Tuân và Lương Văn-Phức, ba ông nghị-viên cũ Lương Văn-Tường, Vũ Huy-Xứng và Nguyễn Xuân-Mai; các tổng lý, kỳ-dịch và các tộc-biểu các làng đến dự lễ đông lắm. — Lại có cả bốn ông Hội-viên Hội Khai-trí-tiến-đức là MM. Phạm Xuân Tuyết, Phạm Quỳnh, Lê Văn-Phúc, Đỗ Thận, ở Hanoi xuống chơi cũng đến dự lễ nữa.

Lúc các quan an-tọa đâu đấy thì một ông đại-biểu Hội-đồng hương-hội làng Xích-đằng đọc bài diễn-văn sau này:

Bẩm quan lớn Công-sứ,
Bẩm các bà,
Bẩm quan lớn Tuần-phủ.
Bẩm các quan,

Ngày hôm nay là ngày lễ khánh-thành Ấu-trĩ-viên của xã chúng tôi,

mà chúng tôi được quan-lớn, các bà đầm các qui-quan và các Nam-quan có lòng hạ-cố giá-lâm đến chứng-kiến cho chúng tôi đông đủ như thế này, thì cả dân chúng tôi được sự vẻ vang nhiều lắm. Tôi xin thay mặt cả dân cảm tạ quan-lớn Công-sứ, các bà đầm, các qui-quan cùng các Nam-quan lắm lắm.

Bẩm quan-lớn,

Nước Nam chúng tôi nhờ được từ khi Nhà-nước Đại-pháp sang bảo-hộ, khai-hóa cho chúng tôi được nhiều sự ích-lợi, kể ra đây không xiết mà tưởng cũng thừa ; bởi vì cả nhân-dân trong toàn-quốc đều biết công đức của nước Đại-Pháp đã thi-bá ở trong nước An-Nam bấy lâu nay. Nếu kể lai - lịch những công-đức ấy thì giải ra mấy pho sách cũng không hết, vả lại không phải địa-vị chúng tôi là kỳ-mục một dân hèn, dám dự đến việc của các nhà văn-sĩ chép sử để ca-tụng công-đức ấy. Chúng tôi chỉ biết rằng ngày nay ở chốn thôn quê, được yên ổn làm ăn, đi lại buôn bán, thủy bộ tiện-lợi. Trên bộ có đường hỏa-xa, dưới nước có tàu thủy, ai đau ốm có nhà thương chữa bệnh, học-đường mở khắp mọi nơi, việc kỹ-nghệ, việc thương-mại cũng có trường dạy học bấy lâu nay cả, mọi việc đều mở mang tiến-bộ được nhiều.

Nay hội Khai-trí-tiến-đức lại khởi-xướng lên việc thiết-lập Ấu-trĩ viên, là một việc rất mới mẻ, xưa nay trong nước An-Nam chưa ai nghĩ đến, đó cũng bởi tại bậc thượng - lưu nước chúng tôi, nhiễm được phong-hóa của nước Đại-Pháp mới lập ra được công cuộc ấy, nay quan Tuần-phủ Nguyễn đại-nhân thấy dân chúng tôi lắm kẻ nghèo nàn, nhiều nhà cả hai vợ chồng phải đi làm thuê gánh mướn kiếm ăn, để con ở nhà không ai trông coi, mới khuyên bảo và giúp đỡ chúng tôi lập ra Ấu-trĩ-viên này, buổi mới hãy còn tích-hiệp, chúng tôi chỉ nhận có 40 đứa trẻ con từ lên 7 tuổi trở xuống đến đứa mới đẻ là con người nào nghèo khổ lắm, bố mẹ đều phải đi làm cả, để con ở nhà không kẻ trông nom, thì chúng tôi mới nhận giữ, nhưng mà cái hạng người ấy cũng hãy còn nhiều, dẫu buổi nhất-sơ, nhà cửa còn hẹp, đồ ăn thức dùng còn thiếu, cho nên chúng tôi chưa có thể nhận giữ được hết cả, nhưng chúng tôi định rằng trên nhờ chính-phủ Bảo-hộ trông coi, dưới nhờ hội Khai-trí-tiến-đức giúp đỡ, chúng tôi sẽ mở mang cho rộng rãi để giúp đỡ cho kẻ nghèo trong làng chúng tôi và tài-bồi cho lũ ấu-trĩ ngày nay cằn-cỗi như cây không vun không tưới để ngày sau cho được phơn-phớ tốt tươi, ấy cũng chờ người khai-trí mà lập nên việc này vậy

Kia, xin quan-lớn và các quan xem! đứa bé này bố phải đi làm thuê, mẹ nó vừa mới đẻ nó được mấy tháng thì phải đi ở vú để nó ở nhà đói cơm khát sữa. Quan lớn trông thấy nó như thế, ấy là từ hôm mở Ấu-trĩ-viên đến hôm nay, nó vào đây cho nó ăn sữa, trông hôm nay khí - sắc đã khá, chứ hôm nọ, nó chỉ có cái da bọc lấy cái xương.

Kia ba đứa trẻ kia bố mẹ phải đi làm ăn cả ngày, để chúng nó ở nhà với bà chúng nó tuổi ngoài 70, mắt mũi lem-kem, giữ gìn chúng nó làm sao cho được tử - tế. Còn những đứa trẻ kia mỗi đứa cũng có một tình cảnh khổ-sở tự-hồ như thế, cho [illegible] chúng tôi mới nhận giữ ở đây, [illegible] bây giờ không xiết.

Vậy cho nên khi chúng [illegible] thấy cách thức việc lập Ấu-trĩ-viên thì chúng tôi lấy làm một việc rất có ích-lợi cho việc thể-dục, trí-dục và đức-dục, chúng tôi vội vàng cắt người đi học làm bảo-mẫu, nhờ ơn quan

lớn cho sang nhà thương học đã thành nghề. cho nên chúng tôi đã lập Ấu-trĩ-viên ra được trước ở trong tỉnh này, chúng tôi cũng lấy làm vinh-hạnh lắm, vả vạn-sự khởi-đầu-nan, chúng tôi trông mong vào quan lớn, chúng tôi trông mong vào các quan cai-trị Tây Nam, vào hội Khai-trí-tiến-đức, vào quan Chánh hội-đồng chủ-sự việc Ấu-trĩ-viên là quan nguyên Khâm-sứ Tissot đại-nhân để dìu dắt chúng tôi làm việc này cho hoàn toàn lâu dài.

Xin bái chúc

Đại-Pháp vạn tuế!

Đại-Nam vạn tuế!

Đoạn rồi quan Chánh-sứ đáp lại mấy lời đại-khái như sau này: Ngài ngợi khen làng Xích-đằng đã thừa ý quan Tuần-phủ bản-tỉnh mà lập Ấu-trĩ viên này là một việc rất có ích, ngài khuyên Hội-đồng tộc-biểu nên hết lòng hết sức mà làm cho việc từ-thiện này được thịnh-vượng lâu dài; vả Ấu-trĩ-viên này, lập ngay trong một làng giáp giới tỉnh-lỵ thì ngài lại lấy làm vui lòng hơn nữa vì là ngài sẽ được tiện dịp đến thăm nom. Ngài lại nói việc lập Ấu-viên là bổn-phận của các hội-đồng tộc-biểu, vậy ngài khuyến-khích cả các xã thôn cùng các quan phủ huyện nên lưu-tâm đến việc ấy cho được chóng thịnh-hành trong bản-hạt, v. v.

Ngài nói xong cử-tọa đều vỗ tay, rồi M cùng các quan, các qui phu-nhân vô tem chỗ bể nước nhà tắm, chỗ đ chỗ chơi, nào đánh đu, nào múa tử, các ngài đều xem xét ân cần, còn h qui phu-nhân thì phát xu và h h cho trẻ con, chúng rất lấy làm vui mừng và cám ơn cái lòng từ-thiện của các bà.

Trước khi ra về quan Chánh-sứ lại đưa cho ông chánh Hương-hội năm đồng bạc để trợ cấp cho cuộc Ấu trĩ-viên, rồi các quan viên sau này cũng bắt chước: quan Giám-binh cho 3 đồng, bốn ông ở Hà-nội cho 20 đồng, còn nhiều các ông các bà và các xã lân-cận đấy cũng quyên-trợ cho nữa.

Xem đó thì biết toàn-thể quốc-dân ta ai cũng vui lòng về việc từ-thiện muốn tán-thành cho chóng thành-hiệu.

Lược trích báo Khai-hóa ngày 25 Septembre

Quan-lại ái-hữu hội — Kỳ báo trước Bản-chí đã đăng tin hội Quan-lại ái-hữu Bắc-kỳ đã thành-lập, thực là một tin mừng trong quan-trường. Mục đích hội ấy cốt để giữ danh-dự trong quan-giới cho đáng giá là bậc thượng-lưu, qui-hoá thay cho cái chủ-nghĩa hội rất là chánh-đáng. Mong rằng các quan lại vào hội cho đông để làm cho đạt tới cái mục-đích cao-thượng ấy thì thực là hạnh-phúc cho quốc-dân ta lắm. Công-việc hội lược đăng như sau này:

Ngày mồng 3 tháng Septembre 1922, Hội-đồng quản-trị tạm-thời có họp hội-đồng tại nhà hội Khai-trí-tiến-đức, có mặt các quan sau này đến dự hội Quan Hội-trưởng Phạm Văn-Thụ Tổng-đốc Nam-Định.

Quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu, Tổng-đốc Hà-đông (trị-sự)

Quan Thượng Lê Trung-Ngọc Tổng-đốc toà Thượng-thẩm (phó-hội-trưởng).

Quan Thượng Trần Văn-Thông Tổng-đốc toà Thượng-thẩm (trị-sự).

Quan nguyên Đô-thống Đỗ Đình-Thuật (thủ-quĩ).

Quan Tuần-phủ Hưng-yên Nguyễn Năng-Quốc (trị-sự)

Quan Tuần-phủ Phúc-yên Bùi Huy-Tiến (trị-sự)

Quan Án-sát Hà-đông Lê Vân-Đình (trị-sự).

Quan Thương-tá Hà-đông Nguyễn Tối-Tế (trị-sự).

Quan Thương-tá Phạm Hoàng-Lâm.

Quan huyện Yên-phong Hoàng Hữu-Đôn (Thư ký).

Khi quan hội trưởng khai hội đồng, quan Thượng Lê lần lượt đọc các vấn-đề phải bàn đến, quan hội trưởng xin hội đồng đến yết kiến quan Thống-sứ để xin Ngài cử hai quan đại-hiền vào kinh yết-hạ đức Hoàng-thượng hồi-loan.

Hội-đồng xin cử quan Thiếu Hoàng, quan Thượng Lê, quan Thượng Trần, quan Đô-thống, quan Thương-tá Hà-đông đến thứ sáu 8 Septembre đến yết-kiến quan Thống-sứ để cám ơn quan Thống-sứ đã cho phép lập Hội và kính-tặng ngài cùng quan nguyên Khâm-sứ Tissot chức danh-dự hội-trưởng và xin cử hai quan Thượng Từ Đạm và quan Nguyễn Hữu-Đắc vào kinh yết-hạ Hoàng-Thượng và diện tấu việc lập hội Bắc-kỳ quan-lại.

Quan Thượng Lê xin hội-đồng bàn mà tìm cách thế nào để giúp hội-viên và gia-quyến.

Quan Thiếu Hoàng nói hội-viên hoặc gia-quyến gặp sự bất-trắc mà có thỉnh cầu đến Hội và lời thỉnh-cầu xác-đáng thì hội nên hết sức giúp hội-viên và gia-quyến để tỏ tình thân-ái, việc phúng-tang, hội nên phái người đến phúng và làm một bức-trướng thay mặt Hội; trướng ấy làm ra hai hạng: một hạng 6$00 để phúng các quan-viên đóng từ 10$00 trở lên, và một hạng 3$00 để phúng các hội-viên đóng 3$00 trở xuống.

Hội định làm một cái mẫu trướng sẵn để bốn chữ « *Cảm-khái hệ-chi* » dù đi phúng điếu bậc nào trong hội cũng dùng bốn chữ ấy cho nhất định, Hội-đồng cử quan Thượng Lê và quan nguyên Thương-tá Phạm Hằng-Lãm thảo một bản thể-lệ về các việc ấy, còn việc khánh thì thôi.

Quan Thiếu Hoàng và quan Tuần-phủ Hưng-yên có nói rằng: Hội ta cần nhất về việc bảo-tồn danh-dự để cho quan-trường có thể-thống. Quan Thượng Lê nói rằng: Việc ấy trong điều-lệ Hội cũng đã nói minh-bạch, nếu hội-viên nào có tiếng xấu tỏ tường công chúng đều biết, thì mất chân hội-viên, và hội không giao-thiệp và bênh vực gì đến nữa. Về việc bảo-thủ quyền-lợi, hội-đồng bàn xin nhà nước trước hết tăng lương cho các tơ-thuộc nha-lại. Hội-đồng điều ưng thuận cả, và nói rằng: các việc ấy cuối năm 1920, thì quan Thiếu Hoàng, quan Thượng Phạm, quan Thượng Trần, quan Thượng Lê và vài ba quan đại-viên khác đã ký đơn xin Chính-phủ rồi; lại hôm hội-đồng quản-trị vào yết-kiến quan Thống-sứ đã có xin lại cùng ngài một lần nữa rồi, thì ngài cũng đã hứa sẽ cho.

Quan Thiếu Hoàng có xin cử ngay một tiểu-hội-đồng để bàn những điều gì cần thỉnh-cầu ngay.

Hội-đồng xin cử quan Thiếu Hoàng, quan Thượng Trần, quan Thượng Lê và quan Thương-tá Hà-đông xét bàn việc ấy.

Quan Thượng Lê nói có nhiều q[illegible] viên hội viết giấy hỏi các điều sau [illegible]

1° Hội mới lập vào tháng tám [illegible] thì tiền lệ đồng-niên phải đóng cả h[illegible] là phải đóng nửa năm?

Hội-đồng quản-trị nhận rằng: [illegible] có nhiều ông đã gửi tiền đóng tiền lệ cả năm rồi, thời xin định thu tiền lệ cả năm mới phải.

2° Các quan tri-châu cùng trợ-tá, hậu-bổ, nên đóng vào hạng nào? vào hạng quan hay là lại?

Hội-đồng quản-trị định rằng cứ theo Nam-lệ thời các ông ấy đã vào hàng thuộc-viên, nhưng mà trong ba hạng ông ấy nên phải đóng vào hạng quan. Còn các ông thông-phán kinh-lịch thì đóng hạng 3, $00.

3° Các ông đã có giấy tình-nguyện vào Hội có phải chờ hội-đồng quản-trị phúc lại mới phải đóng, hay là phải đóng tiền ngay.

Cứ theo điều-lệ Hội khoản thứ 9, thời phải chờ trả lời, nhưng mà bây giờ đương thời tổ-chức, cho nên hội-đồng định rằng : từ ngày khởi lập hội cho đến kỳ đại-hội-đồng tháng 12 tây, ông nào xin vào Hội thì xin cứ gửi ngay tiền lệ vào hội cho quan thủ-quĩ Đô-thống hưu-trí Đỗ Đình-Thuật số nhà 49 đường Doudard de Lagrée Hà-nội, ngài sẽ gửi giấy biên-nhận lại, thì xin coi giấy biên-nhận ấy như là tờ của hội phúc-y.

. . .

Toà quản-trị Hội Quan-lại lại có lờ cần cáo cho các quan-lại biết như sau này .

Nay các quan lại gửi giấy tình-nguyện vào Hội đã được hơn ba trăm người, thì số ấy đã xứng đáng mà bầu [illegible]i-đồng quản-trị nhất-định, có đủ [illegible]h-dự quyền-thế mà thay mặt Hội.

[illegible] vậy hội-đồng quản-trị tạm-thời định [illegible] ngày chủ nhật 29 Octobre 1922 là [illegible]ông 10 tháng 9 ta, 8 giờ sáng họp đại-[illegible] trung ở hội Khai-trí tiến-đức để [illegible] các việc sau này :

1° Bầu hội-đồng quản-trị nhất-định.

2° Bàn định điều lệ riêng để thi-hành mục-đích thứ hai của Hội là giúp đỡ thế lực hoặc tiền tài cho các hội-viên hoặc gia-quyến khi phải sự bất-trắc mà có thỉnh-cầu đến Hội.

Họp đại hội-đồng lần này là lần đầu, xin mời các quan viên Hội đúng thời giờ ấy đến hội-đồng bàn luận cho được chu-tất. Ông hội-viên nào không đi đến hội được, thì xin ủy quyền cho hội-viên đi đến hội mà bàu thay mình. Sự ủy quyền ấy phải có tờ giao cho hội-viên thay mình để trình trước khi bầu mới được bầu thay.

Hội-đồng quản-trị sẽ gửi giấy mời đến quan Tổng-đốc, Tuần-phủ, Án-sát các tỉnh đã vào Hội, mà xin các ngài thông-đạt đến các hội-viên cho đỡ công và tỉnh phí.

Thay mặt quan Hội-trưởng
Quan phó Hội-trưởng tạm-thời

LÊ TRUNG-NGỌC

Phụ thêm. — Theo như lời Hội đã đặt, vậy các quan lại, ai đã có giấy xin vào Hội, thì đúng ngày giờ ấy xin cứ đến hội-đồng, không cần phải đợi giấy mời riêng nữa, kỳ đại-hội-đồng này là quan-hệ mà vào ngày chủ nhật thì xin các quan lại đến họp cho đông, và xin các quan khuyên bảo các nha lại nên vào Hội thêm cho đông người cho Hội được thêm giá trị và thế-lực.

Nếu ngài nào không đến dự hội được, thì xin viết giấy ủy-quyền cho người khác thay mặt.

Thư ký
HOÀNG HỮU-ĐÔN

Bài quan Thống-sứ Bắc-kỳ diễn-thuyết tại hội-đồng Tư-vấn ngày khai kỳ hội-đồng thường-niên năm 1922

Hôm 2 Octobre vừa rồi Bắc-kỳ Tư-vấn nghị-viện có họp kỳ hội-đồng thường-niên tại nhà Nhạc-hội phố Hoàn-kiếm Hanoi, quan Thống-sứ có đọc bài diễn-thuyết xin cứ y bản dịch của Phủ Thống-sứ đăng như sau này.

Các ông

Năm ngoái khi đã nghiên-cứu các vấn-đề quan-thiệp về tình-thế bản-xứ thì tôi đã biện-bạch cho các ông biết cái chương-trình tôi định thi-hành về các việc chính-trị, kinh-tế và chỉnh-đốn trong xã-hội.

Nay hội-đồng Tư-vấn lại tựu-họp kỳ thường-niên, thì nên tổng-kê các việc đã thi-hành xong cùng các việc hiệu gần xong để khi các ông trở về chốn thành-thị hương-thôn nói lại cho dân hiểu biết cái phần đã thành-hiệu nhiều ít, ảnh-hưởng gần xa thế nào, để dân rõ những việc Chính-phủ cải-lương lợi-ích là làm sao.

Việc cải-lương hương-chính phù-hợp với hi-vọng của dân thường đã biểu-bạch rõ ra, kỳ hội-đồng năm ngoái tôi đã kể các tình-ý cho các ông nghe, thì nay vẫn tuần-tự thi-hành có cơ thành-hiệu vững bền. Việc đặt sổ chi-thu hàng xã mà trông làm rộng ra được thì do phải có đủ số thư-ký đã luyện-tập riêng phép kế-toán, phép tổ-chức thuộc phương-diện chính-trị, ngân-sách, cho nên phải tuần-tự mới tiến được; nhưng việc thiết-lập hương-hội thì vào cuối năm nay gần xong được khắp. Kết-quả ấy nên nghĩ lấy, vì làm chứng rõ lòng các xã dân muốn từ rầy giở đi việc hương-chính thì giao cho những người mà dân đã thuận cử lên đại biểu cho.

Lại các nguyên-lý việc cải-lương hương-chính tất phải có quan-hệ đến việc cử tổng-lý, cho nên ngày 26 Juin 1922 đã có nghị-định các điều để cho các cơ-quan mới được dung-hòa với nhau; thêm rộng số người được đi tuyển-cử, mà những người đã được các xã dân cử lên làm đại-biểu thì trong khi đi tuyển-cử tổng-lý cũng được vị-trí tử tế đối với các hạng vẫn xưa nay có quyền tuyển-cử. Lại do tân-nghị ấy thì trong việc tuyển các hạng tổng-lý, Chính-phủ cũng được thêm nhiều lẽ chắc chắn hơn được.

Lại cũng vì các nguyên-nhân ấy việc cử các tỉnh hạt hội-viên và Bắc-kỳ Tư-vấn hội-viên cũng có tổ-chức lại cho hợp thời.

Các việc cải-lương ấy thì vốn là có ích rồi, lại thêm có phần quan trọng và thực hiệp-thời, vì gặp vào lúc Chính-phủ trù nghĩ mở rộng nghĩa-vụ các cơ-quan bàn việc giúp Chính-phủ, để cho các cơ-quan ấy được dự đến các việc công-ích bản-xứ một cách mật-thiết hơn. Vì trong các cơ-quan ấy mà tổ-chức lại, thì các bậc đạt-biểu cho dân bản-xứ phải trông vào một cái cơ-sở vững vàng, mà được rộng đường ngôn-luận, là tại lúc tuyển cử cái bậc ấy, thì các hạng dân đều được mượn tay kẻ đại-biểu cho dân trong hương-thôn mà cử các kẻ ấy lên.

Thuộc về chính-trị, thì trước hết đã lưu-ý vào quan-lại. Số giảm ngạch cũng đã được khá, vì trong sáu tháng đã giảm gần được một thành, mà không có trở ngại gì đến công-vụ. Còn số tiền mà dư ra được ấy, thì Chính-phủ đã lợi-dụng mà cho quan lại tòng-sự trên thượng-du cũng được tiền gia-cấp như

các viên tòng-sự Bảo-hộ, và cũng nhân có số dư đó chính-phủ trù-nghĩ sắp tăng nguyệt-bổng cho những thừa-phái thuộc hai giai-cấp san cùng, để về sau tuyển được những người thực có giá-trị vì đã buộc những hạng thừa-phái ấy kiến-thức phải bằng hạng phụ-giáo, thì cứ lẽ công-nhiên cũng phải cho người ta nguyệt-bổng bằng người phụ-giáo.

Lại có nghị các khoản để phân sắp ngạch thăng tấn thì quan lại An-Nam được hưởng công bằng như bên quan Tây. Các bản nghị-định ngày 24 Octobre 1921 đã định ngạch, và định trong các chức mỗi một chức ngạch phân phải đi thế nào. Ngày 22 Octobre 1921 đã lập ra các hội-đồng xét việc thăng thưởng. Rồi đến các nghị ngày 1er và 10 Mai 1922 đã định chương-trình thi tuyển lấy quan và thừa-phái.

Có các nghị ấy thì các công sở đều được người làm việc có chuyên-môn, đủ kiến-thức, mà việc thăng tấn được hết lẽ điều-độ, công-bằng.

Như việc án kiện cũng phải nghĩ tổ-chức cho được hoàn-toàn hơn, nên đã lập một ngạch lục-sự người bản-quốc chuyên-môn rồi, bản-chức còn tạm nghĩ lập ra một ngạch quan An-Nam chuyên việc án-kiện có học lý-luật uyên-thâm đủ tư-cách gánh chức phụ-thẩm hay dự-thẩm trong các tòa án đệ nhị-cấp. Ngạch ấy sẽ tuyển riêng vào bậc thiếu-niên An-Nam có bằng luật khoa tiến-sĩ, hay cử-nhân, trong ngạch Tư-pháp cũng có một M[illegible] « tương - đương » như đã lập vô mấy công-sở chuyên-môn khác. Dù thế thì ắt là đường công-lý người [illegible]-quốc có việc đến chỗ công-môn [illegible] thêm vững ra, mà lại việc xử [illegible] được tiện hơn. Bản - chức trông rằng quan Toàn - quyền sẽ chuẩn y cho, vì việc ấy là theo nguyên-lý ngày nay phải phân-ly quyền chính-trị, quyền tư-pháp ra, lại là một bước tiến-bộ trong việc tuần-tuần thi-hành luật mới năm 1917.

Còn riêng về bộ dân-luật thì trong năm nay đã bắt đầu thi-hành quyển thứ nhất thuộc về nhân-quần và tài-sản, đã tuyên-bố ngày 9 Novembre 1921. Nhưng hãy còn mới thí-nghiệm trong hai hạt thuộc tỉnh Hà-đông, để cho các cách-thức chi-tiết luyện-tập cho được thành-hiệu. Đã lập ra sổ sinh, tử, giá, thú, và sổ biên ghi nhà, đất ruộng, lại sở đạc - điền cũng hiện đương họa đạc ruộng đất từng khu, để cho kịp khi hết hạn phân-xử việc tranh-tụng điền-địa, thì của người nào đã rõ ra người ấy. Đến lúc ấy thì các điền-chủ ai cũng có thể xin lĩnh được một cái chứng-chỉ riêng thuộc điền-địa của mình. Như thế thì rồi dần dần giải-quyết xong được một vấn-đề tối quan-trọng trong xứ này là nơi chuyên vào việc làm ruộng, mà vì điền - địa các-tán ra quá, cho nên hiện sinh ra nhiều mối kiện tụng.

Về các vấn-đề thuộc việc mở-mang sự cày-cấy trong xứ này, thì bản-chức đã minh-thuyết tại canh-nông-phòng, tưởng cũng không cần phải thuật lại đây nữa. Nhưng cũng nên nhắc lại lẽ cần phải tuân-theo đúng như các điều đã kể trong tờ chu-tri của bản-chức cho chữ ngày 20 Décembre 1921 về việc phòng bệnh dịch trâu bò. Năm nay mà trâu bò bớt hại đã được khá, thì không những là bởi tại năng dùng phép điều-trị, cốt bởi tại các quan tỉnh gia-tâm hiểu bảo dân tuân theo lệnh trên, thực là đáng khen. Về phần các ông thì cũng nên dùng hết thế-lực riêng mà hiểu bảo cho dân các ông đại-biểu cho ở nơi hội-đồng này được biết các điều-lệ đặt ra ấy cũng là lệ mới về các lò sát-sinh trong các tỉnh hạt đều là cốt giữ cho chúng-dân, là vì trâu bò là một cái tư-bản rất quí cho dân chốn hương-thôn, nên phải bảo-

toàn, dẫu cho có phải ra lệ nghiêm-cấm làm cho sự giao-dịch có trở-ngại ít nhiều, thì cũng phải chịu không thể tránh được.

Chính-phủ Bảo-hộ vẫn lo trù-nghĩ cho việc trồng cây được thêm lợi lên, để cho phần sinh - nhai dân chốn hương-thôn được tăng-tiến lên. Mà đạt được mục-đích đó, thì có hai cách khác nhau. Một là việc dẫn-thủy-nhập-điền, thì hiện có tấn tới nhiều. Các sông ngòi trong hạt Vĩnh-yên đã sắp xong. Còn thuộc về Sông-cầu, thì mới cho đấu-giá đắp cái hoành - triệt và đào con sông chính. Còn về khu Kẻ-Sặt, năm ngoái gọi đấu-giá không thành, thì nay hiện đương trù tính lại. Các công việc đó khi xong được, thì trong một khu đến hơn hai mươi vạn mẫu tây, sự cày cấy sẽ thêm lợi nhiều. Lại trong các sở nông-phố vẫn chuyên thi-nghiệm cách giống cấy mới cho thích-hợp địa-thế; phần kết-quả ấy sẽ đem truyền-bá ra, nhà nước sẽ thứ-đệ lập trường diễn-giải cho dân, như đã bắt đầu làm một sở tại tỉnh Hải-dương. Khi đã lập các sở ấy, thì sẽ thành một cách truyền-bá các giống thóc đã lựa trong các thứ thóc có lợi cho nhà nông-gia, rồi dần dần giải-quyết xong được vấn-đề ấn-định được các thứ lúa bản-xứ, điều đó đáng mong cho thành-hiệu.

Bản-chức lại liệu cách cho các xã-dân đã có sẵn chi-thu được tiện mua chịu đồ bón ruộng, thì cũng là một cách khích-khuyến nông-dân dùng đồ bón cho nhiều. Khi có thể làm cho địa-sản thêm nhiều, thêm tốt ra. Nếu cách ấy thành-hiệu được, thì sau có thể nhân đó mà nghĩ thiết-lập ra một cuộc giúp việc nông-vụ hoàn-toàn hơn nữa.

Bản-chức cũng lược kể cho các ông rõ công lao sở Kiểm-lâm, bảo-thủ chốn lâm - phận, tổ - chức cách lợi - dụng lâm - sản cho có tiết - độ và lại cho được thêm những thứ gỗ quí ra. Trong bản-xứ các kỹ-nghệ hiện phát-đạt cần dùng nhiều, cho nên phải kíp trù nghĩ bảo - toàn lâm-sản về tương-lai. Nên mỗi năm việc tu-bổ lại chốn lâm-phận thì có gia-tăng lên, mà từ năm ngoái số hạt giống cây tốt phát đi có nhiều gấp ba lên, Cốt là phải sao cho dân cũng giúp tay vào, nên chỉ có đặt ra khoản tiền thưởng nhiều ít tùy theo phần kết-quả. Do cách ấy thì các xã dân vừa có cơ được lợi trông thấy ngay, vừa có cơ gây lên được một cái lâm - phận về sau tuần-tự lấy lợi.

Nhưng sự truyền - bá những điều cần nên biết về ích-lợi chốn lâm-phận về việc cần phải tu-bổ lại lâm - phận, về việc đốt rừng quá độ làm xẩy thành tai-hại, thì phần công-hiệu còn hẹp, tại dân không theo, không thiết đến, vẫn hay rằng Chính-phủ đã dùng nhiều cách để truyền-bá đi, như phát sách bằng tiếng An-Nam cho các trường, cho quan-lại, tổng-lý. Cho nên cũng cần các ông phải giúp tay vào mà cổ-động cho dân tỉnh-ngộ lại, bản-chức mong vì công-ích các ông sẽ dùng hết nghị-lực và thế-lực riêng mà giúp Chính-phủ trong vấn-đề ấy.

Vấn-đề giáo-dục thì vẫn tuần - tự quảng-khai ra. Như bản-chức đã biểu-bạch ra với các ông năm ngoái thì sự mở thêm trường phải tùy theo số người đi dạy có sẵn mới được. Chiêm-nghiệm ra thì thực vấn-đề ấy không cốt là [illegible] cho nhiều thày chính hay phụ, c[illegible] thực ở cái giá-trị của thày. Vì v[illegible] đến ngày 1er Janvier 1923 thì t[illegible] sư-phạm mới được một lớp tốt-ng[illegible] đầu hết. Còn như phụ - giá[illegible] lập ra lớp học ôn, sẽ phải t[illegible] cắt phần nhiều phụ-giáo hiện đương tòng-sự về học với hạng sơ-bồ. Nh[illegible] thế tất nhiên phải có tri hoãn, thì s[illegible] sự giáo-dục mới trông kết-quả h[illegible]

được; tuy nhiên số trường dạy cũng kể điều-độ có thêm lên. Kể năm nay thì trường cụ-đề dạy con giai sẽ được 51 trường, dạy con gái được 34 trường cộng là 85 trường đối với năm 1921 chỉ được 67 trường.

Số trường mà chính-phủ cấp công-ngân cho trước có 80, bây giờ được 150. Năm 1921 còn 652 tổng-sư, quanăm nay còn có 454 người, đó là một cái minh chứng giá-trị các thầy có phần tăng tiến lên. Còn số học trò năm 1920 được bốn vạn, năm 1921 được bốn vạn tư, sang năm nay lại được quá số năm vạn.

Vả lại Chính-phủ không những là chỉ chăm mở việc học cho rộng, cho mau trong các tỉnh Trung-châu mà thôi đâu. Cận-lai dân miền Thượng-du ắt tưởng tượng có phải thua thiệt ít nhiều về vấn đề giáo-dục, nhưng kỳ thực duyên do ấy là chỉ tại ít thầy biết đủ các thứ tiếng nói Thổ-dân Thượng-du, và lại người Trung-châu ít khi tình-nguyện lên dạy trên ấy. Đến các công-sở cũng gặp phải sự trở ngại đó. Vả chăng Chính-phủ có ý để cho dân các miền Thượng-du được cứ giữ lấy thái-độ riêng của mình, không ép phải luyện tập phong-hóa người Hạ-du, cho nên chỉ có một phương-pháp tiện là tuyển dụng người thổ-trước: nhưng trước phải có dạy dỗ, luyện-tập rồi sau mới có người mà tuyển được. Vậy cho nên năm ngoái bản-chức đã lập ở Bắc-cạn, Hoà-bình, Chợ-chu có trường cho học-trò tiện ăn ở và học trong trường. Mà năm nay lại sẽ tập ở Sơn-la và Yên-bình có trường như thế nữa. Con các nhà hào-trưởng thuộc dân Mèo, Thái, Mường, Mán, vânvân.... không phải đi xa mà cũng có thể học được chương-trình sơ-cấp; rồi về sau khi đã rạng khá rồi, đã lựa đi một lượt rồi, thì sẽ lấy những hạng sáng hiểu hơn cho về trường Bảo-hộ, ngồi riêng một ban để luyện nhân-tài, tương-lai bổ-dụng giáo-sư phụ hay chính, thư-ký và đến làm quan cai-trị trên miền thượng-du nữa. Như vậy sẽ giải-quyết được một vấn-đề quan-trọng về việc khai-thác các chỗ biên-cảnh ấy.

Các việc cải-lương bản-chức mới lược kể đây, thì đều đã tính ra công-nhu các khoản trong ngân-sách toàn-hạt giao cho hội-đồng các ông xét, mà thuộc ngân-sách ấy bản-chức tóm lại để các ông quán lấy hết ý-nghĩa.

Các ông đã rõ quan Toàn-quyền đã đặt ra một hội-đồng việc hộ-chính, hội-đồng ấy đã xét hiện-tình ngân-sách các xứ và trù-nghĩ cách cho các ngân-sách ấy việc chi ra thu vào được cân xứng luôn. Quan Toàn-quyền chưa có chuẩn-y các lời thỉnh-cầu của hội-đồng ấy, thì chưa có thể lập ngân-sách nhất-định được. Nhưng cũng đã tùy tình theo lấy chính-ý các lời thỉnh-cầu ấy, mà định ngân-số gia-cấp cần phải tính trước để lập cho thành ngân-sách có hiệp-thức, số gia-cấp ấy sẽ tùy-nghi trích lấy trong ngân-sách Đông-Pháp.

Ngân-sách tổng-cộng số chẵn là 15 triệu, thì tùy những việc thiết-yếu như việc y-tế, việc giáo-dục sẽ tuần-tuần phải mở rộng ra, nhưng số tổng-cộng ấy xê-xích kể cũng bằng số ngân-sách năm ngoái. Vậy năm nay những khoản nhu-phí to hơn thì thuộc việc giáo-dục mười thành (10%) việc y-tế bảy thành (7%), việc công-tác mười bảy thành rưỡi (17,5%. Như vậy thì trong ngân-sách có thể để ra hai triệu chi dụng vào việc khai-thác bản-xứ một triệu chi vào khoản tu-bổ đê đường, cầu cống, một triệu chi riêng vào khoản công-tác mới. Trong số một triệu để chi việc công tác mới ấy thì bản-cức đã định trích ra 37 vạn để riêng vào khoản đắp đường, sánh với trước thì kể gấp bội. Bản-chức xét thuộc phương-diện chính-trị cùng phương-diện kinh-tế, thì số đường sá trong

bản-xứ lâu nay xét ra chưa đủ, bây giờ phải kịp đắp thêm ra. Đến các năm về sau bản-chức định cũng còn chuyên vào việc ấy để cho được tiện lợi việc khai-khẩn. Công-ngân ấy thì riêng ra một khoản, chứ không có can-thiệp gì với các khoản trong ngân-sách Đông-Pháp đã để ra chỉ riêng vào việc dẫn-thủy nhập-điền và tu-bổ các đường mà phí khoản thuộc ngân-sánh ấy chịu.

Bản-chức thiết vọng quan Toàn-quyền rõ tình-thế thì ngài sẽ chuẩn-y cho như lời hội-đồng hộ-chánh thỉnh-cầu, vì thuộc bản-hạt thì lời thỉnh-cầu ấy cũng là thích-hiệp theo như vậy thì ta cũng có thể trông mà tuần-tự thực hành được các chương - trình thuộc việc kinh-tế, việc chỉnh-lý xã-hội. Nếu mà quan trên không chuẩn cho như lời hội-đồng xin thì thiệt đáng tiếc, vì có phải giảm công-ngân đi thì tất nhiên phải giảm vào khoản công-tác, vì chỉ có một khoản ấy là có cơ giảm được mà thôi. Chứ như các khoản khác, thì ngân-số đã phù-hợp với ngạch giáo-sư, thái-y quan, thú-y quan, không thể giảm đi được. Còn đến các khoản kinh-phí về chính-giới, hoặc về động tĩnh, thì có thể giảm được thế nào đã giảm rồi, vả chăng quan lại nguyệt-bổng chỉ vào các khoản ấy thì đều thuộc quyền quan Toàn-quyền bổ-dụng.

Năm ngoái ngân-số thuộc khoản công-tác, chỉ có chín thành (9°/o) bởi tại số xin gia-cấp cho phải giảm bớt đi, không được cấp đủ như số đã xin. Trong khi giảm số công-ngân ấy, thì cũng có sinh ra điều chỉ-trích, kể cũng là đúng, tuy-nhiên không phải là bản-chức cố-ý muốn xảy ra như thế. Nay nên tiên-cơ đi, bản-chức sẽ hết lòng biểu-bạch cho quan Toàn-quyền rõ lẽ năm nay cần phải cấp cho ta đủ công-ngân để lập - thành ngân - sách các khoản kinh-phí tính theo như hạn-chế bản-chức đã vừa kể đây, có được như thế, thì mới kể là điều-độ, thích-hợp với hiện-tình bản-xứ.

Bây giờ tổng-kết lại bản-chức nói mấy lời để các ông rõ hiện - tình hộ-chính bản-xứ. Năm 1921 mới cộng sổ xong, thì số tiền thu vào so với số chi ra, dư được 325.000 $. Nhưng thế mặc lòng việc hộ-chính cũng chưa phải là thực thịnh-vượng. Số dư ra ấy chẳng qua cũng là vì thốt - nhiên dồi tiền đồng mới tiêu - thụ đi được gần 200.000 $, và còn lưu lại gần 300.000$ các khoản không phải chi-dụng đến. Nhưng thuộc về năm 1921 ấy lại phải trích vào công-ngân hơn 200.000 $ để chi các khoản kinh-phí trước còn di lại.

Song đến năm 1922 này sự chi-thu được điều-độ, thì có lẽ trông qua mồng một tháng giêng tây sang năm các khoản kinh-phí cũ còn di lại sẽ liệu-lý được xong cả. Như thế hiện-tình hộ-chánh là được điều-độ.

Tuy số tiền lưu-hạ hiện bây giờ chỉ được đúng bằng số tối - thiểu lệ hộ - chính đã hạn, nhưng cũng không đem tiền còn dư năm 1921 mà thêm vào sổ lưu-hạ ấy được mấy, và cần phải hoàn lại mấy khoản tiền ngân-sách Đông-Pháp đã ứng trước cho. Nhưng bản-chức trông qua sang năm trở đi thì có thể gia thêm vào tiền lưu-hạ ấy được nhiều hơn.

Vì trong bản-xứ năng thốt-nhiên bị hạn lạo, tai biến, nên cần lúc nào số tiền lưu-hạ cũng phải sẵn có đến n[illegible] sáu mươi vạn đồng. Trong mấy n[illegible] vừa rồi hạnh-phúc không đến nỗi [illegible] thủy-tai, nhưng cũng không nên q[illegible] cái cảnh-tượng đã quá-khứ, và nên tiê[illegible] cơ về tương-lai. Đó là mục-đích b[illegible] chức có ý đạt đến cho được, nên [illegible] chức trông rằng việc kinh-lý tài-chính sẽ nghiêm nhặt, lo lường để trong ít lâu số tiền lưu-hạ được bằng số đã nói đây để tiên-cơ về sau.

Xét hiện tình Bắc-kỳ như bản-chức mới biện-bạch ra đây, thì trông đến việc tương-lai không phải lo ngại gì. Trong khi bàn xét ngân-sách thì có những sự nhu-dụng gì hoặc thuộc toàn-kỳ, hoặc thuộc tỉnh hạt nào, đáng phải liệu-lý đến, thì xin hội-đồng các ông cứ nói, rồi thì Chính-phủ làm được đến đâu sẽ làm đến đó.

Vả về phần riêng các ông cũng đã rõ Chính-phủ vẫn lo toan cho hết lẽ đồng-tâm hiệp-lực với các cơ-quan đại-biểu cho người Pháp và người Nam trong bản-xứ. Vì Chính-phủ công-nhận rằng : có đồng-tâm, hiệp-lực, góp tài, thì rồi xứ này là nơi ta đều rất luyến-ái mới phát đạt thịnh-vượng được.

Sau hết bản-chức xin biện-bạch rằng : thấy Chính-phủ và các cơ-quan đại-biểu bản-xứ hai bên vốn được hòa thuận, tín-ái nhau thì bản-chức lấy làm thỏa tâm. Vậy xin có lời cảm ơn các bậc đã có lòng giúp bản-chức, giá-trị sự tán-thành đó bản-chức xin công-nhận, vì có sự tán-thành đó thì cái chương-trình đã cùng với các hội-đồng đại-biểu thỏa-hiệp, mới có thể thực-hành được, mà trông sự khai-hóa đất Bắc-kỳ sẽ có phần kết-quả hay.

Âu-hải qui-thuyền

Bản-chí chủ-bút PHẠM-QUỲNH *tiên-sinh đi dự cuộc Đấu-xảo Marseille và đi diễn-thuyết các học-hội Paris mới về đầu tháng chín tây này, đồng-liệt chư thân-hữu có đặt tiệc trà hoan-nghênh ông tại tòa báo Nam-Phong, và có bài hát « Âu-hải qui-thuyền » để kính mừng, lục đăng như sau này :*

Khúc hát

Phạm Thượng-chi tiên-sinh, như Tây [nhi diễn-thuyết,
Giá đã nên Pháp, Việt nhân-tài.
Cuộc phong-vân may-mắn một mình ai,
Chiếu danh-dự để riêng người văn-học.

Thử khứ Ba-lê đình thượng ngọc,
此去巴黎庭上玉。
Qui lai Long-đỗ lĩnh đầu hoa.
歸來龍肚嶺頭花。
Bút Tuyết-sơn, nghiên Hồng-hải, mực [Nhân-hà,
Câu văn mới để làm quà cho người [nước.
Cành dương-liễu chia tay thủo trước,
Chén hoàng-hoa họp mặt hôm nay.
Làng văn-chương phi-biến rắp phen [này.
Ngôi trùm-trưởng hỏi mấy tay Yên, [Hứa ?
Vẻ quốc-hoa đợi cơn nồm đua nở,
Khúc Nam-huân đây đó tụng-huyền.
Tình-tang « Âu-hải qui-thuyền » !

Tùng-Vân đạo-nhân kính thảo

Ai tín — Bản-quán được tin buồn rằng cụ lớn-bà Thái-xuyên Hoàng tướng-Mã phu-nhân mới tạ-thế trưa ngày 27 Septembre tại Hưu-đệ tướng-công ở Thái-vô ; đến sáng 17 tháng 8 ta làm lễ cất đám táng tại sinh-phần trong qui-ấp. Phu-nhân hưởng phúc toàn-qui, thực không di-hám. Nhưng nhân-sĩ trong nước đối với một nhà thế-thần như nhà tướng-công mà có sự bi-ai đó, thì ai là chẳng ngậm-ngùi tiếc.

Bản-quán xin có lời kính viếng cụ-lớn-bà và chia buồn cùng qui-quyến.

Kính-tạ

Nhà in Mạc Đình-Tư có tặng Bản-chí một quyển truyện **Nữ Lưu-Tướng** diễn-ca của qui-hiệu mới xuất-bản, vậy xin có lời kính-tạ.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Tờ biên-bản kỳ hội-đồng quản-trị ngày 20 tháng chín tây 1922. — Các hội-viên hội-đồng quản-trị hội Khai-trí tiến-đức đã họp tại nhà công-quán ngày 20 tháng chín tây 1922, hồi 4 giờ chiều để bàn những việc đã ghi vào chương-trình kỳ hội-đồng ấy.

Quan Hoàng Trọng-Phu, Hội-trưởng hội Khai-trí tiến-đức làm chủ-tọa.

Những ông kê tên sau này có mặt tại hội-đồng, các ông : Marty, Trần Văn-Thông, Nguyễn Hữu-Thu, Bạch Thái-Bưởi, Phạm Văn-Thụ, Mai Trung-Cát, Lê Trung-Ngọc, Nguyễn Năng-Quốc, Nguyễn Tất-Tế, Nghiêm Xuân-Quảng, Đào Huống-Mai, Đỗ-Thận, Lê Văn-Phúc, Phạm Quỳnh, Trần Viết-Soạn, Phạm Văn-Khoan, Phạm Mạnh-Xứng, Trần Trọng-Kim, Phạm Huy-Lục, Hoàng Quang-Hương, Nguyễn-Thành, Lê Thành-Ý, Nguyễn Văn-Tâm.

Những ông có tên sau này có giấy cáo, các ông : Quan nguyên Khâm-sứ Tissot, danh-dự hội-trưởng, Hoàng Hữu-Đôn, Bùi Huy-Tín.

Những ông sau này đi vắng, các ông : Từ Đạm, Nguyễn Hữu-Ích, Vũ Ngọc-Hoánh, Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Duy-Tốn, Nguyễn Kim-Lân.

Ông Nguyễn Qui-Toản, quyền tổng Thư-ký giữ việc giấy-má trong kỳ hội-đồng ấy.

1. *Hoan-nghênh ông Phạm Quỳnh.* — Đúng 4 giờ chiều quan Hội-trưởng khai hội-đồng, ngài thay lời hội-đồng mà chúc mừng ông Phạm Quỳnh đã đi đại-biểu Hội ở bên Đại-Pháp mới về. Cử-tọa đều vỗ tay mừng.

Ông Phạm Quỳnh đứng lên nói cám ơn Hội đã cử ông sang dự cuộc Đấu-xảo ở Marseille, ông thuật qua về việc ông đi du-lịch, ông đã diễn-thuyết nhiều lần ở Paris nói qua về lịch-sử nước Nam, về mục-đích hội Khai-trí tiến-đức. Sau, ông hứa rằng rồi ông sẽ diễn-thuyết rõ-ràng các công chuyện ông đã quan-sát được ở bên Đại-Pháp. Cử-tọa đều vỗ tay.

2. *Trình công-cuộc Ấu-trĩ-viên.* — Quan Hội-trưởng, trình hội-đồng rằng : Ngài đã viết giấy xin quan Thống-sứ thông đạt cho các quan Công-sứ các tỉnh để các quan lưu-tâm về việc Ấu-trĩ-viên của Hội.

Ngài lại nói rằng đã lập thành được một cái Ấu-trĩ-viên ở làng Phương-trung và lại đang lục-tục lập một vài cái nữa, nhất là cái ở Thanh-Liệt.

Ông Nguyễn Qui-Toản đọc bản nói về việc cổ-động cuộc Ấu-trĩ-viên để hội-đồng nghe. Quan Nguyễn Năng-Quốc hỏi ý hội-đồng có nên nhận trẻ con thơ độ một tuổi không ? Quan Hội-trưởng đáp lại, rằng không nên nhận trẻ con ít tuổi quá, nếu nhận từ một tuổi trở đi thì một ngày kia số trẻ con nhiều quá không có thể mượn đủ vú sữa cho trẻ con bú. Vậy như hội-đồng đã định thì chỉ nên nhận trẻ con từ 3 tuổi cho đến 7 tuổi mà thôi.

Ông tổng Thư-ký lại đọc một bài cổ-động quyên tiền giúp cuộc Ấu-trĩ-viên. Bài ấy có đăng ở đầu báo Nam-Phong kỳ này và các nhật-báo. Quan Hội-trưởng xin các ông hội-viên lưu-tâm cổ-động giúp cuộc lạc-quyên ấy cho thành hiệu.

3. *Trình bản sơ-thảo về việc lập một ban Văn-học.* — Quan Marty nhờ ông Phạm Quỳnh đọc bản sơ-thảo về việc [illegible] một ban văn-học để hội-đồng nghe. [illegible] Phạm Quỳnh nói rằng nên đặt là một [illegible] văn-học thì nhã hơn là đặt tên một [illegible] Hàn-lâm. Trong ban ấy đại-khái xếp [illegible] như sau này :

1· Dịch sách ;
2· Thi văn-chương ;
3· Thưởng sách hay ;
4· Làm tự-điển ;
5· Hội bình-văn.

Ban văn-học ấy tạm cử lấy 1-2 ông hội

viên, rồi dần bầu lên tới 30 ông.

Hội-đồng quản-trị định đến kỳ hội-đồng sau sẽ bàn định một cách xác-đáng việc tổ-chức ban Văn-học ấy. Các điều khoản dự bàn lập ban Văn-học ấy đã lục đăng ở trong Nam-Phong kỳ này từ trang 220-222.

4· Việc thay đổi mấy ông hội-viên không bao giờ đến dự hội-đồng hãy hoãn.

5. *Việc linh-tinh.* — Ông Nguyễn Qui-Toản trình hội-đồng một lá thư của ông Hoàng Hữu-Đôn gửi về thỉnh-cầu mấy việc, thì hội-đồng xét ra những điều ông thỉnh-cầu đó tòa trị-sự đã thi-hành rồi. Hội-đồng quản-trị chỉ y lời ông Hoàng Hữu-Đôn xin hội phái ông Phạm Quỳnh đi diễn-thuyết cổ-động mục-đích Hội và việc lập Ấu-trĩ-viên cùng sự ông quan-sát lúc ông đi du-lịch bên Đại-Pháp.

Quan Marty nói rằng việc này rất có ích, ngài sẽ thương-thuyết với quan trên, để cử ông Phạm Quỳnh và mấy ông nữa đi diễn-thuyết trong các tỉnh.

Quan Hội-trưởng trình với hội-đồng rằng quan Toàn-quyền Đông-Pháp mới trợ-cấp cho Hội ta sáu nghìn đồng bạc.

Đến 6 giờ rưỡi tối, không ai thỉnh-cầu ngôn-luận việc gì nữa, thì hội-đồng giải-tán.

Chánh Hội-trưởng
HOÀNG TRỌNG-PHU

Quyền tổng Thư-ký
NGUYỄN QUI-TOẢN

trà mừng quan Toàn-quyền đến. — Phòng ăn của Hội-quán ngày hôm ấy trang-hoàng rất là lịch-sự, các hội-viên đến dự tiệc trà rất là đông lắm, xin kể những vị đã nhớ được là : Quan Toàn-quyền Baudoin, quan Thống-sứ Bonguillot, quan Khâm-sứ Pasquier, quan Chánh sở Kiểm-sát tài-chính Norès, quan Bác-sĩ Le Roy des Barres Chánh Y-viện Bắc-kỳ, quan Chánh Le Prévos và quan phó André ở văn-phòng quan Toàn-quyền, Đại-úy Thierry quan hầu quan Toàn-quyền, các quan Cai-trị Marty, Douguet phủ Toàn-quyền, quan Đại-úy Schérer, quan Đồng-lý Poulin phủ Thống-sứ, quan Cai-trị Manau, thư-ký riêng quan Thống-sứ, M. Szimanski quản lý nhà Ngân-hàng Đông-Pháp, quan Đại-tá hưu-trí Boniliscy, quan chủ-sự sở Kho-bạc Gébin, hai ông luật-sư Berthelot và Baffeleuf, quan Thanh-tra De Feyssal sở văn-tự, quan Đốc-học Finot trường Bác-cổ vân. vân. Nam-quan thì có gần khắp các quan có chân trong hội-đồng quản-trị. Quan Thượng-thư Thân Trọng-Huề mới ở kinh ra cũng đến dự tiệc.

Quá 9 giờ thì quan Toàn-quyền cùng các quan ở văn-phòng ngài tới nơi, khi các quan yên vị thì quan Thiếu Hoàng Trọng-Phu là hội-trưởng Hội Khai-trí có nói mấy lời đại-khái như sau này ;

Bẩm quan Toàn-quyền,

Tôi xin thay mặt hội-đồng quản-trị kính tỏ mấy lời cảm-tạ quan lớn đã hạ-cố tới đây buổi hôm nay, thật là hân-hạnh cho chúng tôi lắm. Chúng tôi được tiếp quan lớn tại nhà công-quán này là nơi họp mặt của các bậc thượng-lưu Pháp-Việt thì lấy làm hoan-hỉ vô-cùng.

Hội chúng tôi tuy mới lập thành được vài năm nay, song nhờ được các quan Toàn-quyền trước và quan lớn cùng quan Thống-sứ Bắc-kỳ giúp về đường tinh-thần và đường tài-chính, thì ngày nay đã thực-hành được một phần trong cái chức-vụ của chúng tôi là cái chức-vụ khiến cho những bậc thượng-lưu hai nước được thân-cận để mở mang cái trí-dục và đức-dục của người đồng-bang chúng tôi.

Không kể cái nhà công-quán này là nơi hội-viên người Pháp người Việt ngày ngày có thể gặp nhau kết thân với nhau, vừa đây chúng tôi lại xướng lập ra một hội văn-học và mĩ-thuật để tưởng-lệ cho các nhà trước-tác và các nhà mĩ-thuật An-

Nam cùng là lập ra những Ấu-trĩ-viên các làng Bắc-kỳ, để nuôi các con trẻ thơ ngây giúp các nhà vì phải đi làm lụng mà không thể coi sóc lấy được.

Cái công-cuộc chúng tôi định làm rất là to-tát, nhưng nhờ được các hội-viên Tây Nam hết sức giúp đỡ, nhờ được Chính-phủ có lòng hảo-hậu phủ-trì cho chúng tôi mong rằng có thể noi tới cái mục-đích.

Cho được tỏ lòng ân-nghĩa đối với quan-lớn, thì chúng tôi xin kính mời ngài xơi chén nước trà, tại cái nhà này là cái tiêu-biểu của hai nước, Pháp Việt đề-huề vậy.

Quan Thiếu nói xong, cử-tọa đều vỗ tay mừng, rồi đến ông Phạm Quỳnh mới ở Pháp về, nói về cái sự kết-quả cuộc du-lịch của ông, là vì cuộc du-lịch ấy mà nay ông rất tin cậy ở cái công-cuộc của Hội Khai-trí là công-cuộc khiến cho hai nước Pháp Việt được thân-cận nhau vậy. Toàn-văn ông đọc đã dịch đăng trong Bản-chí kỳ này trang 222-225. Độc-giả xin cứ xem đó thì rõ.

Ông nói xong, cử-tọa đều vỗ tay hồi lâu. Đoạn rồi, quan Toàn-quyền cùng các quan và các viên hội cùng chụp ảnh để kỷ-niệm, một bức ở trước phòng ăn và một bức ở trước cửa công-quán.

Khi gần trở về quan Toàn-quyền có nói mấy lời cảm ơn quan Hội-trưởng cùng Hội Khai-trí đã mời ngài tới dự tiệc trà trong buổi hôm nay, ngài nói cái chủ-nghĩa Pháp Việt đề-huề là cái chủ-nghĩa Đại-Pháp vẫn muốn khởi-xướng đã lâu, ngay từ hồi quan cố Toàn-quyền Paul Bert, đến hai quan Toàn-quyền Albert Saraut và Maurice Long cũng vậy.

Hội Khai-trí thành lập trong cái thời-kỳ có hai vị đại-hiến ấy, thì thật là có cơ phát-đạt lắm vậy. Trước khi ra về ngài có chúc cho Hội Khai-trí được vững bền mãi mãi.

Đến quá 10 giờ các quan và các hội-viên mới giải-tán.

.˙.

Hội-đồng chủ-sự cuộc Ấu-trĩ-viên

Tờ biên-bản kỳ hội-đồng chủ-sự cuộc Ấu-trĩ-viên họp ngày 21 tháng chín tây. — Hồi 6 giờ chiều ngày 21 tháng chín tây, tức là mồng một tháng tám ta, hội-đồng chủ-sự cuộc Ấu-trĩ-viên đã họp lần thứ nhất tại nhà Công-quán hội Khai-trí-tiến-đức để bàn những việc sau này:

1o. Việc định những phương-pháp vệ-sinh để thi-hành trong các Ấu-trĩ-viên.

2o. Việc chọn các bảo-mẫu.

3o. Việc chọn khu đất ở gần thành-phố Hà-nội để lập một Ấu-trĩ-viên làm mẫu.

Quan nguyên Khâm-sứ Tissot, Chánh-hội-đồng làm chủ-tọa.

Có mặt ở hội-đồng là những ông: Quan Marty, tổng thư-ký; Phạm văn-Thụ, Phó-hội-trưởng; Dr Coppin, Luật-sư Berthelot, Lê Trung-Ngọc, Nguyễn Tất-Tế, Đỗ Thận, Bùi Đình-Tá, Nguyễn Quí-Toàn, Phạm Mạnh-Xứng, Phạm Huy-Lục, Trương Hán-Thu, Nguyễn Viết-An, Trần-Viết-Soạn, Lê Thành-Ý.

Dự hội-đồng có quan Thiếu Đặng Đức-Cường và quan Tuần Nguyễn Năng-Quốc.

Quan Dr le Roy des Barres và ông Bạch Thái-Bưởi có giấy cáo.

Vắng mặt ở hội-đồng là những ông: Quan Thiếu Mai Trung-Cát và quan Tổng-đốc Trần Văn-Thông.

Đúng 6 giờ thì Quan Khâm-sứ Tissot khai hội-đồng.

1o. Việc định phương-pháp vệ-sinh để thi-hành trong các Ấu-trĩ-viên:

Hội-đồng bàn-bạc hồi lâu rồi c[illegible] Dr Coppin thảo một bản định các [illegible] pháp vệ-sinh để thi-hành trong các [illegible] viên.

2o. Việc chọn các bảo-mẫu [illegible]

Việc này hội-đồng định giao quyền cho các đại-biểu của Hội ở các tỉnh xét cho [illegible] rồi trình duyệt sau.

3o. Việc chọn khu đất ở gần thành [illegible] Hà-nội để lập một Ấu-trĩ-viên làm mẫu:

Hội-đồng định rằng sẽ chọn một làng nào ở gần thành-phố hoặc ở vào hạt phủ Hoài hay là hạt huyện Hoàn-long và tiện đường xe điện, Hội sẽ giúp cho làng ấy mở Ấu-trĩ-viên rồi nhân đấy lấy làm mẫu và làm chỗ cho các bảo-mẫu nơi khác đến đấy học tập. Việc này hội-đồng ủy quan Thương-tá Hà-đông Nguyễn Tất-Tế xét xem thế nào rồi xẽ trình lại cho Hội-đồng biết.

4o Việc linh-tinh :

— Quan Chánh-hội-đồng nói rằng ngài đã viết giấy cho mấy quan Tổng-đốc và mấy quan Tuần-phủ mấy tỉnh để nhờ các quan làm đại-biểu cho Hội ở các tỉnh, thì có quan Tuần Kiến-an Nguyễn Đình-Qủy đã phúc-thư lại nói rằng ngài vui lòng nhận và giúp việc cho Hội.

Còn những các ông đại-biểu khác, thì hội-đồng lại xin quan Chánh-hội-đồng viết thư nhắc lại cho.

Đến bây giờ, không ai thỉnh-cầu ngôn-luận việc gì nữa, thì hội-đồng giải-tán.

Chánh Hội-đồng. H. TISSOT — *Tổng thư-ký.* L. MARTY

. . .

Hội-đồng các bà giúp cuộc Ấu-trĩ-viên. — Hội-đồng quản-trị đã nhờ bà Hoàng Trọng-Phu lập một Hội-đồng các bà An-Nam để giúp Hội-đồng chủ-sự vào cuộc Ấu-trĩ-viên, Hội-đồng ấy có những bà này đến họp Hội-đồng, các bà: Hoàng Trọng-Phu, Lê Trung-Ngọc, Trần Văn-Thông, Chế Quang-Ân, Đỗ Đình-Thuật, Đào Huống-Mai, Nguyễn-Liên, Phạm Kế-Lợi, Đồng-Thịnh, Leroy, Phạm Quỳnh, Nguyễn Quí-Toản. Quan Hoàng Trọng-Phu Trưởng-hội Mấy-trí tiến-đức, quan Lê Trung-Ngọc vô-c quản-Lý cuộc Ấu-Trĩ-viên và đu Nguyễn-Quí-Toản, Thư-ký có đến ư hội-đồng.

h trị 4 giờ rưỡi, ông Hội-trưởng Khai- ội-đồng, ngài nói tả cái tình khốn-khổ của trẻ con nước ta để các bà nghe, sau ngài nói đã thí-nghiệm lập Ấu-trĩ-viên trong vài làng nhất là ở làng Phương-trung thì đã có kết-quả. Ngài lại nói nên nhận những trẻ con từ 3 tuổi cho đến 7 tuổi và cách lập Ấu-trĩ-viên thế nào. Sau ngài lại nói đến cách dùng những bảo-mẫu.

Quan Hoàng Trọng-Phu và quan Lê Trung-Ngọc cùng nói nên mau lập Ấu-trĩ-viên để độ cứu lấy trẻ con nghèo-khổ nước ta, xin các bà hết lòng giúp cho thành việc, nhất là đi dủ nhiều các bà để quyên lấy tiền thì mới làm được việc.

Bà Đào Huống-Mai và bà Đồng-Thịnh xin nên để một cái hòm (tronc) để ai muốn cho tiền mà ẩn-danh thì bỏ tiền vào. Bà Lê Trung-Ngọc nói rằng : Nên mời thật nhiều các bà An-Nam đến để hiểu-dụ cho các bà biết công cuộc Ấu-trĩ-viên.

Các bà nghe quan Hội-trưởng Khai-trí tiến-đức nói, đều cảm-thương những trẻ khốn-nghèo, đồng-tình hết sức giúm giúp cuộc Ấu-trĩ-viên cho thành.

. . .

Ngỏ lời quyên-trợ cho Ấu-trĩ-viên. — Bản-hội tiếp được lai-cảo của ông Hà Chí-Hiền ở Nam-kỳ tỏ lòng lạc-quyên giúp vào công-cuộc Ấu-trĩ-viên, tấm lòng quí hóa của ông thực là có nhiệt-thành về việc từ-thiện. Ông lại muốn biết rõ những vị nào xướng lập ra Ấu-trĩ-viên. Vậy xin nói để ông rõ: Nguyên công-cuộc Ấu-trĩ-viên là do các ông hội đồng quản-trị hội Khai-trí-tiến-đức xướng lập; trong hội-đồng ấy có đủ cả các quí-quan và Nam-quan cùng các nhà thân-hào, những phương-danh các ông ấy đã đăng ở bài Ấu-trĩ-viên trên mấy trang đầu kỳ này, xin cứ xem đó thì rõ. Còn tiền lạc-quyên xin cứ gửi cho ông thủ-quĩ Hội là ông Lê Văn-Phúc chủ nhà in Đông-kinh ấn-quán Hà-nội. Nguyên-văn lai-cảo lược đăng như sau này:

. . . . . Khinh tỏ cùng ba xứ : Nam Trung Bắc, là một nước Đại-Việt-Nam xưa nay, mà có người thường chưa biết; nên hay chia số người hình như hai nước vậy ; ngày nay là buổi giao-thông thời-đại, tôi rõ biết chắc rằng, người Nam với người Bắc cùng là người Huế (tục kêu Trung-kỳ) đó là một giống An-Nam, con cháu nhà Hồng-Lạc.

Nay nhờ có tòa báo Nam-Phong thức giấc mấy năm và các tờ báo khác hết lòng khai-hóa quốc-dân; vào cái đoàn thân-ái, cả tam-kỳ nối một dây liên-lạc, lần lần theo dõi các nước văn-minh, ấy là ơn-đức đó.

Mới rồi đây tôi xem báo Nam-Phong số 60 tháng Juin 1922 có một bài vấn-đề Ấu-trĩ-viên của nước ta, thì tôi lấy làm vui đẹp biết bao, mà tôi chưa dám chắc cái cơ-sở ấy có thể thành - tựu chăng; nay tôi lại đặng tiếp quyển báo Nam-Phong số 61 tháng Juillet 1922 có kế-tiếp cái bài Ấu-trĩ-viên kết-quả, mà trong bài ấy có vẽ đủ chương-trình đủ cách-thức cho chư khán-quan xem, mà lại có lời định chắc rằng nay mai sẽ khởi-công gây dựng cái nền Ấu-trĩ-viên nơi xứ Bắc-kỳ thủ-xướng, nên lòng tôi rất vui mà cả đẹp: Vui là vui cho nước nhà, nay có người đại-danh Lãng-sa Bảo-hộ . . . . .hết lòng thương-tưởng cho đoàn ấu-trĩ, đặng dự vào cái hạnh-phúc; còn tôi cả đẹp là đẹp mặt mở mày cho hội Khai-trí-tiến-đức của anh em ngoài Bắc trong Nam, khéo lo khéo tính khéo dùng hai chữ Khai-trí cho đàn em lũ cháu được nhờ. Vậy nên tôi đem lòng từ-thiện, hết ý kính-thành, xin hứa dâng một số bạc nhỏ mọn hai chục đồng, (20 $ 00) để giúp vào cuộc sáng-lập Ấu-trĩ-viên, và tôi xin ông chủ-bút thi-ơn cho tôi biết cái danh-thiếp người nào vị nào thủ-xướng sáng-lập đoàn Ấu-trĩ-viên, xin cho biết tên họ và chức-nghiệp rõ ràng, đặng tôi gửi mandat cho khỏi lo lầm lạc; cái thơ này trông tới tay ngài, mà ngài công-nhận rồi, thì tôi mới vui lòng an-trí. Nay kính

Ký tên HÀ CHÍ-HIỀN
Commerçant Vĩnh-long

. . .

Những ông bà có tên sau này đã quyên tiền giúp Hội

MM. Baudoin, Gouverneur Général.	100 $ 00
Le Docteur E. Carlerré Hanoi	100 $ 00
Poulin, Directeur des Bureaux à la Résidence Supérieure	50 . 00

Để dùng về cuộc Ấu-trĩ-viên:

Mme Bùi Thị-Bốn, Hà - nội (đã hứa quyên)	600 . 00
MM. Bùi Xuân-Thành, quản-lý báo Trung-Bắc. . . .	200 . 00
Lê Văn-Phúc, Đông-kinh ấn-quán.	100 . 00
Chu Vinh - Ninh, làm việc nhà báo Khai-Hóa (quyên cho Ấu-trĩ-viên làng Thanh-liệt).	30 $
Dương Trung-Giao, 27 rue du Sucre.	10
Mme Trương Quí-Bình, 20 rue vieille des Tasses	3
Veuve Nguyễn Liên, rue de la soie.	5
Đào Huống - Mai, rue Jules Ferry	5
Bà Cụ-Đề Thanh-trì. .	5
Leroy, Hanoi.	5
Đồng-Thuận, commerçante Hanoi	5
M. Nguyễn Tiến - Hàm, 7 rue des Caisses	3
Mme Changeant, institutrice en congé.	15
M. Nguyễn Đình - Giám, Chánh - tổng Thịnh - đức Hà-đông.	30 $ 00

Mme Ngô Thị-Quyên, (1 billet de loterie nº 57507).

MM. Phú-Văn-Đường, 95 rue du c[illegible] vre (1 bon Emprunt Indoch[illegible] 1922 nº 120269 = 2 $ 50).

Nguyễn Đình-Cung, entrepren[illegible] à Uông-bi, Quảng - yên (1 t[illegible] d'emprunt de 100 $ nº 0, [illegible] avec 13 coupons d'intérêts).

M. Khánh-Vân, village de Ngọc-hà (2 tá khăn torchons thì 1 tá cho làng Phương-trung và 1 tá cho làng Thanh-liệt).

.·.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng Septembre có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng trong các Hội-viên ngài nào có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

A. — Xin vào chân chủ-trì :

MM. 1. — Nguyễn Như-Tùng, buôn bán ở làng Viên-nội thượng-thôn thuộc phủ Ứng-hòa Hà-đông.

2. — Trần Văn-Quế, Bưu-chính thượng-hạng tham-tá, chủ nhà giây-thép Cao-bằng.

3. — Nguyễn Manh-Quý, Chủ nhà rượu Phú-thọ.

4. — Nguyễn Văn-Huệ, Propriétaire à Bạch-hạc Việt-trì. (*2 ông này do ông hội-viên Nguyễn Văn-Đinh giới-thiệu.*)

5. — Nguyễn Văn-Tự dit Một, chủ nhà hôtel à la Marines Hải-phòng (*do ông Trương Minh-Sanh giới-thiệu.*)

6. — Trần Hồng, Phán-sự tòa Án Hà-nội, 103 rue du Coton (*do ông Hoàng Quang-Hương giới-thiệu.*)

7. — Nguyễn Quảng-Xương, Professeur, 53 rue Jules Ferry Hà-nội.

8. — Thẩm Quỳnh, Professeur au Collège du Protectorat Thái-hà-ấp.

9. — Vũ Quang-Hiệt, Professeur au Collège du Protectorat 73 rue du Sông-tô-lịch.

10. — Nguyễn Văn-Nhân, Professeur au Collège du Protectorat 27 rue du Papier Hà-nội.

11. — Cao Văn-Lộc, Professeur au Collège du Protectorat, 62 rue Maréchal Pétain Hà-nội.

12. — Hà Văn-Bính, Professeur au Collège du Protectorat, 41 rue Bourrin Hà-nội.

13. — Trần Đức-Phú, Professeur au Collège du Protectorat Hà-nội.

14. — Vũ Tiến-Sáu, Professeur au Collège du Protectorat 63 rue Lamblot Hà-nội.

15. — Khương Bình-Tịnh, Etudiant en Pharmacien Ecole de Médecine Hà-nội.

16. — Nguyễn Lượng Etudiant en Pharmacien Ecole de Médecine Hà-nội.

17. — Hoàng Trung-Thứ, Thư-ký Đại-lý Nguyên-bình Cao-bằng (*do ông Trần Thọ-Huy giới-thiệu*).

18. — Nguyễn Văn-Khai, comptable à la Banque Industrielle de Chine Tiên-Tsin (Chine).

19. — Lương Xuân-Huy, Lý-trưởng làng Bất-lạo, tổng Lương-xá huyện Phú-xuyên Hà-đông.

20. — Lê Đình-Khoa, Propriétaire, phố Nam-ngư Hà-nội.

21. — Hoàng Hy-Tuấn, Pharmacien auxiliaire de l'Assistance médicale de l'Indochine à la Dion locale de la santé du Tonkin.

22. — Vũ Đình-Luận, Propriétaire Ruelle des Oignons Hà-nội.

23. — Trần Bá-Trung, Tham-tá Thương-chính, 43 Bd H. Rivière (*do ông Lê Văn-Ý và ông Đỗ Huy-Cảnh giới-thiệu*).

24. — Trần Văn-Nhân, Secrétaire au Gouvernement Général 20 rue Bourrin Hà-nội.

25. — Lã Quí-Chúy, buôn bán phố đệ nhất tỉnh Thái-bình.

26. — Trương Hán-Thu, Thầy thuốc Hà-nội.

27. — Nguyễn Văn-Dị, thầy thuốc ngạch Y-tế Đông-Pháp tại nhà Thương Hưng-hóa.

28. — Nguyễn Duy-Cần, Đốc-học trường Pháp-Việt Phú-thọ.

29. — Đỗ Đình-Thiện, Tri-châu, Thông phán tại tòa sứ Phú-thọ.

30. — Bùi Văn-Thiệp, Tham-tá tòa Sứ Phú-thọ.

31. — Nguyễn Sán, Tham-tá tòa Sứ Phú-thọ.

32. — Bùi Xuân-Trạch Thượng-hạng phán-sự tòa Phú-thọ. (*6 ông này do ông hội-viên Đỗ Uông giới-thiệu.*)

33. — Hoàng Minh - Vui, giáo - học Thanh-hóa.
34. — Ngô Qui-chấn, tri-huyện Yên-mỹ Hưng-yên.
35. — Tạ Công - Thọ, cửu-phẩm-văn-giai, làng La-phù tổng An-lũng phủ Hoài-đức Hà-đông.
36. — Nguyễn Qui-Kế, lý-trưởng làng Đại-mỗ, tổng Đại-mỗ phủ Hoài-đức tỉnh Hà-đông.
37. — Nguyễn Đức-Du, Hàn-lâm-viện Trước-tác, Négociant, 58 Bd Chavassieux Hải-phòng.
38. — Vũ Thành, Directeur de l'école Franco-annamite Tiến-ích rue Bourret Hà-nội.
39. — Nguyễn Khắc-Thư, thôn Đình-sơn, xã Liêu-hạ, tổng Liêu-xá, huyện Yên-mỹ, tỉnh Hưng-Yên.
40. — Đỗ Văn-Dị thôn Nho-lâm, xã Liêu-hạ tổng Liêu-xá huyện Yên-mỹ tỉnh Hưng-yên.
41. — Phạm Hữu-Qui, buôn bán, 107 phố hàng Bông, Hà-nội. (*do ông Nguyễn Qui-Toản giới-thiệu.*)
42. — Nguyễn Hược-Báu, Commerçant-Marché de Cauke (Traon), province de Cần-thơ, Cochinchine.
43. — Phạm Bùi-Tầm, Collaborateur du Trung-Bắc Tân-Văn à Phủ-lý (*do ông Nguyễn Văn-Luận giới-thiệu.*)
44. — Nguyễn Văn-Thảo, Commis indigène à l'Inspection générale des Travaux Publics, 54 rue du Cuivre Hànội (*do ông Vũ Đình-Cung giới thiệu.*)
45. — Đỗ-Đôn, Dessinateur principal à l'Inspection générale des Travaux Publics, 28 rue des Balances Hànội. (*do ông Vũ Đình-Cung giới-thiệu.*)
46. — Đỗ Lê-Thanh, nguyên Bắc-kỳ tư-vấn nghị-viên, xã Xuân-tảo, phủ Hoài-đức Hà-đông.
47. — Phạm Gia-Thiều, Thượng-hạng thư-ký tòa sứ Phú-thọ.
48. — Đào Văn - Hán, ký - lục tòa sứ Phú-thọ.
49. — Lê Văn-Lân, Tham-tá tòa sứ Phú thọ.
50. — Đặng Đình-Điệp, Tham-tá ngạch Nông-lâm Phú-thọ.
51. — Nguyễn Văn - Điệp, Y - tá nhà thương Phú-thọ.
52. — Nguyễn Kim-Thanh, thư-ký tòa Sứ Phú-thọ.
53. — Nguyễn Huy-Lâm, thư-ký tòa Sứ Phú-thọ.
54. — Đinh Xuân-Toản, thư-ký tòa Sứ Phú-thọ.
55. — Vương Văn-Thắng, Thư-ký tòa Sứ Phú-thọ. (10 *ông này do ông hội-viên Đỗ Uông giới thiệu.*)
56. — Vũ Văn-Khang comptable de la Banque Industrielle de Chine (Yunnanfou)
57. — Nguyễn Văn-Kiều, Etudiant en Médecine.
58. — Trần Văn-Huệ, Etudiant en Médecine. Hà-nội, (hai ông này do ông tham Mâng giới-thiệu.)
59. — Trình Trọng-Phúc Hàn-lâm-viện Thị-giảng, Secrétaire principal de chemins de fer à Nam-định.
60. — Nguyễn Năng-Chính, Hàn - lâm-viện Thị-giảng, Dessinateur principal des Travaux Publics à Nam-định.
61. — Nguyễn Văn-Tích, Hàn-lâm-viện Kiểm-thảo Contrôleur de route des chemins de fer de l'Indochine gare Hà-nội (3 ông này do ông Phạm Duy-Trí giới-thiệu)
62. — Trần Mạnh - Đàn, Tri - h[illegible] Tuyên-hóa, Quảng-bình.
63. — Đỗ Kim-Ngọc, tri-châu de [illegible] hóa (Thái-nguyên) (do ông Nguy[illegible] Qui-Toản giới-thiệu)
64. — Nguyễn Đình-Cung, thầ[illegible] và buôn bán, làng Chuyên-mĩ hạ, huyện Phú-xuyên (Hà-đông).

Chư ông chư bà có lòng lạc quyên sô tiền bao nhiêu cùng là phương danh qui-tính sẽ theo thứ-tự đăng lên Nam-Phong tạp-chí ; Nam-Phong lại đăng rõ cả các sô tiền ấy đem cấp cho những Âu-trí-viên làng nào. Như thế thì Nam-Phong tạp-chí lập thành ra một cái biểu chi-thu cho Âu-trí-viên, để cho mười mắt đều trông, mười tay đều trỏ, những tiền làm phúc không sai-suyễn đi đâu chút nào.

Cuộc lạc-quyên này, ngài nào lạc-quyên bằng tiền-bạc hoặc bằng trái-phiếu Đại-Pháp và Đông-Pháp, bản-hội đều nhận cả.

Hội Khai-trí-tiến-đức định rằng các bảo-mẫu phải dạy trẻ con đọc những bài ca và thơ mà hội sẽ đặt để ca-tụng công đức các nhà từ-thiện đã giúp vào công cuộc Âu-trí-viên.

Hội sẽ đặt một tiết kỷ-niệm các công đức ấy. Những trẻ con ở Âu-trí-viên đọc các bài ca-tụng ấy thì công đức các bậc ân-nhân hẳn thấu đến quỉ-thần.

Vậy các ông các bà nên quyên tiền giúp vào Âu-trí-viên để được hạnh phúc.

Trẻ con bên giáo cũng sẽ được phép chung cho cầu-nguyện các nhà từ-tâm theo đạo Thiên-chúa.

Phó

KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC

Chư ông chư bà có lòng lạc quyên sô tiền bao nhiêu cùng là phương danh qui-tính sẽ theo thứ-tự đăng lên Nam-Phong tạp-chí ; Nam-Phong lại đăng rõ cả các sô tiền ấy đem cấp cho những Âu-trí-viên làng nào. Như thế thì Nam-Phong tạp-chí lập thành ra một cái biểu chi-thu cho Âu-trí-viên, để cho mười mắt đều trông, mười tay đều trỏ, những tiền làm phúc không sai-suyễn đi đâu chút nào.

Cuộc lạc-quyên này, ngài nào lạc-quyên bằng tiền-bạc hoặc bằng trái-phiếu Đại-Pháp và Đông-Pháp, bản-hội đều nhận cả.

Hội Khai-trí-tiến-đức định rằng các bảo-mẫu phải dạy trẻ con đọc những bài ca và thơ mà hội sẽ đặt để ca-tụng công đức các nhà từ-thiện đã giúp vào công cuộc Âu-trí-viên.

Hội sẽ đặt một tiết kỷ-niệm các công đức ấy. Những trẻ con ở Âu-trí-viên đọc các bài ca-tụng ấy thì công đức các bậc ân-nhân hẳn thấu đến quỉ-thần.

Vậy các ông các bà nên quyên tiền giúp vào Âu-trí-viên để được hạnh phúc.

Trẻ con bên giáo cũng sẽ được phép chung cho cầu-nguyện các nhà từ-tâm theo đạo Thiên-chúa.

Phó

KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC